

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/07/2019)

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...)

**BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

**1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**



Trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3761 2888

Fax: (84-24) 3519 0416

Website: [www.abbank.vn](http://www.abbank.vn)

**2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**



Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3562 4626

Fax: (84-24) 3562 4628

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Họ tên : Nguyễn Thị Hương

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại : (84-24) 3761 2888

**Hà Nội, tháng 10 năm 2021**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/07/2019)

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .... tháng .... năm .....)

**BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### 1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



#### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3761 2888

Fax: (84-24) 3519 0416

Website: [www.abbank.vn](http://www.abbank.vn)

#### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN



#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3562 4626

Fax: (84-24) 3562 4628

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên : Nguyễn Thị Hương

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại : (84-24) 3761 2888

Hà Nội, tháng 10 năm 2021

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/07/2019)

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình  
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu  
Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu  
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán : 114.262.271 cổ phiếu  
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán : 1.142.622.710.000 đồng  
theo mệnh giá

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Tên Công ty:** Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 20, Bitexco Financial Tower, Số 2 Phố Bà Triệu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 5252

Fax: (84-28) 3824 5250

Website: <http://ey.com>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS)

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3562 4626

Fax: (84-24) 3562 4628

Website: <http://www.abs.vn/>

## MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	4
<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>6</b>
1. Tổ Chức Phát Hành.....	6
2. Tổ Chức Tư Vấn.....	6
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>7</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro pha loãng.....	13
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	15
7. Rủi ro khác.....	15
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>16</b>
1. Khái niệm.....	16
2. Từ viết tắt.....	16
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>18</b>
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.....	20
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành.....	25
5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những Công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	33
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....	35
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% Tổng tài sản trở lên được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất.....	45
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	45
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	46
10. Hoạt động kinh doanh.....	47
11. Chính sách đối với người lao động.....	74
12. Chính sách cổ tức.....	76
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	77
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	77
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	77
16. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	77
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>	<b>78</b>

1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	78
2. Tình hình tài chính .....	84
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của ABBANK .....	95
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức .....	96
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG .....</b>	<b>98</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập .....	98
2. Thông tin về cổ đông lớn .....	98
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng .....	104
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>135</b>
1. Loại cổ phiếu .....	135
2. Mệnh giá cổ phiếu .....	135
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu .....	135
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu tính theo mệnh giá .....	135
5. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu .....	135
6. Phương pháp tính giá .....	135
7. Phương thức phân phối .....	137
8. Nộp tiền mua cổ phiếu .....	139
9. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh .....	140
10. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu .....	141
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu .....	142
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền đặt mua cổ phiếu .....	142
13. Ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đợt tăng vốn điều lệ ABBANK .....	143
14. Hủy bỏ đợt chào bán .....	143
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài .....	143
16. Các loại thuế có liên quan .....	144
17. Thông tin về các cam kết .....	145
18. Lộ trình tăng vốn điều lệ trong năm 2021 .....	145
<b>VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....</b>	<b>145</b>
<b>IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>147</b>
<b>X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>148</b>
1. Tổ Chức Tư Vấn .....	148
2. Tổ chức kiểm toán .....	148
<b>XI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM .....</b>	<b>149</b>
<b>XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN .....</b>	<b>150</b>

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Chức năng nhiệm vụ chính của các Khối .....	28
Bảng 2: Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của ABBANK.....	35
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/6/2021 .....	45
Bảng 4: Cơ cấu thu nhập của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất và tính tới thời điểm hiện tại (riêng lẻ).....	47
Bảng 5: Cơ cấu thu nhập của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất (hợp nhất) và tính tới thời điểm hiện tại .....	48
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận thuần của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất (riêng lẻ) và tính tới thời điểm hiện tại.....	49
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận thuần của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất (hợp nhất) và tính tới thời điểm hiện tại .....	49
Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình (riêng lẻ).....	50
Bảng 9: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình (hợp nhất).....	51
Bảng 10: Dư nợ cho vay của ABBANK (riêng lẻ) .....	52
Bảng 11: Dư nợ cho vay của ABBANK (hợp nhất).....	53
Bảng 12: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của ABBANK (riêng lẻ) .....	53
Bảng 13: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của ABBANK (hợp nhất) .....	54
Bảng 14: Rủi ro lãi suất .....	55
Bảng 15: Cơ cấu cho vay khách hàng theo thời hạn vay của ABBANK (riêng lẻ) ...	55
Bảng 16: Cơ cấu cho vay khách hàng theo thời hạn vay của ABBANK (hợp nhất)	55
Bảng 17: Cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo ngành, nghề kinh doanh.....	56
Bảng 18: Cơ cấu dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp .....	58
Bảng 19: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và dịch vụ thanh toán từ năm 2019 đến hết 30/6/2021.....	59
Bảng 20: Hoạt động thanh toán quốc tế từ năm 2019 đến hết 30/6/2021.....	60
Bảng 21: Chứng khoán kinh doanh.....	61
Bảng 22: Chứng khoán đầu tư .....	62
Bảng 23: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn từ năm 2019 đến hết 30/6/2021 .....	62
Bảng 24: Tài sản cố định của ABBANK ngày 30/6/2021 .....	63

Bảng 25: Bất động sản đầu tư của ABBANK tại ngày 30/06/2021 .....	64
Bảng 26: Danh mục một số khu đất lớn thuộc sở hữu của ABBANK .....	64
Bảng 27: Các dự án đã và đang được triển khai.....	71
Bảng 28: Cơ cấu lao động của ABBANK thời điểm 30/06/2021 .....	74
Bảng 29: Tình hình thu nhập của CBNV qua các năm .....	76
Bảng 30: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2019 đến hết 30/6/2021 .....	80
Bảng 31: Cơ cấu vốn của ABBANK từ năm 2019 đến 30/6/2021 (hợp nhất) .....	84
Bảng 32: Thời gian trích khấu hao tài sản cố định .....	85
Bảng 33: Mức lương bình quân của ABBANK so với các Ngân hàng khác.....	86
Bảng 34: Các khoản lãi, phí phải trả.....	87
Bảng 35: Các khoản phải trả và công nợ khác.....	88
Bảng 36: Các khoản phải thu .....	89
Bảng 37: Các khoản lãi, phí phải thu .....	90
Bảng 38: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2020.....	91
Bảng 39: Trích lập các quỹ năm 2020 .....	91
Bảng 40: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	93
Bảng 41: Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của ABBANK .....	96
Bảng 42: Danh sách cổ đông lớn tại ngày 30/6/2021.....	99
Bảng 43: Lịch trình dự kiến của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng .....	141

**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Phát Hành**

Ông: Đào Mạnh Kháng

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Lê Hải

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Bùi Quốc Việt

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ Chức Tư Vấn**

Ông: Trương Ngọc Lân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 0907.01/2021/HĐTV/ABS-ABB ngày 09 tháng 7 năm 2021 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cung cấp.



**II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

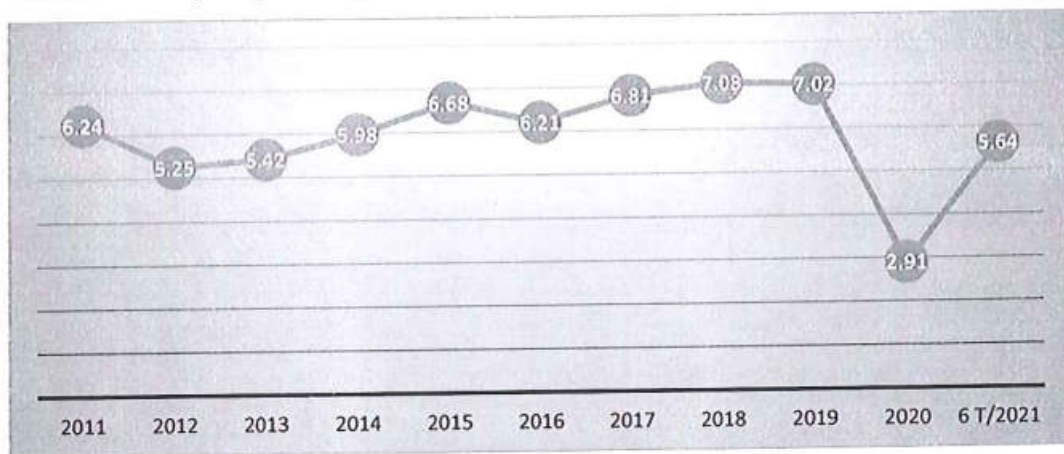
**1. Rủi ro về kinh tế**

Sự biến động của các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong đó có ABBANK.

**a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

**Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 6T/2021 (%)**



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Kinh tế Việt Nam năm 2020 tăng 2,91% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP có thấp hơn các năm nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản lượng của một số cây lâu năm, sản phẩm chăn nuôi chủ yếu và sản lượng tôm năm 2020 tăng khá nên tốc độ tăng của khu vực này đạt cao hơn năm 2019. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 2,55%, chỉ thấp hơn mức tăng của các năm 2011, năm 2012 và năm 2018 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 2,82% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,08%, cao hơn mức tăng 2,8% của năm 2015 và năm 2016 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2020 tăng 3,36% so với năm trước, đóng góp 1,12 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh

tế với mức tăng 5,82%, đóng góp 1,25 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 3,92%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,51%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; khai khoáng giảm 5,62% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 12,6% và khí đốt tự nhiên giảm 11,5%), làm giảm 0,36 điểm phần trăm trong mức tăng chung. Ngành xây dựng tăng 6,76%, cao hơn tốc độ tăng của các năm 2011, năm 2012 và năm 2013 trong giai đoạn 2011-2020, đóng góp 0,5 điểm phần trăm.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ. Khu vực dịch vụ trong năm 2020 đạt mức tăng thấp nhất của các năm 2011-2020. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của năm 2020 như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 5,53% so với năm trước, đóng góp 0,61 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,87%, đóng góp 0,46 điểm phần trăm; 6.24 5.25 5.42 5.98 6.68 6.21 6.81 7.08 7.02 2.91 4.48 2011 2012 2013 2014 2015 2016 2017 2018 2019 2020 QUÝ I/2021 8 ngành vận tải, kho bãi giảm 1,88%, làm giảm 0,06 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 14,68%, làm giảm 0,62 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,72%; khu vực dịch vụ chiếm 41,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,8% (Cơ cấu tương ứng của năm 2019 là: 13,96%; 34,49%; 41,64%; 9,91%). Về sử dụng GDP năm 2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,06% so với năm 2019; tích lũy tài sản tăng 4,12%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,97%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 3,33%.

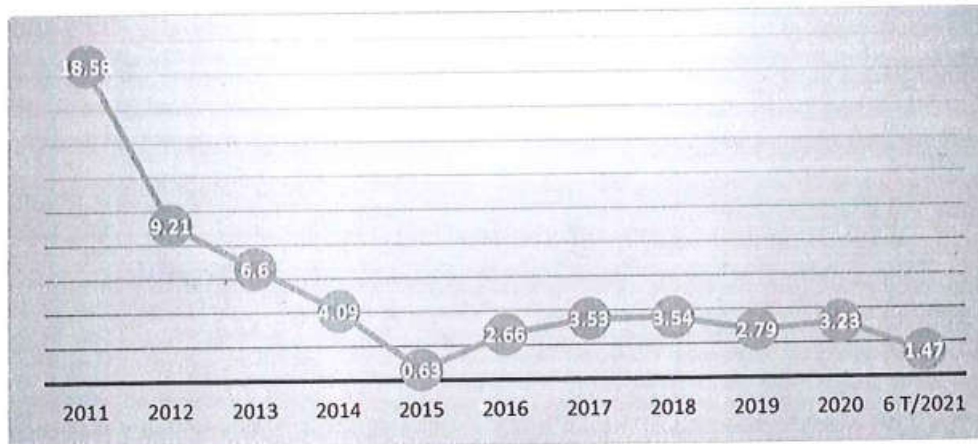
GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Dịch Covid-19 bùng phát tại một số địa phương trên cả nước từ cuối tháng Tư với những diễn biến phức tạp, khó lường đã đặt ra nhiều thách thức, rủi ro cho nước ta trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%, đóng góp 8,17%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%, đóng góp 59,05%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%, đóng góp 32,78%.

Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, những vấn đề về dịch bệnh khó lường. Việc tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng của những biến động từ kinh tế thế giới phần nào cũng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, ABBANK đã chủ động chuẩn bị các phương án hoạt động kinh doanh và phương án tài chính cũng như nguồn lực cần thiết phù hợp theo những kịch bản khác nhau của nền kinh tế.

## b. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần tìm hướng đi để giảm thiểu mức độ tăng của lạm phát. Chỉ số giá tiêu dùng giai đoạn 2011 – 2020 cụ thể như sau:

**Hình 2: Thống kê tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011–6T/2020 (%)**



(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

CPI bình quân năm 2020 lần lượt tăng 3,23% và lạm phát cơ bản tăng 2,31% so với năm trước. Với xu hướng giảm dần của CPI bình quân và lạm phát cơ bản bình quân qua các tháng, lạm phát cả năm 2020 cách khá xa so với mục tiêu 4% và thấp hơn dự báo của các tổ chức quốc tế. CPI 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47%, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt là khi mà NHNN tiếp tục phải kéo dài chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ cho nền kinh tế. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì các loại chi phí của ABBANK, bao gồm cả chi phí trả lương người lao động, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến có thể sẽ tăng. Sự gia tăng chi phí này có thể ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của ABBANK trong thời gian sắp tới.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật, có quan hệ và ảnh hưởng sâu rộng đến bản thân các ngân hàng và đến nhiều đối tượng khách hàng, tầng lớp trong xã hội. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới cho nên hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới để hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam. Việc áp dụng không kịp thời, không chính xác các văn bản pháp luật để điều chỉnh sẽ dẫn đến rủi ro về mặt luật pháp đối với Ngân hàng.

Ban Pháp chế và Tuân thủ của Ngân hàng tham gia đầy đủ và kiểm soát trong quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm,... nhằm đảm bảo hoạt động của ABBANK tuân thủ các quy định hiện hành, cập nhật nhất với các quy định mới đồng thời nắm bắt đầy đủ, nhanh chóng các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật. Bên cạnh đó, ABBANK cũng luôn chủ động trong việc đóng góp xây dựng ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật, chủ động kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong văn bản pháp luật.

**3. Rủi ro đặc thù****a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ABBANK, trừ các trường hợp quy định tại rủi ro tính dụng đối tác. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tính dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có mối quan hệ với ABBANK trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác. Trong đó, đối tác là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với ABBANK trong giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

**b. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất hay tỉ giá. Khi thực hiện giao dịch cho chính mình, ABBANK luôn xem xét tác động của rủi ro thị trường trực tiếp đối với trạng thái trong sổ kinh doanh của ngân hàng cũng như trong mối liên hệ với vai trò của ngân hàng như là một trung gian tài chính cho các khách hàng. Một số loại rủi ro thị trường, ABBANK phải phòng ngừa như sau:

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất tại các ngân hàng thương mại là những tổn thất tiềm tàng mà Ngân hàng phải gánh chịu khi lãi suất thị trường biến động. Đó là các nguy cơ biến động thu nhập và giá trị ròng của ngân hàng khi lãi suất thị trường biến động. Trong hoạt động ngân hàng, việc chấp nhận loại rủi ro này là điều bình thường và rủi ro này cũng ảnh hưởng tới khả năng sinh lời và giá trị cổ đông. Tuy nhiên, Rủi ro lãi suất cao sẽ đe dọa đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Biến động lãi suất trên thị trường sẽ làm thay đổi lợi nhuận hiện tại của ngân hàng (current interest earning) thông qua việc thay đổi thu nhập ròng, thu nhập nhạy cảm lãi suất và các chi phí hoạt động của ngân hàng. Thay đổi của lãi suất cũng làm thay đổi giá trị định giá lại tài sản cố, tài sản nợ và các công cụ ngoại bảng khác vì giá trị hiện tại (Present Value) của các dòng tiền trong tương lai thay đổi khi lãi suất thay đổi. Nói một cách khác lãi suất thay đổi có ảnh hưởng tới giá trị thị trường của các khoản đầu tư và các tài sản Nợ của ngân hàng. Sự thay đổi này có thể không tác động ngay tới bảng báo cáo thu nhập (income statement) của ngân hàng nhưng ngày càng trở nên quan trọng.

Sự thay đổi của lãi suất tác động tới thu nhập và giá trị kinh tế của các tài sản đã cho thấy sự biến động trong tương lai của lãi suất có thể tác động tới tình hình tài chính của ngân hàng. Khi đánh giá về mức độ Rủi ro lãi suất, một ngân hàng cũng nên tính đến tác động của lãi suất trong quá khứ có ảnh hưởng như thế nào tới hoạt động trong tương lai, điển hình như các công cụ trong thị trường tiền tệ không được định giá lại theo thị trường có thể đã có lợi nhuận hoặc mất mát do những sự thay đổi của lãi suất. Lợi nhuận hoặc thua lỗ này có thể đã được thể hiện trong thu nhập

của ngân hàng qua thời gian. Ví dụ một món cho vay dài hạn có lãi suất cố định được giải ngân tại thời điểm có lãi suất thấp khi bên Nguồn vốn phải chịu lãi suất cao hơn thì trong thời gian còn lại của khoản vay sẽ gây ra lỗ cho ngân hàng.

- **Rủi ro ngoại hối**

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn và giá trị của các loại tiền tệ của các khoản ngoại hối mà ABBANK nắm giữ và vì thế có thể làm cho ngân hàng phải gánh chịu thua lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động.

Để phòng ngừa rủi ro này, ABBANK đã triển khai xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền đồng thời xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro.

Trong trường hợp thị trường có những biến động bất ngờ ngoài dự đoán, ngân hàng ABBANK sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro cụ thể bằng các giao dịch ở thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các giao dịch có kỳ hạn bằng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro (Futures, Swaps, Options).

- **Rủi ro về biến động giá cổ phiếu**

Cổ phiếu của ABBANK được niêm yết trên Sàn giao dịch UPCOM sẽ giúp ABBANK nâng cao hình ảnh, thương hiệu, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tăng tính minh bạch thông tin, chuẩn mực hóa hoạt động quản trị Ngân hàng.

Khi cổ phiếu được niêm yết, rủi ro biến động giá cổ phiếu là khó tránh khỏi, giá cổ phiếu của ABBANK sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của Thị trường chứng khoán và biến động của các thị trường có liên quan như thị trường vàng, ngoại hối,... cũng như những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội,... Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào thị hiếu, tâm lý hoặc khẩu vị rủi ro của các nhà đầu tư trên thị trường. Do đó, rủi ro biến động giá cổ phiếu là yếu tố khó lường trước.

**c. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**

Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ABBANK phát sinh do: (i) chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii) thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Từ đầu năm 2020, Ngân hàng nhà nước đã và đang triển khai các giải pháp điều hành nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi sản xuất kinh doanh, hỗ trợ nền kinh tế, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19. Ngân hàng nhà nước quyết định điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, trần lãi suất tiền gửi VND. Những thay đổi chính sách vĩ mô hoàn toàn có thể dẫn tới khả năng thiếu chủ động của Ngân hàng trong việc đối phó với rủi ro bởi những thay đổi của lãi suất trên thị trường và làm giảm thu nhập của Ngân hàng so với dự tính ban đầu.

**d. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là rủi ro liên quan đến những sự cố gây tổn thất, có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của ngân hàng. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát

từ các nguyên nhân như: do cán bộ, nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng hoặc cố tình gian lận), do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng, do hệ thống quy định/quy trình không hiệu quả hoặc do ngoại cảnh tác động.

Để hạn chế rủi ro này, ABBANK đã triển khai những hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm các rủi ro này và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm, nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, ABBANK cũng thường xuyên tổ chức, đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp thực hiện cho toàn thể CBNV ngân hàng.

**e. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) là rủi ro do ABBANK không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc ABBANK có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ABBANK.

Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ xu hướng của các ngân hàng là huy động ngắn hạn và cho vay trung, dài hạn. Khi trường hợp này xảy ra, các khoản huy động về mặt kỹ thuật sẽ phải hoàn trả theo yêu cầu của người gửi tiền. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng, người gửi tiền sẽ rút tiền ra nhanh hơn việc người đi vay sẵn sàng trả nợ. Do vậy, rủi ro thanh khoản là rất thực tế và thường trực trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Hoạt động quản lý thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của Ngân hàng cho hai đồng tiền chính (VND, USD) trên danh mục huy động và cho vay. Hơn nữa, chính sách của ABBANK là duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện thông thường và căng thẳng, đồng thời ABBANK cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

**f. Rủi ro tập trung**

ABBANK thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, ABBANK thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng.

Đối với hoạt động tự doanh, ABBANK xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

**g. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng**

Hoạt động ngoại bảng là các nghiệp vụ được phản ánh trên mục "Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán" như bảo lãnh, cam kết trong nghiệp vụ L/C, cam kết mua ngoại tệ, cam kết bán ngoại tệ, cam kết giao dịch hoán đổi và các cam kết khác cho khách hàng.

Rủi ro của các cam kết này phát sinh khi khách hàng không có khả năng thực hiện đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết thì Ngân hàng sẽ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Nếu ABBANK không thể thu hồi được khoản thanh toán từ khách hàng liên quan đến các cam kết mà ABBANK đã thanh toán thì có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của ABBANK. Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả nợ trả thay và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản cấp tín dụng quá hạn. Ngân hàng quản lý các trạng thái ngoại bảng có tính quan trọng tương đương các khoản mục nội bảng.

Để quản trị rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp quản trị các hoạt động ngoại bảng tương tự đối với rủi ro tín dụng như yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp, các hạn mức cấp cho khách hàng được quyết định trên cơ sở thẩm định chặt chẽ và xem xét như khoản vay.

#### **4. Rủi ro về đợt chào bán**

Xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán còn bất ổn đã có ít nhiều tác động đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình và không dám đầu tư mạo hiểm.

Đợt chào bán cổ phiếu của ABBANK sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố kinh tế vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn vốn có của cổ phần ABBANK. Đợt chào bán cho ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHCĐ thông qua vì vậy rủi ro không thu được thấp.

Trong trường hợp số tiền huy động không đạt được kế hoạch, Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực việc thực hiện kế hoạch sử dụng vốn đã trình bày với cổ đông bằng cách huy động các nguồn vốn vay hoặc tìm kiếm các nguồn vốn khác để đảm bảo đáp ứng mục tiêu đã được ĐHCĐ thông qua.

Mục đích chào bán cổ phần nhằm tăng vốn điều lệ giúp Ngân hàng đảm bảo đáp ứng tốt nhất các chỉ tiêu an toàn hoạt động của ngân hàng theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cũng như các cơ quan đánh giá xếp hạng tín nhiệm độc lập, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, cảnh báo sớm trong hoạt động ngân hàng trong bối cảnh kinh tế nhiều thách thức. Nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động, và khả năng cạnh tranh qua việc bổ sung được nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

#### **5. Rủi ro pha loãng**

Trong đợt phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) rủi ro pha loãng thu nhập trên cổ phiếu (EPS), (ii) rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu của công ty, (iii) về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, (iv) rủi ro do pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV).

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ABBANK : 571.311.355 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phát hành : 114.262.271 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau đợt phát hành : 685.573.626 cổ phiếu

a) Rủi ro pha loãng thu nhập trên cổ phiếu (EPS)

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phần ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, EPS sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận. Khi đó thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn nên thu nhập trên mỗi cổ phiếu có thể sẽ giảm.

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

EPS<sub>pha loãng</sub>: Thu nhập trên mỗi cổ phiếu pha loãng sau đợt phát hành thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q<sub>bq</sub>: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau phát hành)

EPS có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

b) **Rủi ro pha loãng giá thị trường**

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá tham chiếu của cổ phiếu ABBANK sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

Trong đó:

P<sub>tc</sub>: Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát chào bán ra công chúng;

PR<sub>t-1</sub>: Giá cổ phiếu phiên liền trước phiên giao dịch không hưởng quyền;

PR: Giá phát hành

c) **Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết**

Ngoài hai rủi ro pha loãng EPS và giá giao dịch nói trên, việc phát hành cổ phiếu với số lượng lớn còn có thể gây ra rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông hiện hữu không tham gia mua thêm cổ phiếu trong đợt chào bán lần này.

d) **Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách**

Việc phát hành thêm cổ phiếu cũng có thể khiến giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV) giảm khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên. Khi đó BV sẽ được tính với công thức sau:

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc phát hành



cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 5:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu (giá thấp hơn giá trị sổ sách) thì trong thời gian ngắn ngay sau khi phát hành do tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm BV năm 2020 (hay còn gọi là giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của ABBANK).

#### **6. Rủi ro quản trị Công ty**

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc xây dựng và thực hiện khung quản trị doanh nghiệp bao gồm chính sách, quy trình, nhân sự, kiểm tra, giám sát ... là nền tảng quan trọng để bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp, và quy định của pháp luật áp dụng mà khung quản trị được xây dựng phù hợp với định hướng của mình, giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

Đối với Ngân hàng, việc chào bán đợt này là cho cổ đông hiện hữu, mục đích tăng vốn rõ ràng, đã được ĐHCĐ thông qua. Vì vậy ít có khả năng rủi ro về quản trị công ty.

#### **7. Rủi ro khác**

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh v.v. đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ABBANK. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, ABBANK cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại cho ABBANK và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

**III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT****1. Khái niệm**

- Bản cáo bạch : Bản cáo bạch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định về đầu tư chứng khoán.
- Tổ Chức Phát Hành : Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
- Tổ chức kiểm toán : Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.
- Tổ Chức Tư Vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình.
- Điều lệ : Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Vốn điều lệ : Tổng số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu : Là loại chứng khoán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử do Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần.
- Người có liên quan : Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017) và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

**2. Từ viết tắt**

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có ý nghĩa như sau:

- Ngân hàng/ABBANK : Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
- CTCK : Công ty chứng khoán
- CTCP : Công ty cổ phần
- VDL : Vốn điều lệ
- CP : Cổ phiếu
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- TGD : Tổng Giám đốc

- BKS	: Ban Kiểm soát
- HĐQT	: Hội đồng quản trị
- CBNV	: Cán bộ nhân viên
- CMND/CCCD	: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân
- Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư	: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và Dữ liệu Quốc gia về dân cư
- Phòng CS QLHC về TTXH	: Phòng cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
- BCTC	: Báo cáo tài chính
- Thuế GTGT/VAT	: Thuế giá trị gia tăng
- Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ	: Tài sản cố định
- VND	: Việt Nam đồng
- TTCK	: Thị trường chứng khoán
- UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
- VSD	: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- TP.	: Thành phố
- Q.	: Quận
- T.	: Tỉnh
- H.	: Huyện
- TCKT	: Tài chính Kế toán

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành**

- Tên Công ty: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH
- Tên Tiếng Anh: AN BINH JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
- Tên viết tắt: ABBANK
- Trụ sở: Tầng 1, 2, 3 Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam<sup>1</sup>
- Điện thoại: (84-24) 3761 2888
- Fax: (84-24) 3519 0416
- Website: www.abbank.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/07/2019
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập công ty số 535/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 13/05/1993  
Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0031/NH-GP ngày 15/04/1993, được cấp đổi theo Giấy phép số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018, (được cập nhật, sửa đổi nội dung vốn điều lệ theo Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019 và sửa đổi nội dung địa chỉ trụ sở chính theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)
- Mã cổ phiếu: ABB
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.713.113.550.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn bảy trăm mười ba tỷ một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*)
- Vốn điều lệ thực góp: 5.713.113.550.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn bảy trăm mười ba tỷ một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*)

<sup>1</sup> Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp phép (Quyết định 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019) và thực tế ABBANK đã chuyển trụ sở chính đến Tầng 1, 2, 3 Toà nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Việc hoàn tất thủ tục chuyển Đăng ký doanh nghiệp gắn với đăng ký thuế và theo quy định phải thực hiện quyết toán thuế tại nơi đăng ký trụ sở cũ. Do khối lượng đối soát lớn, ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và nhiều lý do khách quan khác nên tiến độ công việc chậm. Đến nay, việc đối soát cơ bản đã kết thúc đang đợi Cục Thuế TP Hồ Chí Minh ký xác nhận để hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo địa chỉ trụ sở chính tại Hà Nội.

- Logo:



- Người đại diện theo pháp luật:

Ông Đào Mạnh Kháng

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ Giấy phép hoạt động ngân hàng số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 do Ngân hàng Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp hiện hành của Ngân hàng, ngành nghề kinh doanh của ABBANK như sau:

**Danh sách ngành nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	<p>Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội):</p> <p>a. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;</p> <p>c. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;</p> <p>d. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;</p>	6499
2.	<p>Hoạt động trung gian tiền tệ khác:</p> <p>a. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;</p> <p>b. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước;</p> <p>c. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;</p> <p>d. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại NHNN; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;</p>	6419 (Chính)

<p>e. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;</p> <p>f. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;</p> <p>g. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;</p> <p>h. Dịch vụ môi giới tiền tệ;</p> <p>i. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật Chứng Khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN;</p> <p>j. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của NHNN;</p> <p>k. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;</p> <p>l. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;</p> <p>m. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định;</p> <p>n. Lưu ký chứng khoán;</p> <p>o. Ví điện tử;</p> <p>p. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;</p> <p>q. Mua nợ</p>	
--	--

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

### 2.1. Quá trình hình thành phát triển

- Ngày 15/04/1993, ABBANK được Ngân hàng nhà nước cấp Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0031/NH-GP.
- Ngày 13/05/1993, Ngân hàng TMCP An Bình được thành lập dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần theo Giấy phép thành lập công ty số 535/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp (với tên gọi ban đầu là Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình) với vốn điều lệ là 1 tỷ đồng;

- Ngày 04/10/2007, ABBANK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 758/UBCK-QLPH của UBCKNN;
- Năm 2004: Từ một ngân hàng TMCP nông thôn, ABBANK được nâng cấp thành ngân hàng quy mô đô thị. ABBANK đã nâng vốn điều lệ lên 70,04 tỷ đồng;
- Năm 2005: Có sự gia nhập của Cổ đông chiến lược trong nước bao gồm Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) và cổ đông lớn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (nay là “Tập đoàn Geleximco – Công ty Cổ phần”). Vốn điều lệ của ABBANK đạt 165 tỷ đồng;
- Năm 2008: Ngân hàng Malayan Banking Berhad (“Maybank”) chính thức trở thành Cổ đông chiến lược nước ngoài của ABBANK với tỷ lệ sở hữu cổ phần 15%. ABBANK tăng vốn điều lệ lên 2.705 tỷ đồng;
- Năm 2009: Maybank nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ABBANK từ 15% lên 20%;
- Năm 2010: ABBANK phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá 600 tỷ đồng cho Tổ chức Tài chính Quốc tế (“IFC”) và Maybank;
- Năm 2013: IFC chính thức trở thành cổ đông lớn, sở hữu 10% vốn điều lệ của ABBANK. Maybank duy trì tỷ lệ sở hữu 20%, tiếp tục giữ vai trò Cổ đông chiến lược của ABBANK;
- 12/12/2018: Được Ngân hàng Nhà nước cấp đổi theo Giấy phép số 120/GP-NHNN ngày (được cập nhật, sửa đổi nội dung vốn điều lệ sau tăng vốn do phát hành cổ phiếu để chia cổ tức theo Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019 và sửa đổi nội dung địa chỉ trụ sở chính chuyển từ TP Hồ Chí Minh ra Hà Nội theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)
- Ngày 10/7/2019: ABBANK hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 5.713 tỷ đồng.
- Ngày 17/12/2020, ABBANK được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 78/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 571.311.355 cổ phiếu.
- Ngày 28/12/2020, Cổ phiếu ABBANK giao dịch phiên đầu tiên trên sàn UPCOM (mã Cổ phiếu ABB).

## 2.2. Những thành tựu đã đạt được

- Năm 2008: Triển khai thành công phần mềm ngân hàng lõi (Core Banking), đưa vào hoạt động trên toàn hệ thống;
- Năm 2012: Mạng lưới ABBANK đạt hơn 140 điểm giao dịch tại 29 tỉnh/ thành trên toàn quốc;
- Năm 2014: ABBANK công bố Tầm nhìn, Sứ mệnh, Mục tiêu và các Sáng kiến chiến lược giai đoạn 2014 – 2018. Tháng 12 năm 2014, ABBANK là một trong 4 Ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai dịch vụ Chuyển khoản liên quốc gia;

- **Năm 2015:** Tháng 10/2015, ABBANK lần đầu được Moody's xếp hạng tín nhiệm trong nhóm tín nhiệm cao nhất hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, tính trên 03 chỉ số quan trọng: Sức mạnh tài chính cơ sở (B3), tín nhiệm tiền gửi nội tệ và ngoại tệ (B2), tín nhiệm Tổ Chức Phát Hành nội tệ và ngoại tệ (B2). Đồng thời triển vọng cho ABBANK được Moody's đánh giá là ổn định. ABBANK là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ thanh toán tiền điện trên hệ thống ATM/ POS của ABBANK dành cho chủ sở hữu thẻ mang thương hiệu VISA;
- **Năm 2016:** Tháng 05/2016, ABBANK nhận giải thưởng Ngân hàng phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam năm 2016 do Global Banking And Finance Review bình chọn. Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm cho ABBANK, ABBANK tiếp tục nằm trong nhóm Ngân hàng thương mại cổ phần có xếp hạng tín nhiệm cao nhất. Mạng lưới mở rộng từ 146 điểm giao dịch tăng lên 159 điểm giao dịch trên 33 tỉnh/ thành;
- **Năm 2017:** Mạng lưới ABBANK đạt 165 điểm giao dịch trên 34 tỉnh/ thành phố. Moody's nâng mức triển vọng đánh giá đối với ABBANK, tiếp tục nằm trong Top 5 NHTMCP tư nhân xếp hạng tín nhiệm cao nhất tại Việt Nam. ABBANK nhận giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm dành cho khách hàng SME tốt nhất Việt Nam năm 2017 do tạp chí Anh Quốc International Finance trao tặng, năm thứ 2 liên tiếp nhận giải thưởng Ngân hàng phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam năm 2017 do Global Banking and Finance Review bình chọn;
- **Năm 2018:** Ngày 13/5/2018, ABBANK tròn 25 năm thành lập. Giữa tháng 8/2018, ABBANK được hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's nâng xếp hạng đối tác với Tiền gửi ngoại tệ từ B2 lên B1 và đánh giá Triển vọng cho tiền gửi nội tệ và phát hành tiền tệ nội địa và ngoại tệ từ Tích cực (B2) sang Ổn định (B1). ABBANK nhận Giải thưởng Ngân hàng Phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2018 (năm thứ ba liên tiếp) và Ngân hàng có Dịch vụ Chăm sóc khách hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do Global Banking and Finance Review bình chọn;
- **Năm 2019:** Tháng 5/2019, ABBANK là 1 trong 7 Ngân hàng đầu tiên chuyển đổi thành công thẻ Từ nội địa sang thẻ Chip nội địa theo tiêu chuẩn VCCS của NHNN. Tháng 12/2019, ABBANK chính thức đưa vào vận hành Hệ thống tính toán tài sản có rủi ro (RWA) theo thông tư 41/2016/TT-NHNN, đánh dấu bước đi mang tính chiến lược giúp ABBANK nâng cao hiệu quả lợi nhuận và năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển hoạt động kinh doanh và thúc đẩy lộ trình triển khai Basel II của ABBANK. Năm thứ 10 liên tiếp Tết An Bình được tổ chức, để lại dấu ấn tốt trong cộng đồng.
- **Năm 2020:** ABBANK vinh dự được tạp chí HR Asia công nhận là một trong những Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2020 – Best Companies to Work for 2020. Triển khai thành công các dự án lớn về Công nghệ thông tin và Quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II, đáp ứng yêu cầu Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tết An Bình năm thứ 11 được tổ chức thành công với chủ đề “Tết An Bình – Liter of the Light 2020”.



**3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành**

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng được trình bày như trong sơ đồ dưới đây:

**Hình 3: Sơ đồ tổ chức của ABBANK**

(Nguồn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình)



Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình được tổ chức và hoạt động dựa trên những văn bản pháp lý sau:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật các Tổ chức Tín dụng;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Ngân hàng; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

#### **4.1. Đại hội đồng Cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ABBANK, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn cụ thể quy định tại Điều lệ Ngân hàng, bao gồm: Thông qua định hướng phát triển; sửa đổi Điều lệ Ngân hàng; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; quyết định mô hình cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của ABBANK; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm; thông qua các quyết định về đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị lớn;...

ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp cần tỉ lệ 65% khi thông qua các quyết định như: Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị từ 20% vốn điều lệ; Tổ chức lại, chấm dứt hoạt động Ngân hàng; Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng.

##### **Thông tin chi tiết:**

- ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Các Cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
- Thông báo triệu tập/xin ý kiến cổ đông bằng văn bản được chuyển đến cổ đông có quyền dự họp qua thư tín, trên website và được công bố trên các phương tiện công bố thông tin theo đúng quy định về thủ tục tổ chức Đại hội.
- Chương trình nghị sự, tài liệu cuộc họp của ĐHĐCĐ và kết quả biểu quyết, biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố trên website của Ngân hàng tại địa chỉ: [www.abbank.vn](http://www.abbank.vn). Ngoài ra, các tài liệu liên quan của Đại hội kèm theo chương trình Đại hội được cung cấp cho những người có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

#### 4.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ nhằm đạt được những mục tiêu chiến lược, sự phát triển bền vững của ABBANK và mang đến những giá trị tốt nhất cho khách hàng.

HDQT ABBANK hiện gồm 07 thành viên, toàn bộ thành viên HDQT là thành viên không điều hành, có 02 thành viên độc lập.

**ABBANK thành lập 05 Hội đồng/Ủy ban để tham mưu, giúp việc cho HDQT, bao gồm:**

- Ủy ban Nhân sự (“HRC”): là cơ quan được HDQT thành lập nhằm mục tiêu giúp HDQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong việc quyết định chính sách liên quan đến quản trị nhân sự và cơ cấu nhân sự của Ngân hàng.
- Ủy ban Quản lý rủi ro (“RMC”): là cơ quan được HDQT thành lập nhằm mục tiêu giúp HDQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong việc quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
- Ủy ban Chiến lược (“SC”): là cơ quan được HDQT thành lập nhằm tham mưu, giúp việc cho HDQT trong công tác xây dựng, theo dõi và giám sát thực hiện chiến lược phát triển của ABBANK.
- Hội đồng Xử lý rủi ro: là cơ quan được HDQT thành lập nhằm mục tiêu tham mưu và quyết định trong việc thực hiện chính sách dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của ABBANK.
- Hội đồng Xử lý nợ: là cơ quan được HDQT thành lập với chức năng chính là tham mưu, giúp HDQT trong công tác xử lý nợ.

Ngoài các Hội đồng/Ủy ban nói trên, HDQT có Văn phòng HDQT là cơ quan tham mưu tổng hợp và giúp việc cho HDQT. Văn phòng HDQT tiếp nhận, xử lý thông tin, thẩm tra nội dung hồ sơ trình HDQT và truyền đạt các quyết định, chỉ đạo từ HDQT; theo dõi, giám sát việc thực thi các quyết định, chỉ đạo của HDQT; hỗ trợ Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

#### 4.3. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ của ABBANK bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ABBANK.

BKS của ABBANK bao gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên bán chuyên trách.

ABBANK đã thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát nhằm thực hiện đánh giá độc lập và thường xuyên đưa ra các khuyến nghị để đảm bảo các chính sách, quy định của ABBANK tuân thủ quy định pháp luật; đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ

tục, quy trình đã được thiết lập; đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

#### **4.4. Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm sau khi đã được NHNN chấp thuận nhân sự. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật các Tổ chức tín dụng, quy định của NHNN và Điều lệ của ABBANK. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của ABBANK mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của ABBANK;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành tại ABBANK, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ;
- Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong ABBANK theo thẩm quyền;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
- Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của ABBANK nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền;
- Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ.

#### **4.5. Ban điều hành**

Giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của ABBANK có các Phó Tổng Giám đốc và một số Thành viên Ban Điều hành. Các Phó TGD, Thành viên BDH thực hiện trách nhiệm trong phạm vi được TGD phân công, uỷ quyền.

**ABBANK thành lập 5 Hội đồng/Uỷ ban để tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành, bao gồm:**

- Hội đồng Quản lý tài sản Nợ và Có (“ALCO”): Được thành lập để quản trị bảng cân đối, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và các rủi ro khác liên quan đến bảng cân đối của ABBANK. ALCO là đầu mối phụ trách đối với các vấn đề liên quan đến việc quản trị bảng cân đối. Hội

đồng này thực hiện giám sát chặt chẽ và định hướng cho cơ cấu tài chính của ABBANK, và đồng thời là một cấu phần không thể tách rời của bộ khung tổng thể về quản trị vốn và rủi ro.

- Hội đồng Rủi ro (“ERC”): Là đơn vị tham mưu và giúp Tổng Giám đốc thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động Quản lý rủi ro tại ABBANK theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của ABBANK.
- Hội đồng Đầu tư (“IC”): Được thành lập nhằm mục đích xem xét, đánh giá, tham mưu, phê duyệt các khoản đầu tư phù hợp với pháp luật và quy định của Ngân hàng, nâng cao tính chuyên nghiệp và sự cẩn trọng trong quá trình đầu tư; Tăng cường giám sát hiệu quả và chất lượng của các dự án đầu tư; Đảm bảo chế độ kiểm soát quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư.
- Hội đồng Tín dụng (“CC”): Được thành lập nhằm xem xét, phê duyệt tín dụng trong phạm vi thẩm quyền do HĐQT quy định, đảm bảo chất lượng tín dụng trên toàn hệ thống ABBANK an toàn và hiệu quả.
- Hội đồng Quản trị dữ liệu (“DGC”): Được thành lập nhằm mục đích tham mưu chính sách, tổ chức thực hiện và giám sát chặt chẽ hoạt động quản trị dữ liệu trong hệ thống ABBANK.
- Hội đồng Quản lý vốn (“CMC”): Được thành lập nhằm giám sát các hoạt động đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn và hiệu quả sử dụng vốn tại ABBANK theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của ABBANK.

#### 4.6. Chức năng, nhiệm vụ của các Khối

**Bảng 1: Chức năng nhiệm vụ chính của các Khối**

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
1	Khối Khách hàng Cá nhân	Thực hiện nghiên cứu thị trường, đánh giá nhu cầu, lựa chọn khách hàng mục tiêu, xây dựng sản phẩm ngân hàng, định giá sản phẩm, xây dựng kế hoạch truyền thông, lựa chọn kênh bán hàng nhằm phục vụ trọn gói các nhu cầu của khách hàng là các KHCCN, SMEs (có doanh thu năm gần nhất đến 200 tỷ đồng) và KHDN (có doanh thu năm gần nhất trên 200 tỷ đồng). Triển khai xây dựng và duy trì các mối quan hệ nhằm bán các sản phẩm ngân hàng và thực hiện các dịch vụ sau bán hàng cho KHCCN, SMEs và KHDN mục tiêu

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
2	Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)	<p>trên toàn hệ thống ABBANK và các kênh bán hàng khác nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược của ABBANK.</p> <p>1. Khối khách hàng cá nhân bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng quản lý bán hàng và phát triển đối tác</li> <li>- Phòng phát triển sản phẩm</li> <li>- Trung tâm thẻ</li> <li>- Trung tâm kiều hối và chuyển tiền quốc tế</li> <li>- Trung tâm kinh doanh bảo hiểm</li> <li>- Trung tâm kinh doanh công nghệ số</li> <li>- Trung tâm khách hàng ưu tiên</li> </ul>
3	Khối Khách hàng doanh nghiệp	<p>2. Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng quản lý bán hàng và phát triển đối tác</li> <li>- Phòng phát triển sản phẩm</li> </ul> <p>3. Khối Khách hàng doanh nghiệp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng quản lý bán hàng và phát triển đối tác</li> <li>- Phòng phát triển sản phẩm</li> <li>- Phòng khách hàng chiến lược</li> <li>- Phòng ngân hàng đầu tư</li> </ul>
4	Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ	<p>Tư vấn và cung cấp các sản phẩm môi giới tiền tệ, các hoạt động liên quan đến sàn giao dịch hàng hóa cho khách hàng để thu phí dịch vụ; Thực hiện các hoạt động tự doanh trên các thị trường bao gồm ngoại hối, lãi suất, hàng hóa, kinh doanh trái phiếu và các sản phẩm phái sinh; Quản lý bảng cân đối của toàn hàng và trạng thái thanh khoản trong phạm vi ALCO cho phép.</p> <p>Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng kinh doanh ngoại tệ và phái sinh</li> <li>- Phòng kinh doanh thu nhập cố định</li> <li>- Phòng kinh doanh và sản phẩm cấu trúc</li> <li>- Phòng FI</li> <li>- Phòng quản lý hoạt động nguồn vốn</li> </ul>

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
5	Khối Vận hành và Dịch vụ Khách hàng	<p>1. Thực hiện chức năng vận hành tín dụng, thanh toán nội địa, thanh toán quốc tế, dịch vụ khách hàng 24/7 (Call Center), quản lý nghiệp vụ kho quỹ, quản lý giao dịch tại quầy, phòng chống rửa tiền.</p> <p>2. Thiết kế, xây dựng đề trình cấp thẩm quyền phê duyệt quản lý các quy trình vận hành thuộc phạm vi nghiệp vụ của Khối, phân bổ nguồn lực phù hợp; tổ chức thực hiện quản lý và giám sát việc thực hiện công tác vận hành Ngân hàng đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của ABBANK trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng nội bộ và bên ngoài đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực, tối đa hóa hiệu quả; đáp ứng nhu cầu khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài phù hợp với định hướng chiến lược của ABBANK.</p> <p><i>Khối Vận hành và Dịch vụ Khách hàng bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm dịch vụ khách hàng</li> <li>- Trung tâm thanh toán quốc tế</li> <li>- Trung tâm thanh toán nội địa</li> <li>- Trung tâm vận hành tín dụng</li> <li>- Phòng phòng chống rửa tiền</li> </ul>
6	Khối Công nghệ Ngân hàng	<p>Phát triển, quản trị, vận hành hệ thống công nghệ ngân hàng đáp ứng yêu cầu hoạt động, kinh doanh theo các mục tiêu chiến lược của ABBANK, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của ABBANK và tuân thủ quy định của nhà nước về an toàn bảo mật, cũng như các thông lệ tốt nhất về quản trị, vận hành hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin.</p> <p><i>Khối Công nghệ Ngân hàng bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phát triển ứng dụng</li> <li>- Trung tâm quản lý và vận hành dịch vụ</li> <li>- Phòng an toàn thông tin</li> <li>- Phòng quản trị công nghệ thông tin</li> </ul>



STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
7	Khối Thẩm định và Phê duyệt Tín dụng	<p>Thực hiện thẩm định tài sản, thẩm định tín dụng và phê duyệt tín dụng theo chính sách tín dụng và mục tiêu chiến lược của ABBANK và phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK về cấp tín dụng.</p> <p><i>Khối Thẩm định và Phê duyệt Tín dụng bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm thẩm định khách hàng doanh nghiệp</li> <li>- Trung tâm thẩm định SME</li> <li>- Trung tâm thẩm định khách hàng cá nhân</li> <li>- Trung tâm phê duyệt tín dụng</li> <li>- Phòng thẩm định tài sản</li> </ul>
8	Khối Quản lý Rủi ro	<p>Thực hiện dự báo, nhận diện, đo lường, đánh giá mức độ ưu tiên, quản lý và giám sát danh mục các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ABBANK. Xây dựng và ban hành các chính sách, quy định liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng, quy trình quản lý rủi ro, xác định trách nhiệm trong quản lý rủi ro của các tuyến phòng thủ; thực hiện báo cáo; phối hợp phát triển công cụ, hệ thống có liên quan.</p> <p><i>Khối Quản lý Rủi ro bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng quản lý rủi ro thị trường</li> <li>- Phòng quản lý rủi ro hoạt động</li> <li>- Phòng quản lý rủi ro và chính sách tín dụng</li> </ul>
9	Khối Tổng hợp	<p>Thực hiện nhiệm vụ xây dựng phát triển thương hiệu, marketing và truyền thông theo đúng các mục tiêu chiến lược ABBANK; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện chức năng hỗ trợ trong việc quản lý hành chính, công tác mua sắm tập trung và trên toàn hệ thống.</p> <p><i>Khối Tổng hợp bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng truyền thông và marketing</li> <li>- Phòng mua sắm</li> <li>- Phòng hành chính</li> <li>- Phòng phát triển mạng lưới</li> </ul>

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
10	Khối Kế toán	<p>Lập kế hoạch và quản lý chi phí hoạt động của Ngân hàng. Thực hiện công tác kế toán; thiết lập các báo cáo kế toán theo quy định của pháp luật. Kiểm soát và đảm bảo sự tuân thủ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán thuế theo quy định của pháp luật và của ABBANK.</p> <p><i>Khối Kế toán bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng kế toán tổng hợp</li> <li>- Phòng kế toán nguồn vốn</li> <li>- Phòng kế toán thanh toán</li> <li>- Phòng kiểm soát</li> </ul>
11	Khối Quản trị Nguồn Nhân lực	<p>Thực hiện chức năng quản lý nguồn nhân lực cho các đơn vị tại ABBANK bao gồm các dịch vụ nội bộ liên quan đến tuyển dụng và tuyển chọn nhân sự; đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự tiềm năng và kế cận; xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách để thu hút, gìn giữ nhân sự có chất lượng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược của ABBANK.</p> <p><i>Khối Quản trị Nguồn Nhân lực bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm đào tạo và phát triển</li> <li>- Phòng quản lý nhân sự</li> <li>- Phòng tuyển dụng</li> <li>- Phòng lương và chế độ đãi ngộ</li> </ul>
12	Ban Pháp chế và Tuân thủ	<p>Đảm bảo sự tuân thủ luật pháp và các quy định trong ngân hàng trong mọi hoạt động của Ngân hàng; Đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của ABBANK trên phương diện pháp lý.</p> <p><i>Ban Pháp chế và Tuân thủ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng pháp chế</li> <li>- Phòng giám sát tín dụng</li> <li>- Phòng giám sát phi tín dụng</li> </ul>

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
13	Ban Xử lý Nợ	<p>Quản lý hệ thống trên toàn ABBANK về nợ có vấn đề và xử lý nợ có vấn đề theo các quy định của pháp luật và ABBANK.</p> <p><i>Ban Xử lý Nợ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng xử lý nợ phía Bắc</li> <li>- Phòng xử lý nợ phía Nam</li> <li>- Phòng giám sát và khắc phục nợ có vấn đề</li> </ul>
14	Ban Tài chính	<p>Thực hiện chức năng tài chính quản trị; quản lý tài sản nợ - tài sản có; quản lý vốn; quản lý thu nhập, chi phí và hỗ trợ phân tích kinh doanh; lập và theo dõi, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p><i>Ban Tài chính bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng quản lý bảng cân đối</li> <li>- Phòng phân tích kinh doanh</li> <li>- Phòng quản trị dữ liệu</li> </ul>
15	Văn phòng Tổng Giám đốc	<p>Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc điều hành hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK; tham gia theo dõi, giám sát việc thực thi các nghị quyết và chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong phạm vi được giao; thực hiện chức năng quản lý dự án, quản lý chất lượng dịch vụ của Ngân hàng.</p> <p><i>Văn phòng Tổng Giám đốc bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trợ lý</li> <li>- Văn phòng</li> <li>- Phòng quản lý chất lượng</li> </ul>

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những Công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ

Không có

5.2. Danh sách Công ty con

**5.2.1. Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình (“ABBA”)**

- Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3519 0425
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0104009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/06/2015.
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Bán tài sản đảm bảo nợ vay; Cơ cấu nợ tồn đọng; Xử lý tài sản đảm bảo: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, v.v.; Thực hiện mua bán Nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng và các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản;
  - Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn;
  - Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình;
  - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: Các dịch vụ ủy thác và giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng; Trung gian dàn xếp mua bán nợ;
  - Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của ABBANK tại ngày 30/9/2021: 100% vốn điều lệ.
- Giá trị vốn góp: 260.000.000.000 đồng.

**5.2.2. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA (“ABBAS”) – Là công ty do ABBA trực tiếp sở hữu 100% vốn.**

- Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3519 0425
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/05/2018.
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Hoạt động bảo vệ cá nhân;
  - Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của ABBANK tại ngày 30/9/2021: ABBANK gián tiếp sở hữu 100% vốn điều lệ của ABBAS thông qua ABBA.
- Giá trị vốn góp: 2.000.000.000 đồng.



5.3. Danh sách những công ty mà Tổ Chức Phát Hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc sở hữu cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của ABBANK tại ngày 15/04/1993 là 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ ABBANK là 5.713.113.550.000 đồng (Bằng chữ: Năm nghìn, bảy trăm mười ba tỷ, một trăm mười ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của ABBANK như sau:

**Bảng 2: Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của ABBANK**

Đơn vị tính: 1.000 Đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Thành lập	1993	-	1.000.000	Cổ đông sáng lập và cổ đông thường góp vốn thành lập ABBANK	- Giấy phép thành lập số 535/GP-UB do UBND TP. HCM cấp ngày 17/05/1993; - Giấy CNĐKKD số 059066 do Trọng tài Kinh tế TP. HCM cấp ngày 17/5/1993; - Giấy phép hoạt động số 0031/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/4/1993.
Lần 1	03/1998	200.000	1.200.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Quyết định số 102/1998/QĐ-NHNN5 do NHNN Việt Nam cấp ngày 21/03/1998 <sup>2</sup>
Lần 2	10/2001	3.800.000	5.000.000	Phát hành cho	- Công văn số 986/NHTP.2001 do

<sup>2</sup> Đợt tăng vốn lần 1 và lần 2 được thực hiện từ năm 1998 và 2001, do thời gian khá lâu và trải qua nhiều giai đoạn thay đổi về tổ chức, nhân sự và địa điểm Trụ sở, do vậy hồ sơ lưu trữ của Ngân hàng cho đến thời điểm hiện nay không còn đầy đủ (như Nghị quyết, biên bản họp thông qua việc tăng vốn, chấp thuận của NHNN thông qua, báo cáo kết quả phát hành, v.v).

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				cổ đông mới	NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 12/10/2001; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/5/2002. <sup>3</sup>
Lần 3	06/2003	21.804.000	26.804.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 21/02/2002; - Công văn số 494/NHTP.2003 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 05/5/2003; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/6/2003.
Lần 4	12/2003	9.300.000	36.104.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/6/2003; - Nghị quyết ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An bình số 227/NHAB-03 ngày 20/6/2003; - Phương án hoạt động năm 2003 kèm theo Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ ngày 20/6/2003; - Công văn số 1338/NHNN-HCM02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 26/12/2003; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2003.
Lần 5	08/2004	33.940.000	70.044.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 09/3/2004 và Phương án hoạt

<sup>3</sup> [Xem ghi chú số 2]

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					<p>động năm 2004 đính kèm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 967/NHNN-HCM02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 22/06/2004;</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/8/2004.</li> </ul>
Lần 6	07/2005	94.956.000	165.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 05/4/2005 và Phương án hoạt động kinh doanh năm 2005 đính kèm;</li> <li>- Công văn số 1513/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 13/07/2005;</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/7/2005.</li> </ul>
Lần 7	06/2006	335.000.000	500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới, CP thưởng cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 17/02/2006;</li> <li>- Công văn số 677/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 02/06/2006;</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/6/2006.</li> </ul>
Lần 8	10/2006	490.000.000	990.000.000	Phát hành chào bán CP cho cổ đông hiện hữu và	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Ngân hàng TMCP An Bình ngày 20/7/2006 về Tăng</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				cho CBNV, thưởng cho cổ đông hiện hữu	vốn điều lệ và phương án tăng vốn điều lệ; - Công văn số 1254/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 15/09/2006; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/10/2006.
Lần 9	11/2006	141.950.500	1.131.950.500	Thưởng cho cổ đông hiện hữu	- Quyết định của ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 30/9/2006; - Công văn số 1517/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 06/11/2006; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/11/2006.
Lần 10	10/2007	1.168.049.500	2.300.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và CBNV, CP trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CĐ chiến lược	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 02/02/2007 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2007 đính kèm; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/6/2007 và Phương án tăng vốn điều lệ 2007 bổ sung đính kèm; - Công văn số 863/NHNN-HCM02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 13/06/2007; - Quyết định số 133b/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2007 về việc tăng vốn



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					<p>điều lệ năm 2007 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng gửi UBCK số 79/BC-NHAB.07 ngày 31/10/2007 của HĐQT;</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24/10/2007.</li> </ul>
Lần 11	09/2008	405.882.350	2.705.882.350	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Maybank	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 31/3/2008 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2008 đính kèm;</li> <li>- Công văn số 875/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 02/06/2008;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi UBCK theo thông báo số 122/TB-HĐQT.08 ngày 30/9/2008 của HĐQT;</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/10/2008.</li> </ul>
Lần 12	08/2009	144.256.130	2.850.138.480	Phát hành riêng lẻ cho Maybank và CP thưởng cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/3/2009 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2010 đính kèm; Phương án tăng vốn điều lệ năm 2010;</li> <li>- Công văn số 1553/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 22/7/2009;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn số 80/CV-</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					<p>HĐQT.09 ngày 15/9/2009 của HĐQT;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/8/2009 thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBANK.</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01/09/2009.</li> </ul>
Lần 13	12/2009	632.374.480	3.482.512.960	Phát hành riêng lẻ, CP thường cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/3/2009, Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2019 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;</li> <li>- Công văn số 8611/VPCP-KHTH của Văn phòng Chính phủ ngày 02/12/2009;</li> <li>- Công văn số 9598/NHNN-TTGSNH và công văn số 9699/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 08/12/2009;</li> <li>- Công văn số 2657/NHNN-HCM02 và công văn số 2658/NHNN-HCM02 của NHNN Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh ngày 10/12/2009;</li> <li>- Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 11/12/2009 và ngày 21/12/2009 thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBANK;</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 2864/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 11/12/2009;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn 99/CV-HĐQT.09 ngày 17/12/2009;</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15/12/2009.</li> </ul>
Lần 14	01/2011	348.251.300	3.830.764.260	CP thường cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 24/3/2010, Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2010 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;</li> <li>- Công văn số 8731/NHNN-TTGSNH ngày 10/11/2010 của NHNN Việt Nam;</li> <li>- Công văn số 3930/UBCK-QLPH ngày 29/11/2010 và công văn số 3982/UBCK-QLPH ngày 02/12/2010 của UBCKNN;</li> <li>- Quyết định số 235/QĐ-HĐQT.10 ngày 02/12/2010 của HĐQT ABBANK về phương án xử lý cổ phiếu lẻ;</li> <li>- Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06/12/2010 và thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBANK;</li> <li>- Quyết định Tăng vốn điều lệ số 245/QĐ-HĐQT.10 ngày 16/12/2010 của HĐQT;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn số 04/CV-</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					<p>HĐQT.11 ngày 06/01/2011 của HĐQT;</p> <p>- Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/01/2011.</p>
Lần 15	11/2011	369.235.500	4.199.999.760	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<p>- Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 27/5/2011 và Báo cáo của HĐQT về hoạt động 2010 và định hướng hoạt động 2011 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;</p> <p>- Công văn số 7498/NHNN-TTGSNH ngày 26/9/2011 của NHNN Việt Nam;</p> <p>- Công văn số 3732/UBCK-QLPH ngày 9/11/2011 của UBCKNN;</p> <p>- Quyết định số 180/QĐ-HĐQT.11 ngày 17/11/2011 của HĐQT;</p> <p>- Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ theo công văn số 07/TB-HĐQT.11 ngày 20/12/2011 của HĐQT;</p> <p>- Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 13/12/2011.</p>
Lần 16	04/2013	598.000.000	4.797.999.760	Chuyển đổi trái phiếu của Maybank và IFC thành cổ phiếu	<p>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 28/5/2012 và Phương án Tăng vốn điều lệ đính kèm;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-HĐQT.12 ngày 29/10/2012 về việc điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ 2012 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;</p>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 2567/NHNN-TTGSNH ngày 12/04/2013 của NHNN Việt Nam;</li> <li>- Công văn số 1468/UBCK-QLPH ngày 16/4/2013 của UBCKNN;</li> <li>- Quyết định số 37/QĐ-HĐQT.13 ngày 15/4/2013 về việc Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2010 thành cổ phiếu; và Quyết định số 40/QĐ-HĐQT.13 ngày 18/4/2013 về Thực hiện tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;</li> <li>- Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ tại công văn số 17/CV-HĐQT.13 ngày 22/4/2013;</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 26/4/2013.</li> <li>- Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19/8/2013 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP An Bình với mức vốn điều lệ là: 4.797.999.760.000 đồng.</li> </ul>
Lần 17	09/2016	521.496.530	5.319.496.290	CP thường cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 27/4/2015 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;</li> <li>- Công văn số 5017/NHNN-TTGSNH ngày 05/07/2016;</li> <li>- Công văn số 6756/UBCK-QLCB ngày 07/10/2016 của UBCKNN;</li> <li>- Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					<p>theo công văn số 10-1/TB-HĐQT.16 ngày 09/9/2016 của HĐQT;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 04/10/2016.</li> <li>- Quyết định số 621/QĐ-NHNN ngày 30/3/2017 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP An Bình với mức vốn điều lệ là: 5.319.496.290.000 đồng</li> </ul>
Lần 18	07/2019	393.617.260	5.713.113.550	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho CĐ hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 25/4/2018 và Tờ trình tăng vốn điều lệ 2018 đính kèm;</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản tổng hợp kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để chia cổ tức ngày 30/11/2018 và Phương án tăng vốn kèm theo;</li> <li>- Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT.19 ngày 03/4/2019 của HĐQT về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để chia cổ tức cho cổ đông;</li> <li>- Công văn số 2717/NHNN-TTGSNH ngày 16/04/2019 của NHNN Việt Nam;</li> <li>- Công văn số 3709/UBCK-QLCB ngày 18/6/2019 của UBCKNN;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo công văn số 21/CV-HĐQ.19 ngày</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					10/7/2019; - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/7/2019. - Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP An Bình với mức vốn điều lệ là: 5.713.113.550.000 đồng

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% Tổng tài sản trở lên được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất  
Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Căn cứ Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2021 do VSD cung cấp, danh sách cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình gồm 18.603 cổ đông, nắm giữ 571.311.355 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng như sau:

**Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/9/2021**

ST T	Cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>17.978</b>	<b>399.890.859</b>	<b>3.998.908.590.000</b>	<b>70%</b>
1	Cổ đông tổ chức	45	93.640.006	936.400.060.000	16,4%
2	Cổ đông cá nhân	17.933	306.250.853	3.062.508.530.000	53,6%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>2</b>	<b>171.420.496</b>	<b>1.714.204.960.000</b>	<b>30%</b>
1	Cổ đông tổ chức	2	171.420.496	1.714.204.960.000	30%

ST T	Cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
III	Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0	0
IV	Cổ phiếu Quỹ	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17.980</b>	<b>571.311.355</b>	<b>5.713.113.550.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Theo danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/9/2021 do VSD cung cấp)

8.2. **Cổ phiếu ưu đãi:** Không có.

8.3. **Các loại chứng khoán khác:** Không có.

9. **Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

9.1. **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của pháp luật**

Giới hạn nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại: (i) Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Theo đó, giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ, trừ trường hợp nhà đầu tư chiến lược nước ngoài;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ;
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 30% vốn điều lệ.

9.2. **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành theo quyết định của ĐHĐCĐ và Điều lệ**

Căn cứ Khoản 2, Điều 12 Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/4/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được quy định như sau: “Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần ABBANK. Điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu



cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ”.

### 9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ Chức Phát Hành hiện tại

Tại thời điểm ngày 30/9/2021, số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng là 171.420.496 cổ phiếu, tương ứng 30% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK đã đạt giới hạn tối đa cho phép. (ABBANK đã có văn bản thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài gửi VSD và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngay sau khi cổ phiếu ABB được đăng ký lưu ký tập trung và giao dịch trên sàn UPCOM về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và tỷ lệ này đã đạt mức tối đa).

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

ABBANK cung cấp các dịch vụ đa dạng nhằm phục vụ tất cả các đối tượng khách hàng dựa trên ba phân khúc cốt lõi bao gồm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (“SME”) và khách hàng doanh nghiệp. Các sản phẩm và dịch vụ chính bao gồm:

- Sản phẩm tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn; Tiền gửi thanh toán;
- Sản phẩm cho vay: cho vay sản xuất thương mại dịch vụ; cho vay mua nhà; cho vay sửa chữa, xây dựng, trang trí nội thất; cho vay trả góp, sinh hoạt, tiêu dùng; cho vay cầm cố sổ tiết kiệm và các sản phẩm dịch vụ cho vay khác;
- Thanh toán quốc tế: Thư tín dụng (L/C); Chuyển tiền; Nhờ thu; Kiều hối – MoneyGram
- Các sản phẩm dịch vụ khác: chuyển tiền trong nước; kinh doanh ngoại tệ; dịch vụ ngân quỹ; thu chi hộ; bảo lãnh; xác nhận khả năng tài chính; phone Banking; internet banking, v.v...

**Bảng 4: Cơ cấu thu nhập của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất và tính tới thời điểm hiện tại (riêng lẻ)**

Stt	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế 9 tháng 2021	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.492	78,49%	6.648	75,66%	4.758	71,28%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	323	4,24%	351	3,68%	359	5,38%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	484	5,85%	742	8,44%	1.128	16,90%

Stt	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế 9 tháng 2021	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	203	3,04%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	607	7,34%	855	9,73%	35	0,52%
<b>Tổng</b>		<b>7.906</b>	<b>95,93%</b>	<b>8.568</b>	<b>97,51%</b>	<b>6.483</b>	<b>97,13%</b>

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 5: Cơ cấu thu nhập của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất (hợp nhất) và tính tới thời điểm hiện tại**

Stt	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế 9 tháng 2021	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.526	78,70%	6.684	75,45%	4.780	71,05%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	355	4,28%	383	4,32%	384	5,71%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	484	5,84%	742	8,38%	1.128	16,76%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	6,7	0,08%	210	3,11%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	612	7,38%	855	9,65%	35	0,52%
<b>Tổng</b>		<b>7.977</b>	<b>96,20%</b>	<b>8.670,7</b>	<b>97,88%</b>	<b>6.536</b>	<b>97,15%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận thuần của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất (riêng lẻ) và tính tới thời điểm hiện tại**

St t	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế 9 tháng 2021	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng LN gộp (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng LN gộp (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng LN gộp (%)
1	Lợi nhuận thuần từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.438	67,39%	2,345	62,17%	2.176	68,49%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động dịch vụ	198	5,47%	208	5,51%	224	7,05%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	196	5,42%	302	8,01%	464	14,59%
4	Lợi nhuận thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	188	5,93%
5	Lợi nhuận thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	574	15,87%	757	20,07%	(21)	-0,65%
<b>Tổng</b>		<b>3.406</b>	<b>94,14%</b>	<b>3.612</b>	<b>95,76%</b>	<b>3.031</b>	<b>95,41%</b>

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận thuần của từng loại sản phẩm, dịch vụ trong 02 năm gần nhất (hợp nhất) và tính tới thời điểm hiện tại**

St t	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế 9 tháng 2021	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng LN gộp (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng LN gộp (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng LN gộp (%)
1	Lợi nhuận thuần từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.479	68,14%	2.381	63,09%	2.197	68,94%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động dịch vụ	193	5,31%	194	5,14%	208	6,52%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	196	5,39%	302	8,00%	464	14,54%
4	Lợi nhuận thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	6	0,16%	195	6,11%
5	Lợi nhuận thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	578	15,89%	757	20,06%	(21)	-0,64%
<b>Tổng</b>		<b>3.446</b>	<b>94,72%</b>	<b>3.640</b>	<b>96,45%</b>	<b>3.043</b>	<b>95,46%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

## 10.1.1. Huy động vốn

Huy động vốn là một hoạt động được Ngân hàng chú trọng. Các sản phẩm huy động vốn của ABB rất đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền của dân cư và các tổ chức bằng ngoại tệ và nội tệ thông qua nhiều kênh huy động.

**Thị trường 1:** Là mảng thị trường tập trung vào các đối tượng là cá nhân và các tổ chức kinh tế. Ngoài các sản phẩm huy động truyền thống như sản phẩm tiền gửi tiết kiệm, ABBANK không ngừng đưa ra các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích, cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của cá nhân và tổ chức như: (i) chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, (ii) trái phiếu. Ngoài ra, nhờ có chính sách lãi suất phù hợp cùng với các chương trình khuyến mãi với quà tặng hấp dẫn và mạng lưới hoạt động rộng khắp trong cả nước, thương hiệu của ABBANK đã chiếm được vị trí vững chắc trong tiềm thức dân cư và các doanh nghiệp nên việc huy động vốn cũng trở nên thuận lợi.

**Thị trường 2:** Là mảng thị trường tập trung vào các định chế tài chính. Bên cạnh việc kinh doanh liên ngân hàng, ABBANK còn nhận vốn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các dự án trọng điểm, đóng góp chung vào sự phát triển của nền kinh tế.

Hoạt động huy động vốn của ABBANK biến chuyển tốt qua các năm và tập trung chủ yếu vào khu vực dân cư và các tổ chức kinh tế, duy trì tỷ trọng hợp lý giữa nguồn vốn huy động từ thị trường 1 và thị trường 2, từ đó nâng cao dự trữ thanh khoản và thực hiện đúng chiến lược tái cơ cấu bảng cân đối của ABBANK.

**Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình (riêng lẻ)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>69.595</b>	<b>72.522</b>	<b>67.099</b>
Tiền gửi không kỳ hạn	7.875	12.509	12.764
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	60.511	59.141	53.124
Tiền gửi vốn chuyên dùng	867	484	846
Tiền ký quỹ	342	388	365
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>16.735</b>	<b>26.502</b>	<b>25.832</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	8.466	22.904	23.218
Vay các TCTD khác	8.269	3.598	2.615
<i>Trong đó, vay của IFC (Huy động nước ngoài)</i>	<i>2.584</i>	<i>1.693</i>	<i>1.252</i>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>5.191</b>	<b>5.606</b>	<b>7.906</b>

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>1.162</b>	<b>938</b>	<b>723</b>
<i>Trong đó, Vốn tài trợ của ADB (Huy động nước ngoài)</i>	927	770	607
<b>Tổng</b>	<b>92.683</b>	<b>105.568</b>	<b>101.560</b>

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 9: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình (hợp nhất)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>69.574</b>	<b>72.508</b>	<b>67.054</b>
Tiền gửi không kỳ hạn	7.874	12.498	12.731
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	60.491	59.138	53.112
Tiền gửi vốn chuyên dùng	867	484	846
Tiền ký quỹ	342	388	365
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>16.735</b>	<b>26.502</b>	<b>25.832</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	8.466	22.904	23.218
Vay các TCTD khác	8.269	3.598	2.615
<i>Trong đó, vay của IFC (Huy động vốn nước ngoài)</i>	2.584	1.693	1.252
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>5.191</b>	<b>5.606</b>	<b>7.906</b>
<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>1.162</b>	<b>938</b>	<b>723</b>
<i>Trong đó, Vốn tài trợ nước ngoài (Huy động vốn nước ngoài)</i>	927	770	607
<b>Tổng</b>	<b>92.662</b>	<b>105.554</b>	<b>101.515</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Năm 2020, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của ABBANK đạt 105,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,89 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng gần 14% so với năm 2019. Đến 30/9/2021, nguồn vốn huy động đạt 101,5 nghìn tỷ đồng (tương đương 96,2% so với thời điểm đầu năm), do giảm các khoản tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác.

Cơ cấu huy động của ABBANK tập trung chủ yếu vào tiền gửi của khách hàng được duy trì với tỷ trọng lớn, giao động từ 65 - 80% tổng nguồn huy động. Trong năm 2020, tiền gửi khách hàng của ABBANK tăng từ 69,57 nghìn tỷ đồng lên 72,50 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 4,22% so với năm 2019 (chiếm tỷ trọng 68,7% nguồn vốn huy động). Tiền gửi và vay các TCTD khác năm 2020 tăng 58,36% so với năm 2019 và 30/9/2021 bằng 97,47% so với 31/12/2021; trong đó huy động vốn nước ngoài giảm dần qua các thời kỳ. Phát hành giấy tờ có giá 31/12/2020 tăng 7,99% so với năm 2019 và bằng 70,91% so với 9 tháng năm 2021.

ABBANK kiểm soát và giảm chi phí huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn nhờ vào khả năng cung cấp cho khách hàng sự tiện ích, các sản phẩm và dịch vụ mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng để bù đắp cho lãi suất tiền gửi thấp hơn. Các khách hàng gửi tiền ít nhạy cảm về lãi suất có xu hướng chọn gửi tiền tại ngân hàng tiện lợi về mặt địa điểm và các dịch vụ đi kèm hơn là lãi suất tiền gửi. Để tiếp tục huy động vốn với chi phí thấp thông qua tiền gửi khách hàng, ABBANK tập trung phát triển và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu cung cấp các dịch vụ hiện đại, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ưu việt nhằm bứt phá vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.

### 10.1.2. Hoạt động tín dụng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình luôn chủ trương cấp tín dụng an toàn, thận trọng và phân tán, nhằm giảm thiểu rủi ro. Việc tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng. Hoạt động tín dụng của ABBANK được giữ vững theo phương châm an toàn và thận trọng, không cạnh tranh bằng cách nói lỏng điều kiện tín dụng. ABBANK theo đuổi chiến lược bán lẻ và tập trung phát triển thúc đẩy cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tổng dư nợ của Ngân hàng giai đoạn từ năm 2019 đến hết 30/9/2021 như sau:

**Bảng 10: Dư nợ cho vay của ABBANK (riêng lẻ)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi tại và cho vay TCTD	17.776	24,1%	28.367	31,19%	20.859	23,83%
Cho vay khách hàng	56.070	75,9%	62.588	68,81%	66.665	76,17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.846</b>	<b>100%</b>	<b>90.955</b>	<b>100%</b>	<b>87.523</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 11: Dư nợ cho vay của ABBANK (hợp nhất)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi tại và cho vay TCTD	17.855	24,2%	28.459	31,25%	20.867	23,84%
Cho vay khách hàng	56.070	75,8%	62.588	68,75%	66.665	76,17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.925</b>	<b>100%</b>	<b>91.047</b>	<b>100%</b>	<b>87.532</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

BCTC hợp nhất năm 2020 ghi nhận tổng dư nợ cho vay của ABBANK đạt 91,04 nghìn tỷ đồng, tăng 17,12 nghìn tỷ đồng so với năm 2019, tương đương mức tăng trưởng 23,16%. Đến hết 30/9/2021, con số này 87,53 nghìn tỷ đồng (đạt 96,14% so với đầu năm 2021).

### Chất lượng tín dụng

**Bảng 12: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của ABBANK (riêng lẻ)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	54.803	96,5%	60.931	96,27%	63.094	94,64%
Nợ cần chú ý	687	1,2%	1.038	1,64%	1.632	2,45%
Nợ dưới tiêu chuẩn	292	0,5%	208	0,33%	604	0,91%
Nợ nghi ngờ	423	0,7%	493	0,78%	390	0,58%
Nợ có khả năng mất vốn	597	1,1%	621	0,98%	946	1,42%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.803</b>	<b>100,0%</b>	<b>63.293</b>	<b>100%</b>	<b>66.665</b>	<b>100,00%</b>
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,49%		8,98%		11,87%	
Tỷ lệ nợ khó đòi	1,72%		1,5%		2,06%	

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 13: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của ABBANK (hợp nhất)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	54.803	96,5%	60.931	96,27%	63.094	94,64%
Nợ cần chú ý	687	1,2%	1.038	1,64%	1.632	2,45%
Nợ dưới tiêu chuẩn	292	0,5%	208	0,33%	604	0,91%
Nợ nghi ngờ	423	0,7%	493	0,78%	390	0,58%
Nợ có khả năng mất vốn	597	1,1%	622	0,98%	946	1,42%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.803</b>	<b>100,0%</b>	<b>63.293</b>	<b>100%</b>	<b>66.665</b>	<b>100,00%</b>
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,53%		9,05%		11,87%	
Tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)	1,72%		1,5%		2,06%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Danh mục cấp tín dụng của Ngân hàng luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi Khối Quản lý rủi ro và dựa trên các nguyên tắc an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; thận trọng trong cho vay trung và dài hạn. Tỷ lệ nợ xấu (nợ nhóm 3 đến nhóm 5) của ABBANK tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020 lần lượt ở mức 2,3% và 2,09% trên tổng dư nợ (bao gồm cả 02 thị trường: cho vay khách hàng, cho vay TCTD khác, trái phiếu DN chưa niêm yết và tiền gửi kỳ hạn tại TCTD khác). ABBANK cũng thường xuyên tăng cường thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro các nhóm khách hàng, lên kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro theo các chỉ đạo mới nhất của NHNN.

Tỷ lệ an toàn vốn của ABBANK luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ này tại thời điểm 30/9/2021 tăng hơn 25% so với năm 2019 và 31% so với năm 2020. Tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi) luôn được khống chế dưới mức 3% theo quy định.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.



**Bảng 14: Rủi ro lãi suất**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	2019		2020		30/9/2021	
	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất
Tổng Tài sản	103.754	103.872	117.444	117.592	115.353	115.512
Tổng nợ phải trả	94.719	94.714	107.457	107.456	103.915	103.891
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	9.035	9.158	9.987	10.136	11.438	11.621

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất và riêng lẻ Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Sản phẩm tín dụng**
**Bảng 15: Cơ cấu cho vay khách hàng theo thời hạn vay của ABBANK (riêng lẻ)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	27.625	48,6%	33.647	53,16%	35.755	53,63%
Cho vay trung hạn	6.596	11,6%	5.276	8,34%	5.057	7,59%
Cho vay dài hạn	22.582	39,8%	24.370	38,50%	25.853	38,78%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.803</b>	<b>100,0%</b>	<b>63.293</b>	<b>100%</b>	<b>66.665</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 16: Cơ cấu cho vay khách hàng theo thời hạn vay của ABBANK (hợp nhất)**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	27.625	48,6%	33.647	53,16%	35.755	53,63%
Cho vay trung hạn	6.596	11,6%	5.276	8,34%	5.057	7,59%
Cho vay dài hạn	22.582	39,8%	24.370	38,50%	25.853	38,78%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.803</b>	<b>100,0%</b>	<b>63.293</b>	<b>100%</b>	<b>66.665</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn là hai khoản mục dư nợ chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tín dụng theo thời hạn vay của ABBANK, lần lượt vào khoảng 50% và 38%. Tỷ trọng các khoản tín dụng ngắn hạn có sự tăng nhẹ từ 48,6% năm 2019 lên 53,63% tính đến hết ngày 30/9/2021.

**Bảng 17: Cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo ngành, nghề kinh doanh**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	14.604	25,7%	20.407	32,24%	25.480	38,22%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	10.341	18,2%	9.889	15,62%	9.141	13,71%
Xây dựng	8.125	14,3%	8.452	13,35%	7.789	11,68%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.170	7,3%	4.680	7,39%	4.662	6,99%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	4.258	7,5%	4.264	6,74%	4.029	6,04%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.549	6,2%	3.105	4,91%	2.639	3,96%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.756	3,1%	2.931	4,63%	2.039	3,06%
Vận tải kho bãi	1.582	2,8%	1.543	2,44%	1.308	1,96%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	547	1,0%	1.440	2,28%	2.594	3,89%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.395	2,5%	917	1,45%	763	1,14%
Thông tin và truyền thông	172	0,3%	261	0,41%	194	0,29%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	317	0,6%	257	0,41%	232	0,35%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	313	0,6%	286	0,41%	261	0,39%

Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/9/2021	
	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng
Giáo dục và đào tạo	234	0,4%	206	0,33%	183	0,28%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	268	0,5%	194	0,31%	173	0,26%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	316	0,6%	129	0,20%	119	0,18%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	128	0,2%	98	0,16%	126	0,19%
Khai khoáng	82	0,1%	72	0,11%	85	0,13%
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	66	0,1%	51	0,08%	44	0,07%
Hoạt động của các tổ chức cơ quan quốc tế	5	0,0%	4	0,01%	15	0,02%
Hoạt động dịch vụ khác	4.575	8,1%	4.107	6,48%	4.789	7,18%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.803</b>	<b>100%</b>	<b>63.293</b>	<b>100%</b>	<b>66.665</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình chiếm tỷ trọng cao nhất trong dư nợ cho vay cả hai năm 2019 và 2020 (từ 25% đến 30%); tiếp theo là các hoạt động Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, v.v. Các ngành và lĩnh vực khác có tỷ trọng nhỏ hơn nhưng vẫn đủ để hài hòa giữa các ngành trong nền kinh tế.

**Bảng 18: Cơ cấu dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Theo lĩnh vực	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<b>Cho vay tổ chức kinh tế</b>	<b>31.722</b>	<b>34.070</b>	<b>32.823</b>
Công ty cổ phần khác	15.774	17.372	16.071
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	12.925	14.194	14.481
Công ty nhà nước	2.367	1.931	1.804
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	410	417	376
Doanh nghiệp tư nhân	175	93	31
Kinh tế tập thể	34	30	27
Tổ chức giáo dục	19	18	12
Công ty hợp danh	0	0	12
Khác	19	15	10
<b>Cho vay cá nhân</b>	<b>25.081</b>	<b>29.223</b>	<b>33.842</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>56.803</b>	<b>63.293</b>	<b>66.665</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Cơ cấu dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng cho thấy chiến lược kinh doanh của ABBANK vẫn đã và đang hướng đến đối tượng chủ yếu là cá nhân, hộ gia đình cùng các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cơ cấu này không có nhiều những sự thay đổi đáng kể trong giai đoạn từ năm 2019 đến hết Quý 3 năm 2021.

Theo số liệu của các BCTC hợp nhất, tỷ trọng các dư nợ đối với các tổ chức kinh tế giảm từ 55,8% năm 2019 xuống còn 49,2% tại ngày 30/9/2021. Trong khi đó, các khoản cho vay cá nhân và hộ gia đình tăng lại gia tăng đáng kể từ 44,2% lên đến 50,8% cơ cấu dư nợ.

### 10.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

ABBANK đủ điều kiện cung ứng các dịch vụ ngoại hối sau:

- Cung cấp các giao dịch hối đoái dưới hình thức giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền lựa chọn, hợp đồng tương lai và các giao dịch hối đoái khác theo thông lệ quốc tế;
- Huy động vốn, cho vay và bảo lãnh bằng ngoại tệ dưới các hình thức theo quy định của Ngân hàng nhà nước;
- Phát hành, đại lý phát hành thẻ quốc tế;
- Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán (trong nước và quốc tế); nhận và chi, trả ngoại tệ;

- Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bằng ngoại tệ;
- Ủy nhiệm cho tổ chức tín dụng khác và tổ chức kinh tế làm đại lý cung ứng một số dịch vụ ngoại hối, bao gồm dịch vụ đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ và các dịch vụ khác;
- Cung cấp các dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản bằng ngoại hối;
- Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư bằng ngoại hối (mua, bán, sáp nhập, bảo lãnh và làm đại lý phát hành chứng khoán ngoại tệ, v.v.);
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;
- Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác theo thông lệ quốc tế và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

**Bảng 19: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và dịch vụ thanh toán  
từ năm 2019 đến hết 30/9/2021**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Thu từ dịch vụ thanh toán	176	183	188
Chi về dịch vụ thanh toán	69	73	79
Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán	107	110	109
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	196	302	464

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)*

▪ **Dịch vụ thanh toán quốc tế và trong nước**

Hoạt động dịch vụ thanh toán của ABBANK có sự tăng trưởng, với tốc độ tăng thu từ dịch vụ thanh toán năm 2020 và 30/9/2021 so với năm 2019 lần lượt đạt 104% và 107%.

Với mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và hệ thống ATM rộng khắp trên toàn quốc, cùng với việc ABBANK là thành viên của Hiệp hội thanh toán điện tử liên Ngân hàng Citad, đồng thời cũng là thành viên thanh toán song phương/đa phương với những ngân hàng hàng đầu Việt nam, ABBANK đã và đang cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng với nhiều tiện ích.

Đối với mảng dịch vụ thanh toán quốc tế, ABBANK không ngừng hoàn thiện các sản phẩm và hệ thống cung cấp sản phẩm thanh toán quốc tế nhằm đẩy mạnh doanh số hoạt động thanh toán quốc tế trong các năm tới. Nghiệp vụ chuyển tiền quốc tế và tài trợ thương mại được Trung tâm thanh toán xử lý theo một quy trình và chuẩn mực thống nhất trên toàn hệ thống, đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hệ thống thanh toán của ABBANK. Hơn nữa, ABBANK đã xây dựng mạng lưới Ngân hàng đại lý rộng khắp trên toàn thế giới. Đến nay, ABBANK đã thiết lập quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng trên toàn cầu phục vụ các nhu cầu của khách hàng

trong nước và quốc tế liên quan đến thanh toán quốc tế. Điều này góp phần rút ngắn thời gian ABBANK phát hành, thông báo và thu xếp các yêu cầu xác nhận tín dụng thư liên quan đến giao dịch xuất nhập khẩu một cách nhanh chóng và hiệu quả.

**Bảng 20: Hoạt động thanh toán quốc tế từ năm 2019 đến hết 30/9/2021**

Nghiệp vụ	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	30/9/2021
Chuyển tiền trong nước đi	Nghìn tỷ VND	1.946.319	1.957.919	1.961.292
Chuyển tiền trong nước về	Nghìn tỷ VND	1.758.746	1.824.464	1.886.773
Chuyển tiền quốc tế đi	triệu USD	541,9	511,9	383,40
Chuyển tiền quốc tế về	triệu USD	845,8	860,5	691,29
Thanh toán TTTM xuất khẩu	triệu USD	135,6	53,7	41,38
Thanh toán TTTM nhập khẩu	triệu USD	113,2	96,7	105,20

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

**• Dịch vụ kinh doanh ngoại hối**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình liên tục duy trì trạng thái ngoại tệ trong mức quy định của NHNN. Doanh thu từ loại dịch vụ này chủ yếu từ các hợp đồng giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, v.v. ABBANK đã thiết lập các hạn mức trạng thái cho từng loại ngoại tệ và được theo dõi tập trung tại Hội sở chính. Ngoài ra, các biện pháp phòng ngừa rủi ro cũng được áp dụng để đảm bảo trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Về hoạt động kinh doanh ngoại tệ, ABBANK không kinh doanh ngoại hối mà chỉ mua bán ngoại tệ để phục vụ nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, theo quy định về hạch toán của chuẩn mực kế toán Việt Nam (“VAS”), các trạng thái ngoại tệ không đánh giá lại theo giá trị thị trường hàng ngày mà chỉ đánh giá lại theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm báo cáo. Do vậy, các trạng thái ngoại tệ khi mua với tỷ giá lớn hơn tỷ giá liên ngân hàng sẽ phải ghi nhận lỗ trong hạng mục lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối. Các khoản lỗ này chỉ do cách hạch toán kế toán và mang tính thời điểm.

**10.1.4. Hoạt động ngân hàng đại lý**

Hiện nay, ABBANK đã có quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại khoảng 58 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các ngân hàng lớn có mạng lưới chi nhánh rộng khắp trên thế giới cũng đã thiết lập quan hệ đại lý với ABBANK, ví dụ như JP Morgan Chase, Commerzbank, ANZ, WellsFargo v.v. Các định chế tài chính phát triển như IFC, ADB, Norfund, DEG cũng đã cấp hạn mức bảo lãnh, vay vốn cho ABBANK nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

Ngân hàng thực hiện mở và duy trì tài khoản Nostro của các ngoại tệ mạnh như USD, EUR, JPY, AUD, SGD, CNY, CAD tại các ngân hàng quốc tế hàng đầu, nhằm phục vụ nhu cầu

thanh toán quốc tế của khách hàng một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho ABBANK phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ LC, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để ABBANK xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

### 10.1.5. Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán của ABBANK bao gồm (i) chứng khoán kinh doanh và (ii) chứng khoán đầu tư.

#### ▪ Chứng khoán kinh doanh

**Bảng 21: Chứng khoán kinh doanh**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Chứng khoán kinh doanh	-	2.001,4	1.561,1
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	(0,206)	-
<b>Tổng</b>	-	<b>2.001,2</b>	<b>1.561,1</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Năm 2019, ABBANK không có chứng khoán kinh doanh. Đến năm 2020, số dư khoản mục này tăng lên trên 2 nghìn tỷ đồng với toàn bộ chứng khoán là trái phiếu Chính phủ niêm yết với lãi suất giao động từ 2,2% - 4,8%. Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, giá trị của khoản mục này giảm xuống còn 1,56 nghìn tỷ đồng.

#### ▪ Chứng khoán đầu tư

Tại thời điểm 31/12/2020, chứng khoán đầu tư của ABBANK tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2019 (khoảng 1,29%). Cơ cấu chứng khoán đầu tư của ABBANK cũng không phát sinh nhiều thay đổi, chủ yếu là chứng khoán nợ gồm (i) Trái phiếu Chính phủ và (ii) Trái phiếu của các tổ chức tín dụng. Chi tiết như sau:

**Bảng 22: Chứng khoán đầu tư**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	15.010	15.012	14.246
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.868	1.970	2.576
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(405)	(297)	(531)
<b>Tổng</b>	<b>16.472</b>	<b>16.685</b>	<b>16.290</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Quy mô danh mục chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư của ABBANK tại 30/9/2021 lần lượt đạt 1.561 tỷ đồng và 16.290 tỷ đồng, tổng hai danh mục này chiếm 15,67% tổng tài sản của ABBANK. Trong đó quy mô trái phiếu Chính phủ/trái phiếu Chính phủ bảo lãnh chiếm hơn 43% tổng quy mô danh mục, còn lại là trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu VAMC. Hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ/trái phiếu Chính phủ bảo lãnh của ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt doanh số 86.976 tỷ đồng (bằng 6,3% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường 9 tháng đầu năm 2021) và lợi nhuận kế toán hơn 180 tỷ đồng.

**10.1.6. Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn**
**Bảng 23: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn từ năm 2019 đến hết 30/9/2021**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Đầu tư dài hạn khác	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Công ty tài chính cổ phần điện lực	210	124	111
Công ty Cổ phần EVN – Quốc tế	38	38	38
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Lực 3	15	15	15
Công ty Cổ phần Thông tin Tín dụng Việt Nam	4	4	4
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	2	2	2
<b>Tổng</b>	<b>269</b>	<b>183</b>	<b>170</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

Trong năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, ABBANK đã tiếp tục và chủ động rà soát, đánh giá lại toàn bộ hiệu quả của danh mục đầu tư, góp vốn. Với phương châm: đầu tư an toàn, thận trọng và có hiệu quả, ABBANK liên tục tìm kiếm cơ hội và đã đưa ra nhiều phương án thoái vốn cho những khoản đầu tư đối với các doanh nghiệp khó kiểm soát, kém hiệu quả.



### 10.1.7. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác

- ABBANK được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác theo quy định pháp luật hiện hành;
- ABBANK được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành;
- ABBANK có thể được NHNN tái cấp vốn theo các hình thức Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá, chiết khấu giấy tờ có giá và các hình thức tái cấp vốn khác.

### 10.2. Tài sản có giá trị lớn của ABBANK

**Bảng 24: Tài sản cố định của ABBANK ngày 30/9/2021**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/9/2021		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.162,4</b>	<b>562,5</b>	<b>48,39%</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	492,9	386,4	78,39%
Máy móc, thiết bị	457,3	114,2	24,98%
Phương tiện vận tải	181,9	53,3	29,28%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	22,6	5,7	25,13%
Tài sản cố định khác	7,7	3,0	38,19%
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>630,0</b>	<b>359,9</b>	<b>57,13%</b>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	228,5	224,5	98,27%
Phần mềm vi tính	400,6	135,4	33,80%
Tài sản cố định vô hình khác	0,9	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.792,3</b>	<b>922,4</b>	<b>51,46%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 25: Bất động sản đầu tư của ABBANK tại ngày 30/9/2021**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/9/2021		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và quyền sử dụng đất có thời hạn	58,07	53,4	91,95%
Quyền sử dụng đất không thời hạn	15,96	15,96	100,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>74,03</b>	<b>69,36</b>	<b>93,69%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**Bảng 26: Danh mục một số khu đất lớn thuộc sở hữu của ABBANK**

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
1	170 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSĐĐƠ số 797602673700159 (101/2008/GCN-QSHNƠ& QSĐĐƠ) do UBND TP. HCM cấp ngày 11/4/2008	Làm trụ sở ABBANK TP.HCM
2	126 Lò Đúc, P. Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	1. Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSĐĐƠ số 4367-NĐ do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 11/11/2008 – 50,5m2. 2. Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSĐĐƠ số 0157 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 01/02/1997 – 46,8m2.	Làm trụ sở ABBANK Lò Đúc
3	Số 25 Trần Hưng Đạo, Khóm 7, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng	Giấy chứng nhận QSĐĐ số AP 593509 (Số đỏ) do UBND Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/7/2009	Làm trụ sở ABBANK Sóc Trăng
4	222-224 Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, Tỉnh Long An	Giấy chứng nhận QSĐĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BC 110048 (CT 02482) do UBND Tỉnh Long An cấp ngày 15/7/2010	Làm trụ sở ABBANK Long An

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
5	255 Lê Duẩn, P. Tân Chính, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BA 645038 (CT 00973) do UBND Tỉnh Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2010	Làm trụ sở ABBANK Đà Nẵng
6	370 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu	Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐ số 7201030726 (1727/2003) do UBND TP. Vũng Tàu cấp ngày 22/10/2003	Làm trụ sở ABBANK Vũng Tàu
7	268-270 đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Hưng, Tp. Phan Thiết	Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐ số 605932293900703 (hồ sơ gốc: 5154/QĐ-UBND.03) do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/6/2008	Làm trụ sở ABBANK Bình Thuận
8	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BE 700963 (T00018) do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 24/4/2012	Làm trụ sở ABBANK Sốp Cộp
9	Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BE 700966 (T00021) do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 02/05/2012.	Làm trụ sở ABBANK Mai Sơn
10	Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BO 594941 (CT04475) do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/7/2013	Làm trụ sở ABBANK Bình Dương
11	Số 26 Hà Nội, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BK 727693 (CT01813) do UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 02/10/2012	Làm trụ sở ABBANK Thừa Thiên Huế
12	450 Chu Văn Thịnh, Tổ 12, Phường Chiềng Lê, TP. Sơn La, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVĐ số CN 102053 (CT00535) QĐ số	Làm trụ sở ABBANK Sơn La

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
		2276/QĐ –UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 18/9/2018	
13	Số 154 đường Trần Huy Liệu, tiểu khu 9, Thị trấn Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số CD573765 do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 12/12/2016	Làm trụ sở ABBANK Mộc Châu
14	Số nhà 180, đường Cách Mạng Tháng 8, Tổ 11, Thị trấn Sông Mã, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số CD363451 do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 11/03/2016	Làm trụ sở ABBANK Sông Mã
15	Lô 3+4 tòa A8, Khu đô thị An Bình City, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	1. Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ số CY538319, hạng mục công trình sàn thương mại CT2A-1-6.1 Số và sổ cấp GCN : CT-DA.01887 do STNMT TP.HN cấp ngày 24/09/2020 2. Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ số CY538318, hạng mục công trình sàn thương mại CT2A-2-6.2 Số và sổ cấp GCN : CT-DA.01886 do STNMT TP.HN cấp ngày 24/09/2020	Làm trụ sở ABBANK Nam Thăng Long
16	Tầng 1 tòa nhà Gemek Tower, Lô A44-HH2, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, đường Lê Trọng Tấn, Phường An Khánh, Huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội	Văn bản chuyển nhượng hợp đồng quyền khai thác diện tích thương mại số: T1-010203.1/2017/HĐCN-HH2/GELEXIMCO ngày 25/12/2017	Làm trụ sở ABBANK An Khánh
17	Thửa đất số 341 tờ bản đồ số 12, tại đường Lê Nin, Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 537440 ngày 28/12/2017	Làm trụ sở ABBANK Nghệ An

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
18	Sàn thương mại tầng 1 thuộc dự án Gelexia Riverside tại ô quy hoạch C11/ODK2 tòa nhà CT2A gồm 2 phần diện tích thương mại CT2A-1-6.1 và CT2A-2-6.2	GCN số CT-DA01887 và CT-DA01886	Làm trụ sở ABBANK Nam Hà Nội
19	Một phần diện tích tại tầng 1 An Bình Plaza, Phố Trần Bình, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Hợp đồng chuyển nhượng ngày 13/11/2020	Làm trụ sở ABBANK Tây Hà Nội

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

### 10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Hệ thống chính sách về quản lý rủi ro của ABBANK tiếp tục được kiện toàn, hiệu quả vận hành của 3 tuyến phòng thủ rủi ro theo đó được củng cố và đảm bảo các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng luôn được kiểm soát một cách toàn diện, tuân thủ đúng khẩu vị rủi ro do HĐQT ban hành.

#### 10.3.1. Quản lý rủi ro tín dụng

Trong năm 2020, ABBANK đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các chính sách, quy định nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN (Quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và các quy định pháp luật, các định hướng tín dụng của Ngân hàng. ABBANK cũng đã ban hành Khẩu vị rủi ro, Định hướng phát triển tín dụng, Hạn mức rủi ro tín dụng năm 2020 để định hướng cho hoạt động kinh doanh trong năm 2020 của Ngân hàng. Công tác quản lý rủi ro tín dụng tại ABBANK liên tục được cải tiến và hoàn thiện với các dự án quan trọng để phù hợp với chiến lược quản lý rủi ro và từng bước tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Tổ chức lại mô hình phê duyệt tín dụng tập trung; Cải tiến mô hình chấm điểm, hệ thống xếp hạng khách hàng theo chuẩn Basel II; Xây dựng mô hình chấm điểm mới cho phân khúc khách hàng SMEs và chuẩn bị dự án xây dựng mô hình chấm điểm cho phân khúc KHCN. Kiểm soát, theo dõi thường xuyên, liên tục các chỉ tiêu an toàn và đưa ra các cảnh báo kịp thời việc tuân thủ hạn mức rủi ro; Cung cấp đầy đủ thông tin, báo cáo rủi ro tín dụng cho NHNN, cổ đông chiến lược (Maybank, IFC), HĐQT, RMC, Ban Điều hành... và kịp thời đưa ra các cảnh báo để đảm bảo hoạt động tín dụng tại ABBANK phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ quy định của NHNN và các cam kết với đối tác. Thực hiện phân loại nợ, tính dự phòng rủi ro tín dụng, theo dõi tình hình cơ cấu nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN của NHNN nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

#### 10.3.2. Quản trị rủi ro hoạt động

Công tác Quản lý rủi ro hoạt động tại ABBANK đã có những cải tiến quan trọng trong việc phát triển công cụ quản lý rủi ro, hoàn thiện hệ thống chính sách, tăng cường hiệu quả kiểm soát và giảm thiểu rủi ro. Điển hình như xây dựng và ban hành chính sách Quản lý rủi ro hoạt

động, rà soát và xây dựng khẩu vị và hạn mức rủi ro hoạt động đáp ứng quy định của NHNN. Việc triển khai công cụ tự nhận diện và quản lý rủi ro (RCSA) theo phương thức mới, đã giúp Ngân hàng xác định và tự đánh giá được các rủi ro trọng yếu, góp một phần không nhỏ vào quá trình triển khai Dự án ICAAP. Tiếp nối với thành công đạt được trong năm 2019, công tác Duy trì hoạt động kinh doanh (BCP) năm 2020 tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các kịch bản ứng phó khi sự cố xảy ra, điển hình như: Hướng dẫn ứng phó khi xảy ra khủng bố, đe dọa an ninh, an toàn hoạt động tại ABBANK, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện diễn tập thực tế tại ABBANK lộ trình 2021- 2022. Công tác ứng phó khi xảy ra sự cố từ dịch bệnh cũng là một trong những thành công đáng kể trong suốt năm qua thông qua Kịch bản và Quy trình Ứng phó chi tiết đối với Covid-19. ABBANK cũng thực hiện thường xuyên công tác đánh giá tác động, cảnh báo toàn hệ thống cũng như đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro (bổ sung trang thiết bị, khẩu trang, phun xịt khử trùng, phân luồng giao dịch cho khách hàng...). Việc Xây dựng và diễn tập phương án xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố CNTT (DRP) được liên kết chặt chẽ với Quy trình BCP thông qua việc diễn tập nhằm đảm bảo tính liên tục của hệ thống dữ liệu và an toàn thông tin tại ABBANK. Tăng cường truyền thông cảnh báo đến khách hàng về rủi ro trong giao dịch trực tuyến, cảnh báo các trường hợp giả mạo nhân viên ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản của khách hàng. Đây cũng là một trong những kênh cảnh báo giảm thiểu rủi ro cho quá trình vận hành hệ thống bên cạnh các tuyến phòng thủ.

Công tác rà soát kiểm tra an toàn an ninh hệ thống được tăng cường, hệ thống cơ sở kỹ thuật được nâng cấp thường xuyên, các ứng dụng ngân hàng số cũng không ngừng cải tiến cả về giao diện lẫn chất lượng, đảm bảo tính thông suốt trong quá trình giao dịch và phục vụ khách hàng.

### **10.3.3. Rủi ro thị trường**

Ngân hàng đã áp dụng thành công hệ thống tính toán RWA từ ngày 01/01/2019 theo tư vấn và cung cấp giải pháp phần mềm của Công ty TNHH Tư vấn PwC Việt Nam theo đúng tiến độ theo yêu cầu của Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). Qua đó, kết quả tính toán hệ số an toàn vốn (CAR) của ABBANK luôn trên mức yêu cầu của NHNN, trung bình đạt trên 10% trong năm 2020. Trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường, ABBANK đã hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN thông qua công tác phân tách sổ kinh doanh và sổ ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã thực hiện phân tách các sổ con của sổ ngân hàng nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị, điều hành.

ABBANK cũng đã hoàn thiện các quy trình liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro thị trường, các chính sách, quy định, hạn mức liên quan đến các giao dịch, nghiệp vụ thị trường đã được ban hành và giám sát chặt chẽ theo quy định của NHNN. Công tác đánh giá lại trạng thái rủi ro thị trường được ABBANK thực hiện trong ngày và cuối ngày. Công tác đo lường giá trị chịu rủi ro thị trường trên sổ kinh doanh và hiệu quả của danh mục sổ kinh doanh được giám sát hàng ngày và được kiểm soát bằng cách sử dụng các chốt chặn và được hỗ trợ bởi hệ thống CNTT. ABBANK không ngừng phát triển và hoàn chỉnh bộ công cụ để đo lường và thiết lập hạn mức rủi ro thị trường dựa trên kết quả kinh doanh từng thời kỳ, hạn mức trạng thái mở rộng và kiểm tra sức chịu đựng (Stress Test). Ngân hàng kiểm soát mức lỗ ước tính tối đa của trạng thái nguyên tệ

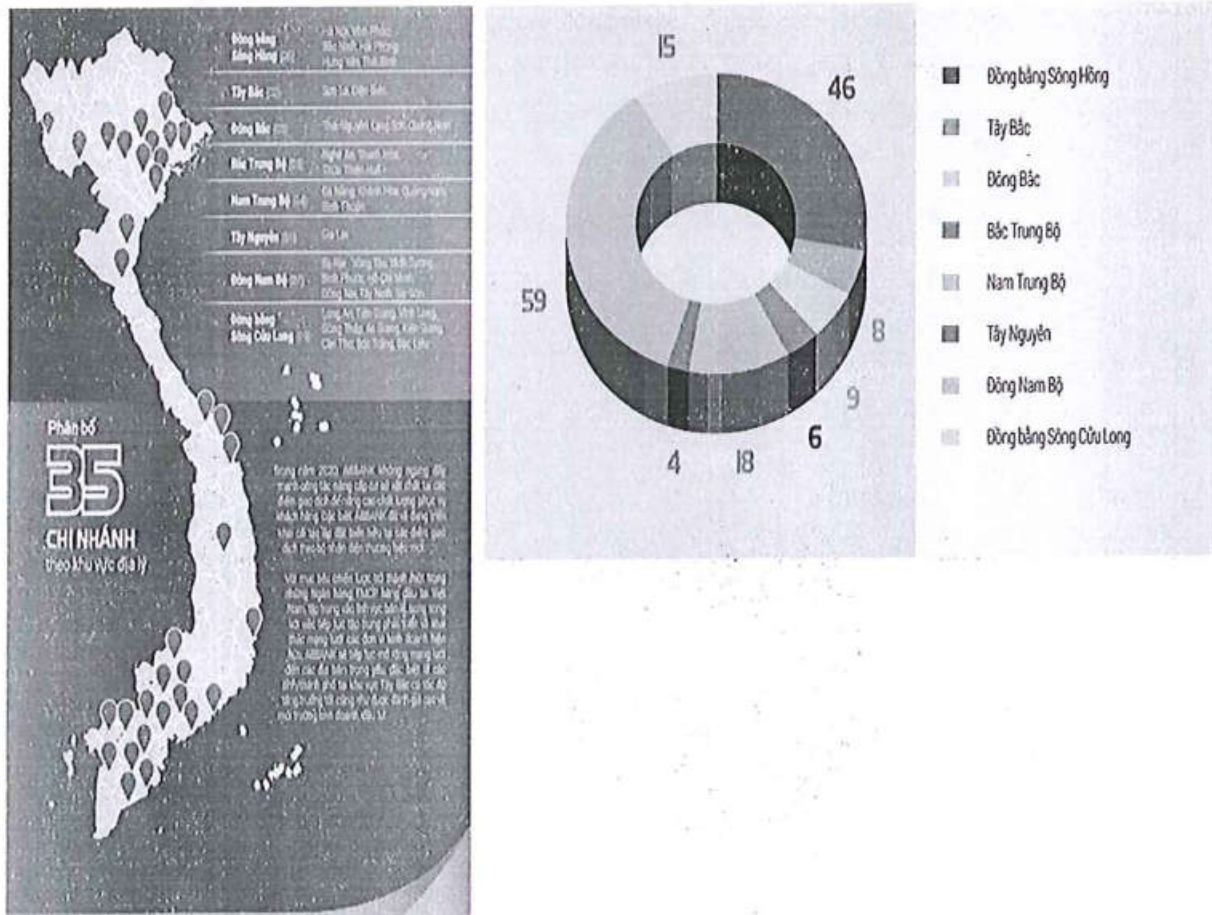
mở cuối ngày (Giá trị tổn thất dự kiến - Value at risk) đối với các loại ngoại tệ chủ chốt và toàn bộ danh mục ngoại tệ nắm giữ.

**10.4. Thị trường hoạt động**

**10.4.1. Mạng lưới chi nhánh:**

Ngân hàng Thương mại Cổ Phần An Bình được thành lập ngày 13/05/1993, với tầm nhìn trở thành một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam tập trung vào lĩnh vực bán lẻ. Theo đuổi chiến lược hoạt động gắn với hiệu quả và bền vững cùng phương châm “lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động kinh doanh”, trong suốt chặng đường 27 năm phát triển, ABBANK luôn được đánh giá là một Ngân hàng uy tín, là người đồng hành tận tâm, đáng tin cậy của các Khách hàng, Đối tác và Nhà đầu tư. Hiện nay, mạng lưới của ABBANK đã được mở rộng lên tới 165 điểm giao dịch (bao gồm 35 chi nhánh và 130 phòng giao dịch) và vươn tới 35 tỉnh thành trên cả nước.

**Hình 5: Hệ thống điểm giao dịch trên toàn quốc của ABBANK**



(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

ABBANK không ngừng đẩy mạnh công tác nâng cấp cơ sở vật chất tại các điểm giao dịch để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Đặc biệt, ABBANK đã và đang triển khai cải tạo lắp đặt biển hiệu tại các điểm giao dịch theo bộ nhận diện thương hiệu mới. Với mục tiêu chiến lược

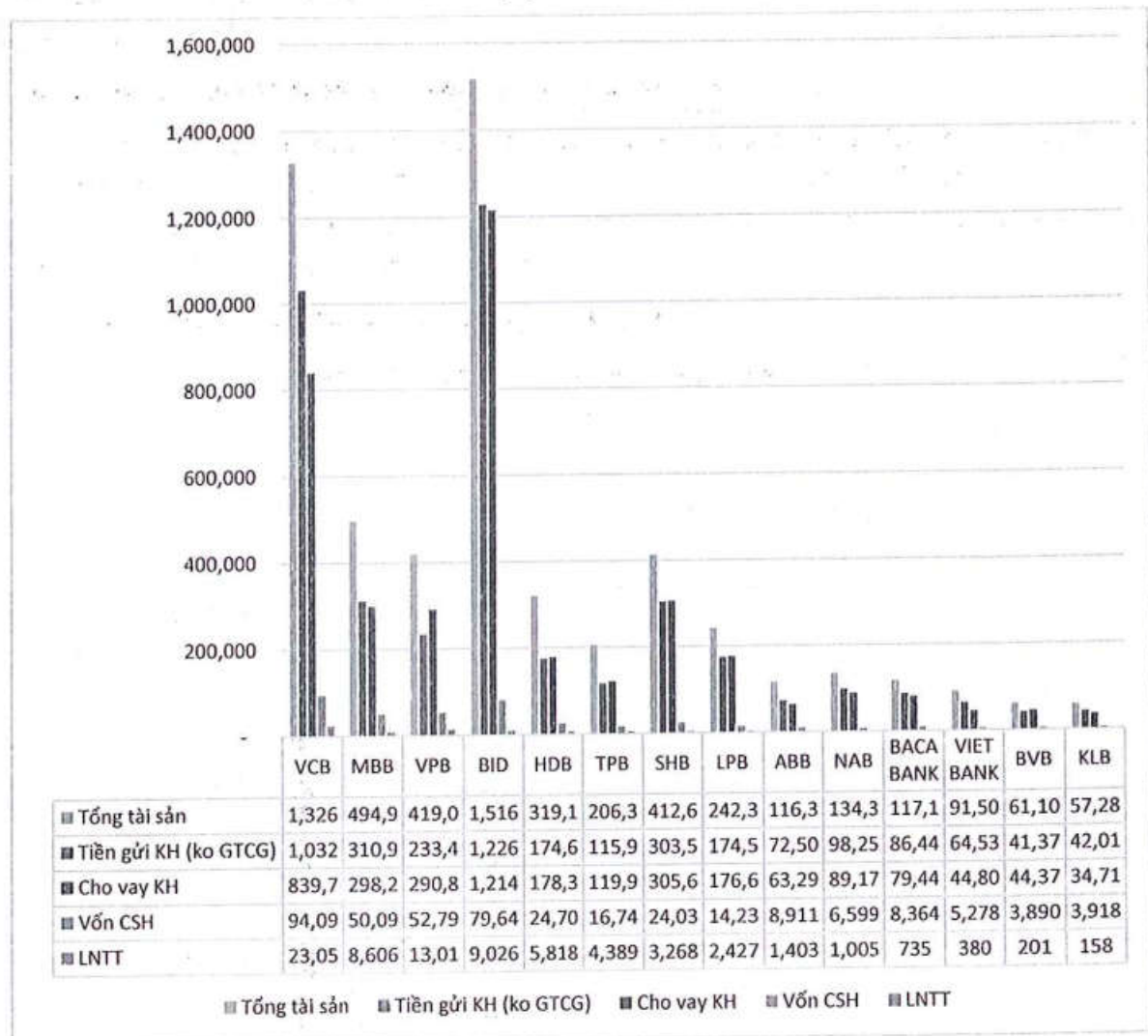
trở thành một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam, tập trung vào lĩnh vực bán lẻ, song song với việc tiếp tục tập trung phát triển và khai thác mạng lưới các đơn vị kinh doanh hiện hữu, ABBANK sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới đến các địa bàn trọng yếu, đặc biệt là các tỉnh/thành phố tại khu vực Tây Bắc có tốc độ tăng trưởng tốt cũng như được đánh giá cao về môi trường kinh doanh, đầu tư.

**10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**

Khách hàng của ABBANK khá đa dạng từ khách hàng cá nhân đến khách hàng doanh nghiệp trong nước, quốc tế, các định chế tài chính, các tổ chức tín dụng... Trong đó, khách hàng cá nhân của ABBANK đạt khoảng trên 1 triệu khách hàng mới trong năm 2020, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ khoảng 30.000 khách hàng mới.

**10.4.3. Vị thế của ABBANK so với các Ngân hàng khác**

**Hình 6: So sánh quy mô các Ngân hàng TMCP**



(Nguồn: ABBANK tổng hợp)



Theo số liệu tổng hợp được từ các báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020 của 14 ngân hàng, ABBANK đứng thứ 11 về Tổng Tài sản, Tiền gửi khách hàng và Cho vay KH, tuy nhiên Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận trước thuế của ABBANK đứng ở vị trí số 9, cao hơn NamABank, BACABANK, VietBank, Bảo Việt Bank và Kiên Long Bank.

### 10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Danh sách các dự án được ABBANK triển khai trong năm 2019 và năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

**Bảng 27: Các dự án đã và đang được triển khai**

Năm	Tên dự án
2019	- Triển khai hệ thống tính toán tài sản có rủi ro (RWA) – Basel II
	- Dự án “Giải pháp quản lý khoản vay - LOS (Loan Originating System)
	- Dự án khung quản trị dữ liệu (Data Governance)
	- Dự án Digital Banking
	- Dự án “Nâng cao năng lực cạnh tranh phân khúc SMEs”; “Dự án phát triển tín dụng nông nghiệp thông minh” hợp tác với IFC
	- Triển khai hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM)
2020	- Hoàn thiện hệ thống LOS (Loan Originating System)
	- Triển khai hệ thống thông tin quản trị và công cụ phân tích thông minh (BI/MIS)
	- Triển khai hệ thống quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALM)
	- Nâng cấp thành công hệ thống Core Banking – T24 lên phiên bản R19
	- Đầu tư ứng dụng Quản lý kho quỹ tập trung
	- Triển khai hệ thống đánh giá mức độ an toàn vốn nội bộ (ICAAP)
30/9/2021	- Triển khai hệ thống chấm điểm A scorecard cho SME
	- Nâng cấp hệ thống tổng đài Chăm sóc khách hàng - Contact Center
	- Rà soát, cải tiến hệ thống phần mềm điện tử V-Office
	- Triển khai Engine cho thẻ điểm SME
	- Xếp hạng tín dụng KHCN
	- Triển khai Contact Center; giai đoạn II của UC – Truyền Thông hợp nhất
	- Tối ưu hóa hệ thống AD
	- Dự án DLP cho Office 365
	- Đầu tư hạ tầng máy chủ Unix cho hệ thống Thẻ

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

Các Dự án đã và đang được đưa vào vận hành bước đầu mang lại những hiệu quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của ABBANK. Cùng với đó, giúp ABBANK đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về Basel II của Chính phủ, của Ngân hàng nhà nước, đáp ứng các thông lệ và tiêu chuẩn về quản trị tiên tiến trên thế giới.

#### 10.6. Chiến lược kinh doanh

ABBANK luôn kiên trì với mục tiêu phát triển bền vững được dẫn dắt bởi các chiến lược hành động. Cụ thể, theo kế hoạch trung hạn đến năm 2025, các chương trình hành động tiếp tục ưu tiên tập trung vào phân khúc bán lẻ (KHCB và SMEs), đồng thời củng cố và duy trì phát triển KHDN bền vững, khai thác hiệu quả hệ sinh thái khách hàng từ KHDN trên cơ sở kiểm soát tốt chất lượng tài sản, phù hợp với chính sách rủi ro và mang lại cơ sở vững chắc cho phát triển kinh doanh của Ngân hàng. Cùng với đó, tận dụng và phát huy tối đa các nguồn lực hiện hữu nhằm đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng quy mô mạng lưới hoạt động.

Các mục tiêu chiến lược của ABBANK triển khai hướng tới mục tiêu phát triển với một thương hiệu, bản sắc riêng biệt, vì lợi ích của khách hàng, cổ đông và có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với CBNV Ngân hàng.

Mục tiêu phát triển bền vững của ABBANK trong giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau:

- Top 8 ROE trong số các ngân hàng thương mại cổ phần tư doanh;
- Thu hút và đạt mốc 2 triệu khách hàng cá nhân có giao dịch;
- Quản trị doanh nghiệp hiện đại theo chuẩn mực quốc tế;
- Thu nhập từ bán lẻ (bao gồm khách hàng cá nhân và SMEs) chiếm tối thiểu 70% Tổng thu nhập thuần từ Thị trường 1; và Thu từ dịch vụ trong nước và quốc tế (bao gồm cả phí bảo lãnh và kinh doanh ngoại tệ) chiếm tối thiểu 20% Tổng thu nhập thuần;
- Số lượng sản phẩm bình quân sử dụng trên 01 khách hàng đạt tối thiểu 3 sản phẩm;

Để đạt được mục tiêu chiến lược trên, ABBANK đã và đang bắt đầu triển khai 11 sáng kiến chiến lược sau:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Thu hút và khai thác sâu phân khúc khách hàng cao cấp	2021 - 2022
2	Thu hút và khai thác sâu phân khúc khách hàng đại chúng	2021 - 2022
3	Thu hút và khai thác sâu phân khúc khách hàng vừa và nhỏ tại địa bàn	2021 - 2025
4	Triển khai dịch vụ ngân hàng đầu tư	2021 - 2025
5	Nâng cao năng lực bán hàng tại quầy	2021 - 2022, từ 2023 - 2025 duy trì và phát triển
6	Tập trung hoá và tối ưu vận hành	2021 - 2025

7	Tập trung hoá và tối ưu hoạt động Thẩm định và phê duyệt	2021 - 2025
8	Nâng cao năng lực công nghệ thông tin	2021 - 2025
9	Nâng cao năng lực phân tích tài chính	2021 - 2025
10	Quản lý rủi ro theo hướng chủ động	2021 - 2025
11	Xây dựng và phát triển năng lực tổ chức	2021 - 2025

Với định hướng chiến lược tập trung vào lĩnh vực bán lẻ, thu nhập từ bán lẻ (bao gồm khách hàng cá nhân và SMEs) chiếm tối thiểu 70% Tổng thu nhập thuần từ Thị trường 1, ABBANK tập trung thu hút và khai thác sâu nhóm khách hàng ưu tiên, khách hàng đại chúng cũng như chuyển dịch cơ cấu khách hàng SME để gia tăng hiệu quả hoạt động, chuyển dịch số liệu đóng góp của từng phân khúc, đẩy mạnh đóng góp của phân khúc SME vừa và nhỏ.

Nguồn vốn dự kiến thực hiện là nguồn vốn huy động từ việc tăng trưởng số lượng khách hàng thông qua quá trình chuyển đổi số để thu hút khách hàng, nguồn vốn phát hành cổ phiếu ESOP,....

Trong năm 2021, Ngân hàng cũng đặt ra các kế hoạch trong tâm:

- Thúc đẩy dư nợ;
- Kiểm soát tốt quy mô huy động vốn để tiết kiệm chi phí;
- Đẩy mạnh thu dịch vụ trên cơ sở phát huy các nền tảng đã có trước đây, đồng thời phát triển và đẩy mạnh các loại thu phí dịch vụ còn nhiều tiềm năng chưa khai thác thông qua các giải pháp:
  - KHDN: Triển khai Phòng ngân hàng đầu tư (IB) để cung cấp thêm các dịch vụ sản phẩm cho khách hàng;
  - SMEs: Chuyển dịch phân khúc khách hàng trọng tâm từ doanh nghiệp siêu nhỏ sang doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng số lượng sản phẩm/Khách hàng để tăng hiệu quả phục vụ khách hàng; Sửa đổi các quy chế và ban hành các chương trình thúc đẩy giao dịch bảo lãnh;
  - KHCCN: Triển khai Trung tâm Khách hàng ưu tiên; tập trung cung cấp giải pháp về bảo hiểm, chuyển tiền, thẻ, trái phiếu, chứng chỉ quỹ;
  - Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên biệt về mảng Thanh toán quốc tế để hỗ trợ hoạt động kinh doanh mảng KHDN và SMEs;
  - Tiếp tục triển khai mạnh mẽ mô hình bán hàng tại Quầy.
    - Chi trả lương theo năng suất lao động;
    - Tổ chức đào tạo và tự đào tạo về kỹ năng, chuyên môn để tăng năng lực nghiệp vụ, năng lực bán hàng và tổ chức bán hàng (Đào tạo bán hàng cho Giao dịch viên, Kho quỹ; Đào tạo phân tích tài chính cho các RM, SRM và đội ngũ làm công tác thẩm định tín dụng);

- Tiếp tục thực hiện tập trung hóa các công tác thẩm định và vận hành trên cơ sở phù hợp tình hình thực tế, khoảng cách địa lý;
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động ngân hàng, bao gồm:
  - Công tác Bán hàng: cải tiến hệ thống LOS trên cơ sở tinh gọn quy trình và mẫu biểu; Triển khai bán hàng qua các kênh số và các sản phẩm số (eKYC, vay qua ứng dụng tiện ích (App/Application), mở thẻ qua App ...); Phát triển hệ thống quản lý số liệu kinh doanh tự động - realtime...;
  - Công tác thẩm định & phê duyệt tín dụng: Tinh gọn mẫu biểu để từng bước tự động hóa quy trình; xây dựng hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng tự động tiến đến phê duyệt tự động 1 số sản phẩm đực lỗ; xây dựng phần mềm kho giá...;
  - Công tác vận hành: Cải tiến phần mềm Smartform, hệ thống quản lý quỹ tiền mặt.

Các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác như: Phần mềm theo dõi khuyến nghị (Ban Pháp chế tuân thủ); Tự động hóa báo cáo quản lý danh mục (Khối QLRR); Tích hợp phê duyệt Voffice, Eoffice và DMS (Khối Tổng hợp)...

## 11. Chính sách đối với người lao động

### 11.1. Cơ cấu lao động tại ABBANK

Tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020 và 30/9/2021, tổng số người lao động tại ABBANK được phân loại như sau:

**Bảng 28: Cơ cấu lao động của ABBANK thời điểm 30/9/2021**

Tiêu chí phân loại	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<b>Theo trình độ học vấn</b>	<b>3.969</b>	<b>3.711</b>	<b>3.735</b>
Sau đại học	166	167	165
Đại học	3.202	3.023	3.063
Cao đẳng	288	249	257
Trung cấp	162	131	115
Khác	151	141	135
<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>3.969</b>	<b>3.711</b>	<b>3.735</b>
Hợp đồng không xác định thời hạn	1.882	1.959	1.961
Hợp đồng có xác định thời hạn	1.872	1.652	1.652
Thời vụ, thử việc	215	100	122

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

## 11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp/phúc lợi

### ✦ Chính sách đào tạo và phát triển

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên chiến lược của ABBANK nhằm đáp ứng sự phát triển của Ngân hàng với chiến lược tập trung vào lĩnh vực bán lẻ. Các mục tiêu trọng tâm được chú trọng tại Ngân hàng trong công tác đào tạo bao gồm: Phát triển năng lực lãnh đạo, chuẩn hóa đội ngũ, xây dựng đội ngũ kế cận, nâng cao năng lực bán hàng và quản lý kinh doanh.

Các chương trình đào tạo nhằm mục tiêu chuẩn hóa và nâng cao năng lực cho đội ngũ, trong đó ưu tiên chuẩn bị cho cán bộ quản lý thích nghi với sự thay đổi. Cụ thể một số hoạt động, chương trình, dự án đã thực hiện là:

- Tổ chức trên 600 khóa đào tạo hàng năm với các hình thức khác nhau như đào tạo lớp học (training), e-learning, sinh hoạt chuyên môn, kèm cặp và huấn luyện (coaching).
- Xây dựng và ban hành bộ chỉ tiêu đào tạo áp dụng với toàn bộ CBNV.
- Triển khai đào tạo các chương trình chi tiết theo kế hoạch, với trọng tâm là đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường năng lực của đội ngũ GD ĐVKD và QHKH toàn hệ thống.
- Các chương trình dành cho Lãnh đạo – Quản lý, ABBANK Talents và nhóm kế cận:
  - Hoàn thành đào tạo & báo cáo tốt nghiệp cho các Giám đốc đơn vị kinh doanh cấp 3 – 4 với chương trình các kỹ năng quản lý đơn vị kinh doanh cơ bản.
  - Đã hoàn thành đào tạo và công nhận tốt nghiệp cho lớp Giám đốc kế cận nhằm phục vụ cho đội ngũ quản lý kế thừa tại các đơn vị kinh doanh.
  - Thực hiện chương trình Study tour – Hành trình khám phá di sản dành cho các thành viên ABBANK Talents trong năm 2019. Hiện chương trình được tiếp nối với nhiệm vụ của các thành viên là hoàn thành Bussiness plan cho chi nhánh ABBANK.

ABBANK kiên định theo đuổi mục tiêu phát triển Cộng đồng học tập tại ABBANK, từng cán bộ nhân viên của ABBANK sẽ hiểu thấu đáo giá trị văn hóa “Sáng tạo có giá trị gia tăng” dịch chuyển thành sáng kiến, hành động làm mới thực tế.

ABBANK cũng chú trọng vào việc quảng bá các giá trị và văn hóa doanh nghiệp thông qua các chương trình đào tạo thường xuyên và các hoạt động bên ngoài Ngân hàng. Tất cả nhân viên mới của ABBANK đều được đào tạo, tập huấn trong đó có giới thiệu về các giá trị và chính sách của Ngân hàng. Các nhân viên hiện tại thì được cung cấp các khóa học thường xuyên và chuyên sâu, bao gồm các khóa học chuyên môn nhằm giúp nâng cao kỹ năng chuyên môn và đồng

thời nâng cao kỹ năng mềm. ABBANK cũng đảm bảo rằng nhân viên có nhiều kênh truyền thông nội bộ để phản hồi, chẳng hạn như các hội thảo định kỳ với Đội ngũ quản lý, diễn đàn trực tuyến.

**4 Chính sách lương, thưởng trợ cấp phúc lợi**

Quy lương của ABBANK được phân bổ dựa trên nguyên tắc:

- Đảm bảo mức lương tối thiểu chi trả cho người lao động theo quy định của Nhà nước và ABBANK;
- Đảm bảo tính hệ thống trong việc phân bổ tiền lương, thu nhập giữa các đơn vị;
- Gắn phân phối tiền lương và chi trả tiền lương với hiệu quả kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch;
- Đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút và giữ gìn nhân tài.

Thu nhập cố định của nhân viên ABBANK được xác định bao gồm lương; các khoản phụ cấp, trợ cấp, hỗ trợ theo vị trí công việc; các khoản thưởng khi đạt KPIs và thưởng thành tích công việc. Bên cạnh đó, ABBANK còn có Quỹ Thưởng kinh doanh – dựa trên hiệu quả kinh doanh tổng thể của ABBANK – sẽ được trích và phân phối phù hợp nhằm đảm bảo kích thích hiệu quả làm việc của người lao động.

Chế độ làm việc của ABBANK đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Người lao động được đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tham gia các hoạt động Công đoàn, nghỉ lễ và nghỉ phép, v.v. Chính sách trợ cấp và phúc lợi được thực hiện theo Quy định pháp luật hiện hành và Quy định của ABBANK từng thời kỳ tương ứng với đóng góp của CBNV. Ngoài ra, ABBANK còn có chính sách và kế hoạch phát hành cổ phiếu cho CBNV theo Chương trình lựa chọn dành cho người lao động (ESOP) nhằm khuyến khích tinh thần làm việc, đóng góp của CBNV vào sự thành công chung của ABBANK.

**Bảng 29: Tình hình thu nhập của CBNV qua các năm**

Thu nhập của CBNV	Năm 2019	Năm 2020	Dự kiến Năm 2021
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16,69	17,48	18,3

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

**12. Chính sách cổ tức**

Theo Điều lệ của ABBANK và theo quy định của pháp luật, cổ tức chi trả cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Việc quyết định phương án chi trả cổ tức sẽ do ĐHCĐ phê duyệt trên cơ sở đề xuất của HĐQT, sau khi đã cân đối đến những yếu tố như trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư, ... Chính sách cổ tức của ABBANK được thực hiện theo định hướng: Phù hợp với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của ABBANK; Tuân thủ quy định của pháp luật và yêu cầu của NHNN; Hải hòa giữa yêu cầu tích lũy nội tại của Ngân hàng và nhu cầu cổ tức của

cổ đông; giữa việc chia cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu phù hợp với chiến lược phát triển và tình hình thực tế của ABBANK trong từng thời kỳ.

Trong những năm gần đây, do tập trung nguồn lực vào công tác tái cấu trúc, tăng cường đầu tư vào phát triển mạng lưới, con người, công nghệ,... ABBANK đã giữ lại toàn bộ lợi nhuận năm 2018, 2019 (chưa chia cổ tức) để tái đầu tư và làm nguồn cho việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) tăng vốn điều lệ. Trong bối cảnh năm 2020 mặc dù với nhiều bất ổn bởi những nhân tố như địa chính trị và dịch bệnh Covid-19 nhưng ABBANK đã đạt được những kết quả ấn tượng trong hoạt động kinh doanh, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, các cổ đông đã thống nhất thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 35% nằm trong lộ trình và phương án tổng thể tăng vốn điều lệ ABBANK (gồm chào bán cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành cổ phiếu thưởng). Việc phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận và sẽ được tiến hành sau khi kết thúc đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Phương án phát hành được ĐHĐCĐ thông qua.

**13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**

Trong 02 năm gần nhất, ABBANK không thực hiện bất cứ đợt chào bán nào.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành**

Không có

**15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

ABBA – Công ty con của ABBANK đã đặt cọc 48.000 triệu đồng cho CTCP Thủy Hải sản Minh Hiếu để mua bất động sản (được hạch toán trong số dư Các khoản phải thu - Tạm ứng mua sắm tài sản trên Báo cáo tài chính hợp nhất). Tuy nhiên, thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản sang cho ABBA vẫn chưa hoàn tất. Trong năm 2016, ABBA đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân thị xã Giá Rai để thu hồi khoản tiền đặt cọc hoặc đề nghị hoàn thành thủ tục chuyển nhượng tài sản. Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư 48, do đó khoản phải thu này không làm ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính của ABBANK.

**16. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của ABBANK trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Hình 7: Đánh giá kết quả kinh doanh của ABBANK

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ  
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kết thúc năm 2020, lợi nhuận trước thuế của ABBANK đạt 1.368 tỷ đồng, đạt xấp xỉ 101% so với kế hoạch được giao, ghi nhận tốc độ tăng trưởng 11,3% so với năm 2019.

Với định hướng tập trung vào lĩnh vực bán lẻ, cùng những giải pháp và cơ chế kinh doanh phù hợp, hoạt động kinh doanh của ABBANK năm 2020 ghi nhận một số kết quả như sau:

**Tổng thu nhập  
hoạt động năm 2020**

**3.775** tỷ đồng  
^ 4,3% so với 2019

➤ Kết thúc năm 2020, tổng dư nợ cấp tín dụng cho khách hàng tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 69.469 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2019. Huy động từ khách hàng tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 96,4% chỉ tiêu cả năm 2020 với 78.128 tỷ đồng, tăng trưởng 4,5% so với năm 2019.

➤ Tổng thu nhập hoạt động năm 2020 đạt 3.775 tỷ đồng, tăng 4,3% so với thực hiện năm 2019.

➤ Chi phí hoạt động (CIR) được quản lý chặt chẽ được cải thiện về mức 50%.

**Lợi nhuận trước thuế**

**1.368** tỷ đồng  
đạt 101,3% so với 2019

➤ Kết thúc năm 2020, lợi nhuận trước thuế của ABBANK đạt 1.368 tỷ đồng, đạt 101% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao và ghi nhận tốc độ tăng trưởng 11,3% so với năm 2019.

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

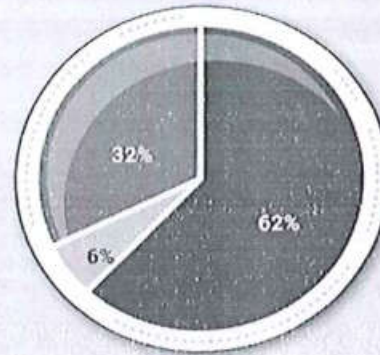


**Hình 8: Đánh giá Lợi nhuận trước thuế của ABBANK**

**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

Khép lại năm 2020, lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt 1.368 tỷ đồng, tăng 139 tỷ đồng - tương đương tốc độ tăng 11,3% so với năm 2019 và đạt xấp xỉ 101% so với kế hoạch được giao.

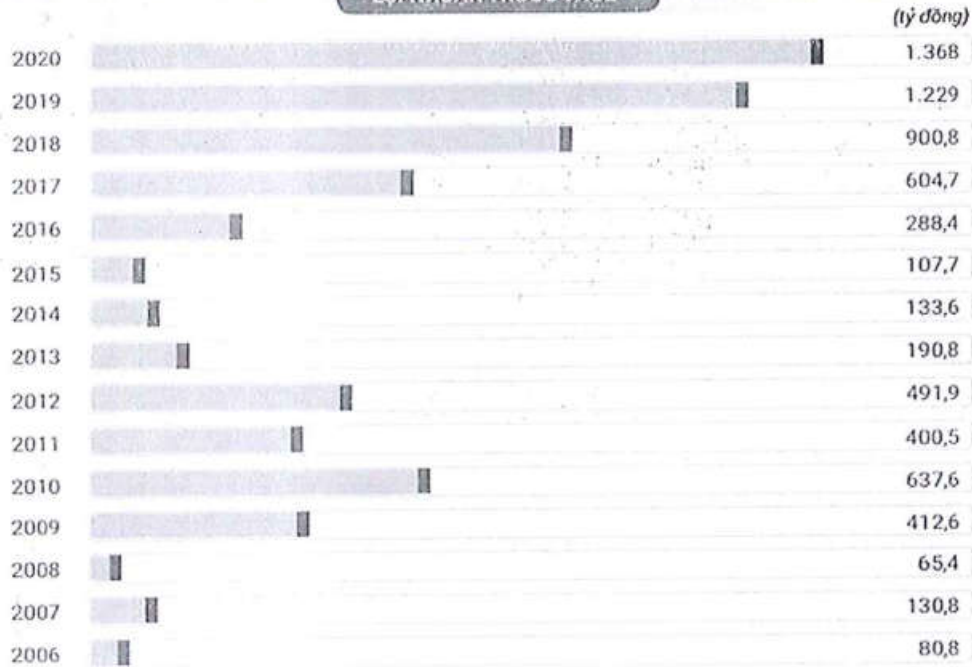
Mức tăng khả quan của lợi nhuận trước thuế là kết quả của việc gia tăng thu nhập hoạt động kết hợp với các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ.



Biểu đồ cơ cấu thu nhập

- Thu nhập thuần từ lãi
- Thu nhập khác
- Thu nhập thuần từ dịch vụ

**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**



(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

Hoạt động kinh doanh của ABBANK đạt tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định trong những năm gần đây là kết quả của những chiến lược đúng đắn của Ngân hàng. Một số chỉ tiêu phản ánh chủ yếu như sau:

**Bảng 30: Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2019 đến hết 30/9/2021**

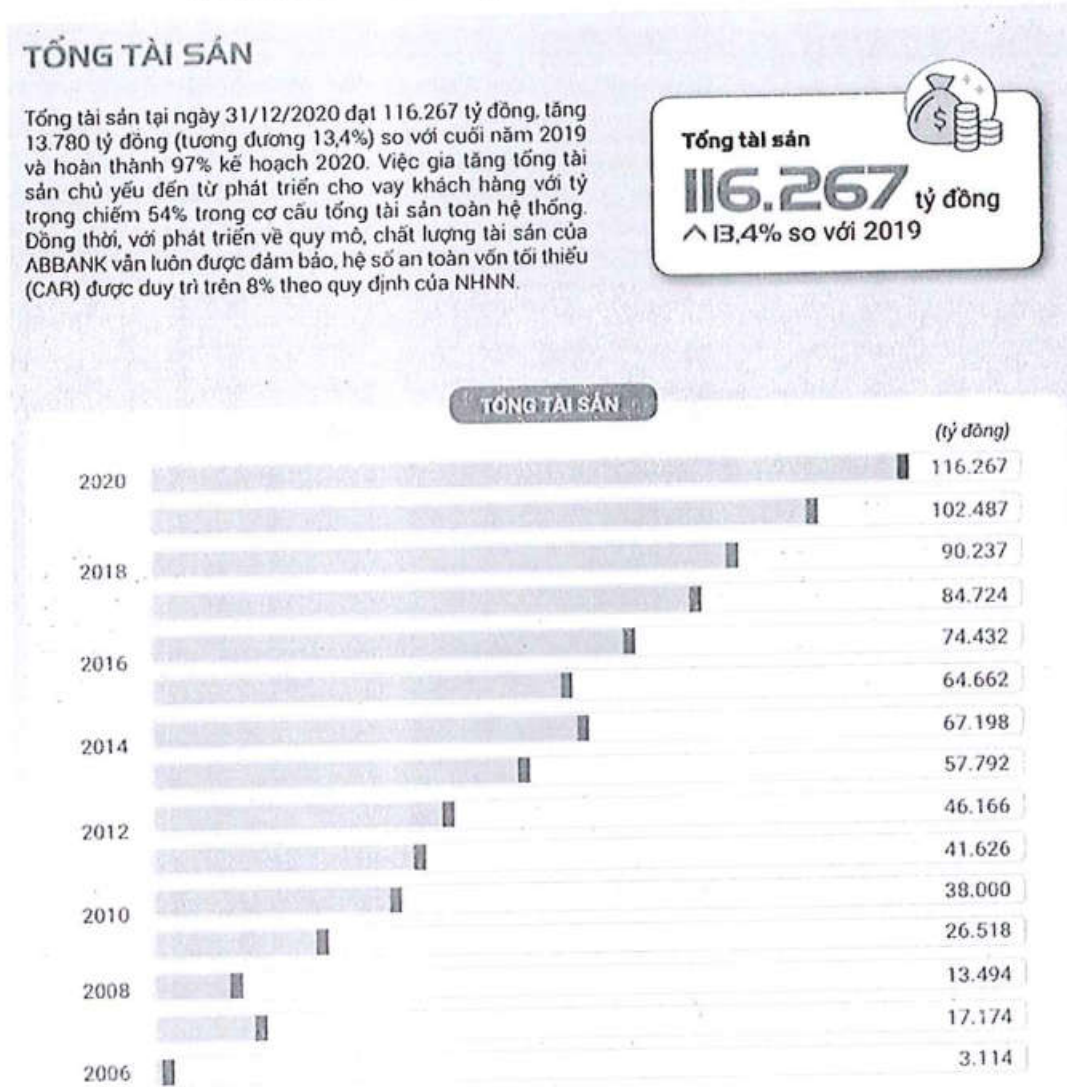
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2019	2020	% Tăng/giảm 2020 so với 2019	Lũy kế đến 30/9/2021	2019	2020	% Tăng/Giảm 2020 so với 2019	Lũy kế đến 30/9/2021
Tổng tài sản	102.487	116.267	13,45%	113.766	102.557	116.367	13,47%	113.876
VCSH	7.768	8.811	13,43%	9.850	7.843	8.911	13,62%	9.984
Tổng thu nhập hoạt động	3.618	3.775	4,34%	3.177	3.639	3.775	3,74%	3.187
- Thu nhập lãi thuần	2.437	2.345	(3,78%)	2.176	2.478	2.382	(3,87%)	2.197
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	198	209	5,56%	224	193	194	0,52%	208
- Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	196	302	54,08%	464	196	302	54,08%	464
- Lãi thuần từ hoạt động mua bán CKKD, CKĐT	574	760	32,40%	168	579	765	32,12%	174
- Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	22	16	(27,27%)	3	2	-11	(650,00%)	3
- Lãi thuần khác	190	144	(24,21%)	143	190	144	(24,21%)	142
Chi phí hoạt động	(1.895)	(1.893)	(0,11%)	1.214	(1.871)	(1.858)	(0,69%)	1.182
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.723	1.882	9,23%	1.963	1.768	1.917	8,41%	2.005
LNTT	1.229	1.368	11,31%	1.557	1.274	1.403	10,13%	1.599
LNST	967	1.092	12,93%	1.246	1.001	1.118	11,69%	1.279
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân	13,25%	13,17%		13,35%	13,61%	13,35%		13,54%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất/riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất/riêng lẻ Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

## 1.1.1. Tổng tài sản

Hình 9: Tình hình Tổng tài sản của ABBANK (Riêng lẻ)



(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

Trong năm 2020, ABBANK đã tích cực phát triển thêm tệp khách hàng, mở rộng hoạt động cho vay, song song với việc tăng cường giám sát, xử lý các khoản nợ quá hạn. Chất lượng tài sản của ABBANK trong thời gian qua nhìn chung cũng được cải thiện đáng kể nhờ vào chiến lược tăng trưởng phát triển bền vững, các hệ số an toàn tài chính đều nằm trong mức cho phép của NHNN. Tổng tài sản năm 2020, theo BCTC hợp nhất của Ngân hàng đạt 116,36 nghìn tỷ đồng, tăng 13,47% so với năm 2019. Tại ngày 30/9/2021, tổng tài sản có sự sụt giảm nhẹ xuống còn 113,88 nghìn tỷ đồng.

**1.1.2. Vốn chủ sở hữu**

Tính đến ngày 31/12/2020, tổng vốn chủ sở hữu hợp nhất của ABBANK là 8,91 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 1,07 nghìn tỷ đồng tương đương 16,62% so với cùng kỳ ngày 31/12/2019. Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, tổng nguồn vốn chủ sở hữu của ABBANK đạt mức 9,98 nghìn tỷ đồng.

**1.1.3. Tổng thu nhập hoạt động thuần (TOI)**

Tổng thu nhập hoạt động của ABBANK, theo BCTC hợp nhất năm 2020, tăng 3,74% so với năm 2019, đạt 3,77 nghìn tỷ đồng, 9 tháng đầu năm 2021 tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 3,2 nghìn tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần năm 2020 có đóng góp cao nhất với tỷ trọng là 63,1%, đạt 2,38 nghìn tỷ đồng (năm 2019 tỉ lệ này là 68,1%); trong khi đó thu nhập lãi thuần 9 tháng đầu năm 2021 có tỷ trọng 68,9%, đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ này là 65,93%).

Tổng chi phí hoạt động năm 2020 của ABBANK ở mức 1,85 nghìn tỷ đồng, gần tương đương so với chi phí của năm 2019; số liệu này tại ngày 30/9/2021 ở mức 1,18 tỷ đồng, tương đương 96,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ lệ tổng chi phí hoạt động năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 chiếm lần lượt khoảng 49,22% và 37,1% tổng thu nhập hoạt động (năm 2019 là 51,42%). ABBANK luôn cố gắng tiết giảm chi phí bằng cách tận dụng hiệu quả các kênh ngân hàng điện tử và ngân hàng số có chi phí vận hành thấp hơn cho mỗi giao dịch và cũng giúp Ngân hàng tiếp cận tệp khách hàng rộng hơn với chi phí thấp hơn.

**1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ABBANK**

Hoạt động kinh doanh năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 của ABBANK chịu ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19. Theo đánh giá của các chuyên gia, dịch Covid 19 làm kinh tế toàn cầu suy thoái, Ngân hàng là 1 trong 15 ngành bị ảnh hưởng lớn nhất.

**1.2.1. Những nhân tố chính liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của ABBANK trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán****↓ Bối cảnh chung của nền kinh tế**

Dưới tác động của đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới năm 2020 đã bước vào một đợt suy thoái sâu. Đây là cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất trong lịch sử thế giới hơn 200 năm qua, thậm chí, còn khủng khiếp hơn đại suy thoái từ năm 1929 – 1933 của thế kỷ trước.

Theo số liệu từ Ngân hàng thế giới (WB), năm 2020, kinh tế toàn cầu chỉ tăng trưởng - 3,5% đến -4%. Hơn 96% quốc gia trên thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Thu nhập bình quân đầu người giảm 6%, trong khi đó, đại suy thoái 1929 – 1933 chỉ giảm 5%.

Lĩnh vực dịch vụ chịu tác động nhiều nhất bởi dịch bệnh, sau đó đến sản xuất, xây dựng và nông nghiệp. Về triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu, theo các chuyên gia, điều này còn phụ

thuộc vào 3 điều kiện là khả năng kiểm soát dịch, tiêm vaccin trên diện rộng, hiệu quả của các gói hỗ trợ kinh tế từ chính phủ và hợp tác quốc tế.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia đều đang nỗ lực kiểm soát dịch bệnh song song với quá trình cứu nền kinh tế tăng trưởng trở lại. Cuộc đua nghiên cứu và sản xuất vaccin vẫn đang tiếp diễn và đạt nhiều kết quả khả quan. Trong khi đó, sau thời gian dịch bệnh, người dân và doanh nghiệp đã tích lũy được kinh nghiệm sống và làm việc trong bối cảnh "bình thường mới". Mặt khác, đại dịch Covid-19 mặc dù có mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế toàn thế giới nhưng tiềm lực của các quốc gia rất mạnh, thời gian vừa qua, Chính phủ nhiều nước và Ngân hàng thế giới đã có nhiều biện pháp nhanh và mạnh mẽ hơn.

**✦ Hội nhập và mở cửa thị trường tài chính**

Việt Nam mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, tạo động lực giúp phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng: minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững; cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình; dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế. Hội nhập quốc tế là cơ hội để thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam từ đó các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, L/C... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này.

Hội nhập quốc tế cũng tạo điều kiện cho các Ngân hàng tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, từ đó các ngân hàng có cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

**✦ Triển khai áp dụng khung quản trị rủi ro theo Basel II**

Đề tiến tới áp dụng Basel II cho hệ thống ngân hàng, từ năm 2016, NHNN đã ban hành Thông tư 41/2016/TT-NHNN Quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong đó, các ngân hàng chính thức áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II từ năm 2020. Tiếp đó năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết 51/NQ-CP, trong đó yêu cầu đến 2020, các NHTM áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II, phần đầu có 12-15 ngân hàng đáp ứng vốn tự có theo chuẩn. Tính đến 2020, có 16 trong tổng số 25 ngân hàng áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Một trong những điểm chính của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ảnh hưởng đến các ngân hàng là việc Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngoài tính tài sản rủi ro tính dụng còn tính đến rủi ro về thị trường và rủi ro hoạt động. Do đó để thực hiện được Thông tư 41/2016/TT-NHNN, các NHTM tại Việt Nam có thể lựa chọn tăng vốn tự có, vốn chủ sở hữu hoặc cơ cấu lại tài sản theo hướng giảm tối đa rủi ro nhằm đưa hệ số an toàn lên mức quy định của NHTM. Tuy nhiên việc tăng vốn tự có, vốn chủ sở hữu của các ngân hàng thường khó khăn trong việc thực hiện do hoạt động kinh doanh phức tạp, quy mô tăng vốn lớn dẫn đến nhà đầu tư trong nước khó tham gia ngoài ra còn giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Điều này dẫn đến các ngân hàng bị giới



hạn về tăng trưởng tín dụng và phải cơ cấu lại hoạt động nhằm đáp ứng các điều kiện của thông tin trước khi có thể mở rộng kinh doanh.

#### 4. **Cạnh tranh giữa các ngân hàng**

Thị trường Ngân hàng Việt nam có số lượng đơn vị tham gia đông đảo, tính đến hiện tại số lượng NHTM có trên 30 NHTM nhà nước và cổ phần cùng với 60 chi nhánh, văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Do đó, thường xuyên xuất hiện cạnh tranh giữa các ngân hàng như cạnh tranh về các sản phẩm tiền gửi, sản phẩm tín dụng, sản phẩm thẻ, sản phẩm tài khoản thanh toán, sản phẩm trực tuyến... Bên cạnh đó, ngân hàng còn phải cạnh tranh mạnh mẽ với các tổ chức tài chính khác như các công ty cho vay tiêu dùng trong phân khúc khách hàng cá nhân, các tổ chức khác trong việc thu xếp tài trợ dự án thông qua phát hành trái phiếu.

#### 1.2.2. **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của ABBANK kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Tình hình dịch Covid-19 bùng phát từ đầu năm 2020 đã khiến năm 2020 và những tháng đầu năm 2021 trở nên vô cùng khó khăn đối với cả nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Việc các doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh khiến nhu cầu vay vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh và sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác trở nên hạn chế (ví dụ: hoạt động tài trợ thương mại và kinh doanh ngoại tệ gặp ảnh hưởng khi dịch bệnh bùng phát khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị đóng băng). Bên cạnh đó, nợ xấu là mối nguy hiểm ẩn khi hoạt động kinh doanh khó khăn tác động tiêu cực đến dòng tiền của doanh nghiệp, nhiều ngân hàng đã báo cáo tỷ lệ nợ xấu tăng trong năm 2020 và những tháng đầu năm 2021.

## 2. **Tình hình tài chính**

### 2.1. **Các chỉ tiêu cơ bản**

#### 2.1.1. **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình luôn sử dụng và quản lý vốn điều lệ và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của ABBANK.

**Bảng 31: Cơ cấu vốn của ABBANK từ năm 2019 đến 30/9/2021 (hợp nhất)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	7.842.779	8.911.349	9.984.411
<b>Vốn</b>	5.714.108	5.714.108	5.714.108

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
- Vốn điều lệ	5.713.114	5.713.114	5.713.114
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	994	994	994
Các quỹ dự trữ	639.633	811.219	811.570
Lợi nhuận chưa phân phối	1.489.038	2.386.022	3.631.945

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

**2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

**Bảng 32: Thời gian trích khấu hao tài sản cố định**

Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 50 năm
Máy móc thiết bị:	3 – 20 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Tài sản hữu hình cố định khác:	3 – 25 năm
Phần mềm máy vi tính	3 – 8 năm

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng và các công ty con được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

ABBANK luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật đối với việc trích khấu hao tài sản. ABBANK hiện không có thay đổi nào trong chính sách khấu hao trong 02 năm tài chính gần nhất.

2.1.3. Mức lương bình quân

**Bảng 33: Mức lương bình quân của ABBANK so với các Ngân hàng khác**

*Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng*

Tên Ngân hàng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>ABBANK</b>	<b>16,69</b>	<b>17,48</b>	<b>15,26</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBANK)	28,02	28,12	28,64
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	26,35	27,7	26,38
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)	23,85	28,08	28,65
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBANK)	33,93	31,39	35,08
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh (HDBANK)	17,13	25,67	26,23
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK)	20	19	25
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK)	25,73	19,77	30,05
Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	19,16	21,42	26,56
Ngân hàng TMCP Nam Á (NAMABANK)	23	17	24
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	26,45	30,73	29,21
Ngân hàng TMCP Bản Việt (VIETCAPITAL BANK)	17,23	18,10	17,96
Ngân hàng TMCP Kiên Long (KIENLONG BANK)	14	14	17

*(Nguồn: BCTC riêng lẻ các Ngân hàng)*

Thu nhập bình quân của người lao động tại ABBANK năm 2019 đạt 16,69 triệu đồng/tháng. Năm 2020, thu nhập bình quân của ABBANK cao hơn năm 2019 và đạt 17,48 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2021, mức thu nhập bình quân của ABBANK đạt 15,26 triệu đồng/1 người/1 tháng. Nhìn chung mức thu nhập bình quân của ABBANK còn hạn chế so với nhiều Ngân hàng TMCP khác. Hiện nay, ABBANK đang triển khai nhiều sáng kiến chiến lược về CNTT, nhân sự, đào tạo và đặc biệt là triển khai áp dụng thí điểm tính lương theo năng suất lao động... nhằm đẩy mạnh hàm lượng công nghệ, nâng cao năng lực cán bộ, năng suất lao động, hiệu quả hoạt động, góp phần tăng thu nhập của CBNV trên toàn hệ thống.



**2.1.4. Tình hình công nợ**
**a. Các khoản phải trả**

 « Các khoản lãi, phí phải trả
**Bảng 34: Các khoản lãi, phí phải trả**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	830.079	821.491	569.948
Lãi phải trả tiền gửi bằng VND	359.596	468.023	547.414
Lãi phải trả từ giao dịch hoán đổi	109.260	54.000	129.704
Lãi phải trả từ giao dịch kỳ hạn	9.685	22.402	52.694
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng VND	202.807	19.065	63.298
Lãi phải trả cho tiền vay bằng ngoại tệ	16.378	7.701	16.651
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư bằng ngoại tệ	2.160	1.227	5.834
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VND	15.575	167	210
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư bằng VND	60	63	147
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	71	3	2
<b>Tổng</b>	<b>1.545.671</b>	<b>1.394.142</b>	<b>1.385.903</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

▪ Các khoản phải trả và công nợ khác

**Bảng 35: Các khoản phải trả và công nợ khác**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<b>Các khoản phải trả nội bộ</b>	<b>153.064</b>	<b>199.393</b>	<b>52.710</b>
Các khoản phải trả công nhân viên	147.749	155.743	5.705
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	5.315	43.650	47.005
<b>Các khoản phải trả bên ngoài</b>	<b>341.158</b>	<b>228.752</b>	<b>926.895</b>
Các khoản phải trả khách hàng	83.186	73.197	90.477
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	112.607	54.439	329.625
Các khoản chờ thanh toán	71.573	51.635	470.945
Doanh thu chờ phân bổ	55.947	40.968	1
Tiền thu được từ các khoản bán nợ đã bán	16.819	7.487	34.820
Cổ tức phải trả	1.026	1.026	1.027
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>11.987</b>	<b>3.958</b>	<b>10.717</b>
Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý	1.026	1.001	1.284
Các khoản phải trả khác	10.961	2.957	9.433
<b>Tổng</b>	<b>506.209</b>	<b>432.103</b>	<b>990.322</b>

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)*

ABBANK hiện không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng khác và/hoặc các đối tác.

**b. Các khoản phải thu**

▪ Các khoản phải thu

**Bảng 36: Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Phải thu từ nghiệp vụ mua bán nợ (i)	519.673	1.168.367	183.047
Phải thu giao dịch thẻ	82.245	125.504	508.066
Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố	112.803	77.886	82.421
Tài sản thiếu chờ xử lý (ii)	74.321	74.299	74.285
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	71.992	69.453	180.782
Tạm ứng chi phí hoạt động cho đối tác	34.239	52.287	57.440
Tạm ứng mua sắm tài sản (iii)	55.085	50.467	73.973
Phải thu nghiệp vụ liên quan LC UPAS	-	46.313	9.112
Phải thu bán chứng khoán (iv)	35.855	35.855	35.855
Phải thu CTCP Đầu tư Bất động sản An Bình (v)	13.245	13.245	13.245
Phải thu tiền đặt cọc quyền mua cổ phần CTCP Dược phẩm Viễn Đông (DVD) (vi)	5.225	5.225	5.225
Phải thu liên quan đến góp vốn đầu tư EVN Tây Nguyên	3.333	3.333	3.333
Các khoản phải thu khác	30.937	25.666	67.420
<b>Tổng</b>	<b>1.038.953</b>	<b>1.747.900</b>	<b>1.294.204</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

- (i) Đây là số dư khoản phải thu tại ngày 30/9/2021 liên quan đến hoạt động bán các khoản nợ được phân loại nhóm 1 tại thời điểm bán cho CTCP Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Hoàng Cầu và CTCP TBIC. Khoản phải thu từ bán nợ này được thanh toán từng lần theo thỏa thuận của hợp đồng.
- (ii) Vào ngày 15/03/2019, ABBANK đã thực hiện kiểm kê tiền mặt tại một chi nhánh và phát hiện thiếu quỹ số tiền 67.369 triệu đồng và 299.996 USD (tương đương 6.828 triệu đồng theo tỷ giá tại thời điểm 30/9/2021). Tại thời điểm 30/9/2021, vụ việc vẫn đang được cơ

- quan công an tiến hành điều tra và chưa có kết luận cuối cùng. Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư 48.
- (iii) Bao gồm trong số dư tạm ứng mua sắm tài sản tại ngày 30/9/2021 và ngày 31/12/2020 là 48.000 triệu đồng tiền đặt cọc của ABBA cho CTCP Thủy Hải sản Minh Hiếu để mua bất động sản. Tuy nhiên, thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản sang cho ABBA vẫn chưa hoàn tất. Trong năm 2016, ABBA đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân thị xã Giá Rai để thu hồi khoản tiền đặt cọc hoặc đề nghị hoàn thành thủ tục chuyển nhượng tài sản. Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư 48.
  - (iv) Khoản phải thu CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Geleximco), liên quan đến hợp đồng bán chứng khoán. Ngân hàng đã lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này.
  - (v) Khoản tiền ABBANK cho CTCP Đầu tư Bất động sản An Bình (ABLand) mượn để trả tiền thuê bất động sản làm trụ sở văn phòng của ABLand. Khoản phải thu này không chịu lãi và không có thời hạn thu hồi nợ cụ thể. Ngân hàng đã lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này.
  - (vi) Khoản tiền đặt cọc mua cổ phần CTCP Dược Viễn Đông (DVD) mà ABBANK đã chuyển cho CTCP Chứng khoán An Bình (ABS) vào đợt phát hành cổ phần lần thứ 2 của DVD trong năm 2010 nhưng không thành công. Tại ngày 30/9/2021, ABS vẫn chưa thanh toán cho ABBANK khoản tiền này. Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng 100% theo quy định của Thông tư 48.

▪ Các khoản lãi, phí phải thu

**Bảng 37: Các khoản lãi, phí phải thu**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	380.405	338.276	487.246
Lãi phải thu từ cho vay bằng VND	320.730	282.208	299.153
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	88.744	101.515	127.295
Phí, lãi phải thu từ giao dịch hoán đổi	42.939	37.514	63.315
Phí, lãi phải thu từ giao dịch kỳ hạn	6.713	9.148	19.032
Lãi phải thu tiền gửi bằng VND	2.431	3.683	-
Lãi phải thu từ hợp đồng góp vốn đầu tư	2.072	2.483	6.315
Lãi phải thu tiền gửi bằng ngoại tệ	348	321	345

Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Lãi phải thu từ cho vay bằng ngoại tệ	11.346	1.811	1.927
<b>Tổng</b>	<b>855.728</b>	<b>776.959</b>	<b>1.004.626</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2021 của ABBANK)

### 2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

ABBANK luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Đến thời điểm hiện tại, ABBANK không có khoản nợ thuế hay các khoản phải nộp nào quá hạn.

**Bảng 38: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2019 và 2020**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Thuế GTGT	5.878	4.847
2	Thuế TNDN	88.612	45.637
3	Các loại thuế khác	18.116	3.955
	<b>Tổng</b>	<b>112.606</b>	<b>54.439</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, năm 2020 của ABBANK)

### 2.1.6. Trích lập các quỹ

**Bảng 39: Trích lập các quỹ năm 2020**

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Số đầu năm	Trích lập các quỹ	Số cuối năm
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	141.438	57.445	198.883
Quỹ dự phòng tài chính	456.173	109.165	565.338
Quỹ đầu tư phát triển	22.923	4.917	27.840
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		49.087	49.087
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.099	59	19.158

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của ABBANK)

**2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của ABBANK kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19 tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và ABBANK nói riêng, từ đó tác động đến việc thực hiện một số chỉ tiêu tài chính của Ngân hàng ở 2 phương diện sau:

- Về kinh doanh: với trình trạng giãn cách kéo dài, việc triển khai các kế hoạch kinh doanh như dự kiến của ABBANK gặp nhiều khó khăn. Thêm vào đó theo đúng định hướng giảm lãi suất, giảm phí hỗ trợ khách hàng như chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, ABBANK đã và đang triển khai các gói cho vay quy mô lớn với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất cho vay thông thường, miễn/giảm các loại phí trong các giao dịch, dẫn đến ảnh hưởng tới doanh thu thuần so với kế hoạch đề ra.
- Về chất lượng nợ: việc cơ cấu lại nợ cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid cũng như tình trạng chất lượng nợ suy giảm do nhiều khách hàng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, khó thanh toán nợ đúng hạn, dẫn tới chi phí dự phòng rủi ro tăng so với kế hoạch, tác động vào lợi nhuận của ngân hàng.

**2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

ABBANK hiện không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng khác và/hoặc các đối tác.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

**Bảng 40: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Đơn vị tính: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất			Ghi chú
	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021	
1							
Chi tiêu về vốn							
- Vốn điều lệ	5.713.114	5.713.114	5.713.114	5.713.114	5.713.114	5.713.114	
- Quỹ dự trữ	603.103	766.850	766.850	639.633	811.219	811.570	
- Vốn tự có	7.984.256	9.208.211	10.379.588	8.018.490	9.308.717	10.340.366	
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,49%	8,98%	11,87%	9,53%	9,05%	11,87%	
2							
Chất lượng tài sản							
- Tỷ lệ nợ quá hạn	2,62%	2,57%	3,79%	2,62%	2,57%	3,79%	
- Tỷ lệ nợ xấu	1,72%	1,44%	2,06%	1,72%	1,44%	2,06%	
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/ Tổng tài sản	62,81%	57,03%	62,26%	62,77%	56,99%	62,20%	
- Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng	95,30%	95,39%	95,52%	95,07%	95,17%	95,23%	
3							
Khả năng thanh toán							
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân	22,70%	19,50%	18,64%	22,70%	19,50%	18,64%	

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu			Hợp nhất			Chỉ chủ
	Riêng lẻ			Hợp nhất			
	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021	
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	37,10%	36,40%	29,89%	37,10%	36,40%	29,89%	
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi	65,20%	61,50%	67,83%	65,20%	61,50%	67,83%	
4 Kết quả hoạt động kinh doanh							
- Tỷ lệ LNTT/ VCSH bình quân	16,84%	16,51%	22,25%	17,32%	16,75%	22,57%	
- Tỷ lệ LNTT/ Tổng tài sản bình quân	1,28%	1,25%	1,80%	1,32%	1,28%	1,85%	
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2.437.349	2.344.549	2.175.673	2.478.252	2.381.546	2.197.314	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	1,01%	1,00%	1,44%	1,04%	1,02%	1,48%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên VCSH (ROE)	13,28%	13,17%	17,80%	13,60%	13,34%	18,05%	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đơn vị: đồng)	1.696	1.911	2.180	1.752	1.956	2.239	
- Thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập	8,93%	9,30%	5,38%	9,76%	10,16%	5,71%	
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/LNTT	16,15%	15,25%	14,39%	15,19%	13,81%	12,99%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất/riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2019, năm 2020 và Quý 3 năm 2021 của ABBANK)



**3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của ABBANK****3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019, năm 2020 và bán niên 2021 của ABBANK**

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam được ABBANK lựa chọn là đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình trong 02 năm tài chính 2019 và 2020 và các Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021

**3.1.1. Ý kiến của đơn vị kiểm toán năm 2019****▪ Đối với BCTC riêng lẻ năm 2019**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

**▪ Đối với BCTC hợp nhất năm 2019**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**3.1.2. Ý kiến của đơn vị kiểm toán năm 2020****▪ Đối với BCTC riêng lẻ năm 2020**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

**▪ Đối với BCTC hợp nhất năm 2020**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

#### 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

##### 4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

ĐHĐCĐ thường niên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ngày 29/04/2021 đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

**Bảng 41: Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của ABBANK**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2020
Tổng tài sản	116.267	120.217	3%
Huy động thị trường 1	80.591	87.112	8%
- Tiền gửi khách hàng	78.128	85.794	10%
- Huy động thị trường TCTC quốc tế	2.463	1.318	- 46%
Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu DN)	69.469	81.655	18%
Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 – 5)	< 3%	< 3%	
Tỷ lệ thu phí dịch vụ và bảo lãnh trên tổng thu nhập lãi thuần	13,1%	20%	
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.368	1.973	44%
ROE	13,2%	16,9%	28%
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

(Nguồn: ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 29/04/2021 của ABBANK)

Nhiệm vụ trọng tâm của ABBANK trong năm 2021 và định hướng trung hạn đến hết năm 2025 là nâng cao năng lực dịch vụ, phát triển sản phẩm chuyên biệt và tinh thông sản phẩm đại trà để nâng cơ số khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ tại ABBANK, bảo đảm chất lượng tài sản và chủ động phòng tránh rủi ro để tăng trưởng bền vững; chủ động ứng phó với tình huống rủi ro như khủng hoảng, dịch bệnh, thiên tai; phát huy hiệu quả công tác thu hồi nợ xấu đã đạt được trong những năm qua, nâng cao hình ảnh của Ngân hàng và đạt được các chỉ tiêu tài chính đề ra.

##### 4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2021

Năm 2020, kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19, nhiều nước rơi vào khủng hoảng kép về y tế và kinh tế, kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu, suy giảm khoảng 4% (theo Ngân hàng Thế giới) và 4,4% (theo Quỹ Tiền tệ quốc tế).

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là một điểm sáng với việc thực hiện thành công mục tiêu kép: phòng, chống dịch bệnh hiệu quả và phục hồi kinh tế. Tăng trưởng kinh tế năm 2020 đạt 2,91%, tuy là mức thấp nhất trong 10 năm qua nhưng là một trong số ít các nước đạt tăng trưởng dương và thuộc nhóm có mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản ổn định trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động. Trong bối cảnh đó, năm 2020, ngành ngân hàng tiếp tục hoạt động ổn định và đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

- Thị trường được củng cố, thanh khoản dồi dào, lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp; mặt bằng lãi suất tiền gửi phổ biến tại các ngân hàng giảm từ 0,9 - 1,5% (ngắn hạn) và khoảng 0,6 - 1,5% (trung dài hạn) so với đầu năm;
- Lãi suất cho vay cũng giảm nhanh, khoảng 0,5 - 2% so với đầu năm;
- Tỷ giá tiếp tục ổn định, giá trị VND được nâng cao;
- Dự trữ ngoại hối tiếp tục được bổ sung, giúp đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ quốc gia và củng cố mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam.

Theo NHNN, tổng vốn huy động toàn hệ thống đến 21/12/2020 tăng 12,87% (trước cả năm tăng 13,5%) trong điều kiện lãi suất giảm sâu. Tín dụng cũng hồi phục trở lại trong những tháng cuối năm, đến ngày 28/12/2020, dư nợ tín dụng tăng 11,08% so với cuối năm 2019. Các tổ chức tín dụng (TCTD) hoạt động ổn định, lành mạnh, nợ xấu tiềm ẩn tăng nhưng trong tầm kiểm soát, năng lực tài chính (nhất là vốn chủ sở hữu) được củng cố.

Năm 2020, ABB đã đạt được một số kết quả tích cực như sau:

- Tổng tài sản tăng trưởng 13%, tương đương tăng 13.781 tỷ đồng so với năm 2019;
- Tổng thu nhập tăng 4%, tương đương tăng 156,3 tỷ đồng so với năm 2019;
- LNTT tăng 11%, tương đương tăng 139,3 tỷ đồng so với năm 2019;
- Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,5%.

#### **4.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

Với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình do Ngân hàng cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của ABBANK.

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình nhận thấy ABBANK có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với Ngân hàng, các dự đoán, nhận định của Ban Lãnh đạo ABBANK về thị trường là tương đối phù hợp với thực tế. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của ABBANK trong những năm qua tương đối tốt, định hướng phát triển của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của Ngành và các chính sách của Nhà nước.

Theo đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, kế hoạch kinh doanh của ABBANK có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Ngân hàng về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Ngân hàng.

*Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cung cấp. Thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Ngân hàng chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.*

## **VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

### **1. Thông tin về cổ đông sáng lập**

Căn cứ quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”. Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình đăng ký lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 17/5/1993; do đó tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện nay, các cổ đông sáng lập đều không còn sở hữu cổ phần tại ABBANK.

### **2. Thông tin về cổ đông lớn**

#### **2.1. Cổ đông lớn là cá nhân**

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/6/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình không có cổ đông lớn là cá nhân.



2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

*Ghi chú: Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ sau đợt chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu thực tế có đông đóng tiền mua*

STT	Tên	Địa chỉ	CCCD/CMND/HỘ CHIẾU/MÃ SỐ DOANH NGHIỆP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	Tại thời điểm 30/9/2021			Dự kiến sau đợt chào bán			
				Số lượng cổ phần sở hữu, cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ (%)	Số lượng cổ phần sở hữu, cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ (%)	Ghi chú
I	Tập đoàn Geleximco – Công ty cổ phần (Geleximco)	Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội	MSDN: 0100514947 Người đại diện theo pháp luật: Vũ Văn Tiên, CCCD số: 034059003584, do Cục CS Quản lý hành chính và TTXH cấp ngày 10/5/2019	74.222.415	12,99	12,99	89.066.898	12,99	12,99	

Người có liên quan của Tập đoàn Geleximco – Công ty CP

1	Vũ Văn Tiên	64 Nguyễn Lương Bằng, P.Nam Đồng, Q.Đống Đa, Hà Nội	CCCD số: 034059003584, do Cục CS Quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 10/5/2019	2.125.831	0,37	0,37	2.550.997	0,37	0,37	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD của Geleximco
2	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	64 Nguyễn Lương Bằng, P.Nam Đồng, Q.Đống Đa, Hà Nội	CMND: 011757548, cấp ngày 27/4/2007 tại Hà Nội	993.706	0,17	0,17	1.192.447	0,17	0,17	Vợ ông Vũ Văn Tiên
3	Vũ Văn Hậu	187 Đại La, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	CMND: 012296299, cấp ngày 18/08/2011, tại Hà Nội	11.373.739	1,99	1,99	13.648.486	1,99	1,99	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Geleximco; Em trai ông Vũ Văn Tiên
4	Đào Mạnh Kháng - Chủ tịch HĐQT	Số 17 ngõ 61, Thái Thịnh, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, Hà Nội	CCCD số 034069002308, do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 15/4/2016	4.653.902	0,81	0,81	5.584.682	0,81	0,81	Chồng bà Vũ Thị Hương - Thành viên HĐQT Geleximco, em rể ông Vũ Văn Tiên
5	Công ty CP Chứng khoán An Bình	Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội	MSDN: 0103013960; Người đại diện theo pháp luật: Trương Ngọc Lân, CMND số 026078000614 do Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/09/2015	3.311.903	0,58	0,58	3.974.283	0,58	0,58	Công ty liên kết của Geleximco

II	Malayan Banking Berhad (Maybank)	Menara Maybank, 100 Jalan Tun Perak, 50050 Kuala Lumpur, Malaysia	3813-K, 31/5/1960, Malaysia	114.265.019	20	20	137.118.022	20	20
III	Tổ chức Tài Chính Quốc tế (IFC)	2121 Pennsylvania Ave., New York, Washington, DC 20433	(IFC là tổ chức thuộc Ngân hàng Thế giới World Bank)	57.155.477	10	10	68.586.572	10	10

2.4. Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: nêu thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH với các đối tượng này đến 30/6/2021 (loại giao dịch, giá trị giao dịch, điều khoản quan trọng khác...)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch
1	Công ty CP Chứng khoán An Bình	Công ty liên kết của Geleximco	Cấp tín dụng cho Công ty CP Chứng khoán An Bình năm 2021	- Hạn mức 400 tỷ đồng	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK40-2021
2	Công ty CP Chứng khoán An Bình	Công ty liên kết của Geleximco	Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ công tác lưu ký cổ phiếu ABBANK	- Giá trị hợp đồng: 15 triệu đồng/1 tháng	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK40-2021
3	Công ty CP Chứng khoán An Bình	Công ty liên kết của Geleximco	Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát	- Giá trị hợp đồng: 200 triệu đồng;	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK48-2021



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch
4	Công ty CP Chứng khoán An Bình	Công ty liên kết của Geleximco	hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động  Hợp đồng cung cấp dịch vụ Tư vấn phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	- Giá trị hợp đồng: 100 triệu đồng.	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK48-2021

Ngoài ra, Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK và những người có liên quan khác phát sinh các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến các nghiệp vụ như: gửi tiết kiệm, rút tiết kiệm, nhận lãi tiền gửi và cấp hạn mức thẻ tín dụng (nếu có),... tuân thủ theo quy định của pháp luật - *Chi tiết theo Báo cáo tài chính các năm 2019, 2020 và Quý 3 năm 2021 của ABBANK đính kèm.*

## 2.5. Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát hành

Lợi ích liên quan giữa cổ đông lớn và người có liên quan đối với Tổ Chức Phát hành được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và Nghị quyết của ĐHĐCĐ như các lợi ích phát sinh khi thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến các nghiệp vụ như: gửi tiết kiệm, rút tiết kiệm, nhận lãi tiền gửi và cấp hạn mức thẻ tín dụng (nếu có),... - Chi tiết theo Báo cáo tài chính các năm 2019, 2020 và Quý 3 năm 2021 của ABBANK đính kèm.

## 2.6. ABBANK có cổ đông lớn là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP có lợi ích liên quan tại Công ty CP Chứng khoán An Bình – vừa là cổ đông, khách hàng và đối tác của ABBANK

- ❖ Tên doanh nghiệp: Công ty CP Chứng khoán An Bình (ABS)
- ❖ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.
- ❖ Mối quan hệ của Geleximco và những người có liên quan với ABS

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần sở hữu tại ABS	Tỷ lệ sở hữu tại ABS	Chức vụ đang nắm giữ tại ABS
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	46.379.517	46,36%	Cổ đông lớn, Công ty liên kết
Mối quan hệ của Người có liên quan của Geleximco với ABS				
1	Vũ Văn Tiên – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0	Chủ tịch HĐQT
2	Vũ Thị Hương – Thành viên HĐQT	0	0	Thành viên HĐQT
3	Trần Kim Khánh – Trưởng Ban Tài chính	0	0	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thị Nga – Phó Ban Tài chính	0	0	Thành viên HĐQT

- ❖ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: HĐQT luôn thông qua các quyết định theo đúng quy định của pháp luật bảo đảm hiệu quả đem lại lợi ích cho công ty và cho cổ đông.

## 3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

### 3.1. Hội đồng Quản trị

#### 3.1.1. Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đào Mạnh Kháng	1969	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Vũ Văn Tiền	1959	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Bà Iris Fang	1952	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Soon Su Long	1968	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Lưu Văn Sáu	1955	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT
6	Ông Nguyễn Danh Lương	1957	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT
7	Ông Jason Lim Tsu Yang	1983	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

### 3.1.2. Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT

#### ❖ Ông Đào Mạnh Kháng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Đào Mạnh Kháng**  
 Giới tính: **Nam**  
 Ngày sinh: **19/01/1969**  
 Nơi sinh: **Tiền Hải, Thái Bình**  
 Số CMND: **034069002308, ngày cấp 15/4/2016, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Dân tộc: **Kinh**  
 Địa chỉ thường trú: **Số nhà 17, ngõ 61, Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội**  
 Trình độ chuyên môn: **Tiến sĩ kinh tế**  
 Quá trình công tác:  
 ✓ Từ 7/1990 đến 1995 **Kế toán Công ty Gạch bông Bách Khoa**  
 ✓ Từ 1995 đến 01/2007 **Kế toán trưởng Công ty liên doanh Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy**

- ✓ Từ 03/2007 đến 4/2018 Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Nay là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP)
  - ✓ Từ 2016 đến 4/2018 Phó Chủ tịch HĐQT ABBANK
  - ✓ Từ 4/2018 đến nay Chủ tịch HĐQT ABBANK
- Các chức vụ công tác hiện nay:
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
  - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 4.653.902 cổ phiếu, chiếm 0,81% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu: Không
  - ✓ Cá nhân sở hữu: 4.653.902 cổ phiếu, chiếm 0,81% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Đào Mạnh Kháng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	Số CMND, Ngày cấp, Nơi cấp	Mối quan hệ	Chức vụ tại ABBANK/Mối quan hệ với ABBANK	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2021	
					Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Vũ Thị Hương	012073511, cấp ngày: 11/10/2008, tại Hà Nội	Vợ	Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty	0	0
2	Đào Xuân Trang	034059000101, Cấp ngày 24/7/2014, Cục CS ĐKQL CT và DLQG về dân cư	Anh ruột	Cổ đông	38.493	0,01
3	Vũ Thị Là	012398502, Cấp ngày 05/9/2009, Hà Nội	Chị dâu	Cổ đông	44.756	0,01

4	Vũ Văn Tiền	034059003584, Cấp ngày 10/5/2019, Cục CS QLHC về TTXH	Anh vợ	Phó Chủ tịch HĐQT; Cổ đồng	2.125.831	0,37
5	Vũ Văn Hậu	012296299, cấp ngày 18/8/2011, Hà Nội	Anh vợ	Cổ đồng	11.373.739	1,99
6	Tập đoàn Geleximco – công ty Cổ phần	011514947 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp, Thay đổi lần thứ 20 ngày 25/12/2020	Vợ của ông Đào Mạnh Kháng là thành viên HĐQT	Cổ đồng lớn	74.222.415	12,99
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK- GPĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 29/9/2006	Vợ của ông Đào Mạnh Kháng là thành viên HĐQT	Cổ đồng	3.311.903	0,58

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
4.500	Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Vũ Văn Tiền – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên: Vũ Văn Tiền  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 10/05/1959  
Nơi sinh: Thái Bình

Số CMND:	034059003584, ngày cấp 10/5/2019, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	64 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế hoạch KTQĐ – Đại học kinh tế quốc dân
Quá trình công tác:	
✓ Từ 1986 đến 1992	Cán bộ Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp Hà Nội;
✓ Từ 1992 đến 2007	Giám đốc Công ty TNHH XNK Tổng Hợp Hà Nội;
✓ Từ 2007 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (nay là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP)
✓ Từ 2005 đến 24/4/2018	Chủ tịch HĐQT ABBANK
✓ Từ 25/4/2018 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT ABBANK
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Tập đoàn Geleximco – công ty Cổ phần: Chủ tịch HĐQT – TGD</li> <li>✓ Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình: Chủ tịch HĐQT</li> <li>✓ Công ty CP Giấy An Hòa: Chủ tịch HĐQT</li> <li>✓ Công ty CP nhiệt điện Thăng Long: Chủ tịch HĐQT</li> <li>✓ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng An Bình: Chủ tịch HĐQT</li> </ul>
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021):	76.348.246 cổ phiếu, chiếm 13,36% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu cho Tập đoàn Geleximco – công ty Cổ phần	74.222.415 cổ phiếu, chiếm 12,99% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	2.125.831 cổ phiếu, chiếm 0,37% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Vũ Văn Tiền đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	Số CMND/ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Mối quan hệ	Chức vụ tại ABBANK / Mối quan hệ với ABBANK	Số hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2021	
					Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	011757458, 27/4/2007, Hà Nội	Vợ	Cổ đông	993.706	0,17
2	Vũ Văn Hậu	012296299, 18/8/2011, Hà Nội	Em ruột	Cổ đông	11.373.739	1,99
3	Vũ Thị Hương	012073511, 11/10/2008, tại Hà Nội	Em ruột	Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty	0	0
4	Đào Mạnh Kháng	034069002308, 15/4/2016, Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Em rể	Chủ tịch HĐQT; Cổ đông	4.653.902	0,81
5	Nguyễn Trường Giang	017068000008, 01/12/2014, Cục CSDKQLCT và DLQG về dân cư	Em vợ	Cổ đông	170.045	0,03
6	Tập đoàn Geleximco – công ty Cổ phần	011514947 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp, Thay đổi lần thứ 19 ngày 14/06/2019	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	Cổ đông lớn	74.222.415	12,99
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 29/9/2006	Chủ tịch HĐQT	Cổ đông	3.311.903	0,58

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
3.150	Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Bà Iris Fang – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên: Iris Fang  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày sinh: 06/01/1952  
 Nơi sinh: Malaysia  
 Số CMND: 530756361  
 Quốc tịch: USA  
 Địa chỉ thường trú: 31 Balmoral Park 14-31 Singapore 259858  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Hoa Kỳ  
 Quá trình công tác:  
 ✓ Từ 1975 đến 1978: Trợ lý Trưởng Phòng Tài chính, Bộ phận Ngân hàng Quốc tế, Tài trợ Xuất khẩu, Tập đoàn American Express, New York, Hoa Kỳ;  
 ✓ Từ 1978 đến 1985: Chuyên viên Phân tích Tài chính cao cấp, Phòng Giám sát, Kiểm soát & Nghiên cứu tài chính của Ngân hàng Bank of America, San Francisco, Hoa Kỳ; Trợ lý Phó Chủ tịch nhóm Khách hàng Hàng không của Ngân hàng Bank of America Los Angeles, Hoa Kỳ;  
 ✓ Từ 1985 đến 1990: Giám đốc Khối Tài trợ Doanh nghiệp khu vực Bắc Mỹ của Ngân hàng Chase Manhattan, Los Angeles, Hoa Kỳ;



✓ Từ 1990 đến 2000

Giám đốc Chiến lược Khu vực Châu Á của Ngân hàng Standard Chartered, Trụ sở Châu Á tại Singapore; Giám đốc điều hành Việt Nam của Ngân hàng Standard Chartered Chi nhánh tại Hà Nội; Giám đốc điều hành Khối Tài trợ cấu trúc & Kinh doanh của Ngân hàng Standard Chartered tại Singapore

✓ Từ 2000 đến 2005

Nghiên cứu việc riêng

✓ Từ 2005 đến 2009:

Trợ giảng Khóa học Thạc sỹ Điều hành cao cấp – Chiến lược; Cố vấn kỹ thuật môn Sáng tạo liên doanh mới của Trường Đại học RMIT Việt Nam và Trung tâm Đào tạo và Tư vấn nghiệp vụ ngân hàng; tham gia các dự án SECO và các sáng kiến của IFC;

✓ Từ 2012 đến 2014

Cố vấn về Chiến lược và SME cho các dự án của IFC; Cố vấn dự án về Chiến lược và Quản lý rủi ro cho Cơ quan phát triển Pháp;

✓ Từ 2009 đến 2018

Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên Ban Đầu tư và Thành viên Ủy ban rủi ro và tuân thủ của Công ty Quản lý tài sản Vietnam Holding;

✓ Từ 4/2016 đến nay

Thành viên Hội đồng Quản trị ABBANK

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:

Thành viên Hội đồng Quản trị

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021):

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu

Không

✓ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của bà Iris Fang đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (\*)

Lợi ích khác

(triệu đồng)

1.080

Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Soon Su Long – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên: Soon Su Long

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/11/1968

Nơi sinh: Malaysia

Số HC: A36056248, cấp ngày 21/8/2015, nơi cấp: Kelana Jaya, Malaysia

Quốc tịch: Malaysian

Địa chỉ thường trú: Lot 818 Lorong Mat Saman, 31000 Batu Gajah, Perak, Malaysia

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ tháng 3/2015 đến nay Ngân hàng Maybank

✓ Từ tháng 4/2018 đến nay Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Thành viên Hội đồng Quản trị

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Điều hành Maybank Đông Dương và phụ trách các chi nhánh tại Việt Nam của Maybank

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 57.132.510 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu cho Malayan Banking Berhad (Maybank) 57.132.510 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ

✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Soon Su Long đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	GCNĐKKĐ / Số CMND, Hộ chiếu	Mối quan hệ	Chức vụ tại ABBANK / Mối quan hệ với ABBANK	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2021	
					Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Malayan Banking Berhad (Maybank)	3813-K, 31/5/1960, Malaysia	Người đại diện sở hữu	Cổ đông lớn	114.265.019	20,00%
2	Jason Lim Tsu Yang	A52840149, cấp ngày 26/3/2019, nơi cấp: UTC Kuala Lumpur, Malaysia	Đồng đại diện sở hữu của Maybank tại ABBANK	Thành viên HĐQT	Không có sở hữu cá nhân, đại diện 50% vốn góp của Maybank tại ABBANK	

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
1.080	Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Lưu Văn Sáu – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Họ và tên: Lưu Văn Sáu  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 30/03/1955  
Nơi sinh: Thái Bình

Số CMND: 034055000029, ngày cấp 18/7/2013, nơi cấp:  
Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Nhà số 12, Lô III/2, 151A Nguyễn Đức  
Cảnh, P.Tương Mai, Q.Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ Từ tháng 10/1998 đến tháng 4/2015: Vụ Kinh tế Tổng hợp – Văn phòng chính phủ
- ✓ Từ tháng 5/2015 đến nay: Nghi hưu và tham gia làm Chuyên gia tư vấn cho Viện Quản trị An Bình
- ✓ Từ tháng 4/2018 đến nay: Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện sở hữu: Không
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Lưu Văn Sáu đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
1.080	Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Nguyễn Danh Lương – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Họ và tên: Nguyễn Danh Lương  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 09/10/1957  
Nơi sinh: Hà Nội  
Số CMND: 011399725, ngày cấp 28/01/2010, nơi cấp: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 27 ngõ 2 phố Vương Thừa Vũ, P.Khương Trung, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

✓ Từ năm 1997 đến tháng 10/2017: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

✓ Từ tháng 4/2018 đến nay: Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Ben Thanh (VBB)

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu: Không

✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Nguyễn Danh Lương đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (\*)

Lợi ích khác

(triệu đồng)

1.080

Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Jason Lim Tsu Yang – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Jason Lim Tsu Yang
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	07/6/1983
Nơi sinh:	Malaysia
Số HC:	A52840149, cấp ngày 26/3/2019, nơi cấp: UTC Kuala Lumpur, Malaysia
Quốc tịch:	Malaysia
Địa chỉ thường trú:	11, Lorong Burhanuddin Helmi 4, Taman Tun Dr Ismail, Kuala Lumpur, Malaysia
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân toán kinh doanh & thống kê
Quá trình công tác:	
✓ Từ tháng 9/2013 đến nay	Ngân hàng Maybank
✓ Từ tháng 6/2020 đến nay	Ngân hàng TMCP An Bình
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:	Thành viên Hội đồng Quản trị
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng Ban Phát triển Chiến lược và Phát triển Kinh doanh, trực thuộc Ban Chiến lược và Kinh doanh của Tập đoàn Maybank
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021):	57.132.509 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu cho Malayan Banking Berhad (Maybank)	57.132.509 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Jason Lim Tsu Yang đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	GCNDKKD / Số CMND, Hộ chiếu	Mối quan hệ	Chức vụ tại ABBANK / Mối quan hệ với ABBANK	Số hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2021	
					Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Malayan Banking Berhad (Maybank)	3813-K, 31/5/1960, Malaysia	Người đại diện sở hữu	Cổ đông lớn	114.265.019	20,00%
2	Soon Su Long	A36056248, cấp ngày 21/8/2015, nơi cấp: Kelana Jaya, Malaysia	Đồng đại diện sở hữu của Maybank tại ABBANK	Thành viên HĐQT	Không có sở hữu cá nhân, đại diện 50% vốn góp của Maybank tại ABBANK	

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
1.080	Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

### 3.2. Ban kiểm soát

#### 3.2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	1972	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Hằng	1971	Thành viên Chuyên trách
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thái	1963	Thành viên

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

### 3.2.2. Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban kiểm soát

#### ❖ Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Hạnh Tâm  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày sinh: 02/02/1972  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Số CMND: 011513292, ngày cấp 11/7/2012, nơi cấp: Hà Nội  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 48 Nguyễn Hồng, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội  
 Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ Kế toán trưởng do Đại học Kinh tế Quốc dân cấp  
 Cử nhân chuyên ngành Kế toán

Quá trình công tác:

- ✓ Từ năm 1993 đến năm 1998: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- ✓ Từ năm 1998 đến năm 2008: Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- ✓ Từ năm 2008 đến năm 2009: Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- ✓ Từ năm 2009 đến nay: Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Trưởng Ban Kiểm soát
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có



Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 13.772 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu Không

✓ Cá nhân sở hữu: 13.772 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Những người liên quan của bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	Số CMND, Ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ	Chức vụ tại ABBANK / Mối quan hệ với ABBANK	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2021	
					Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Nguyễn Đức Anh	001095020039, cấp ngày: 07/05/2019, tại: Cục QLHC về TTXH	Con ruột	Cổ đông	900	0,00%

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
268,2	Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Bà Phạm Thị Hằng - Thành viên Chuyên trách BKS

Họ và tên: Phạm Thị Hằng

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 14/10/1971

Nơi sinh : Nam Định

Số CMND: 036171002419, ngày cấp 14/3/2017, nơi cấp:  
Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 89 đường số 3, cư xá Đô Thành, P.4, Q.3,  
TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ĐH Kinh tế  
TP HCM

Quá trình công tác:

- ✓ Từ năm 1996 đến năm 2006 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ✓ Từ năm 2006 đến năm 2012 Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí  
Việt Nam (PVFC)
- ✓ Từ năm 2012 đến tháng 4/2016 Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam  
(PVCombank)
- ✓ Từ năm 2016 đến nay Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát –  
Ngân hàng TMCP An Bình
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện sở hữu Không
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của bà Phạm Thị Hằng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (\*)

Lợi ích khác

(triệu đồng)

225

Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, bà Phạm Thị Hằng có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Thị Thanh Thái
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	06/01/1963
Nơi sinh :	Hà Nội
Số CMND:	010363203, ngày cấp 27/10/2010, nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Ô 22, khu 45 căn hộ, khu 7,2ha, phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tín dụng Học viện Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ năm 1999 đến năm 2014	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
✓ Từ năm 2016 đến nay	Ngân hàng TMCP An Bình
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:	Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP An Bình
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021):	13.863 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	13.863 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Những người liên quan của bà Nguyễn Thị Thanh Thái đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Thù lao và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
810	Không có

(\*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, bà Nguyễn Thị Thanh Thái có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

### 3.3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

#### 3.3.1. Danh sách Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1	Ông Lê Hải	1976	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Mạnh Quân	1973	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Bà Phạm Thị Hiền	1973	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Hương	1973	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Đỗ Lam Điền	1973	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Lại Tất Hà	1978	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Bùi Quốc Việt	1975	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Khối Kế toán

(Nguồn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình)

#### 3.3.2. Sơ yếu lý lịch của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

##### ❖ Ông Lê Hải - Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lê Hải  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 26/05/1976  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Số CMND: 001076009245, ngày cấp 01/03/2016, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 9 - Ngách 19/2 Phố Liễu Giai - Phường Liễu Giai - Ba Đình - Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ Từ 12/1998 – 12/2003	Chuyên viên QHKH - Ngân hàng TMCP Quân đội
✓ Từ 01/2004 - 05/2006	Trưởng phòng - Ngân hàng TMCP Quân đội
✓ Từ 06/2006 - 09/2011	Giám đốc chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội
✓ Từ 10/2011 - 31/07/2013	Giám đốc Khối - Ngân hàng TMCP Quân đội
✓ Từ 08/2013 - 30/03/2020	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội
✓ Từ 04/2020 – 9/2020	Quyền Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP An Bình
✓ Từ 9/2020 đến nay	Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Tổng Giám đốc

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu: Không

✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Lê Hải đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Tiền lương và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
268,2	Không có

(\*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Nguyễn Mạnh Quân - Phó Tổng Giám đốc thường trực

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Quân  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 02/04/1973  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Số CMND: 011691034, ngày cấp 16/08/2007, nơi cấp: Hà Nội  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: 35 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1, Tp. HCM  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
 Cử nhân Tài chính Kế toán, Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 06/2015 – 1/2018 Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP An Bình
- ✓ Từ 01/2018 - 05/2018 Quyền Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP An Bình
- ✓ Từ 05/2018 - nay Phó Tổng Giám đốc thường trực – Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Phó Tổng Giám đốc thường trực
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện sở hữu Không
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Nguyễn Mạnh Quân đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Tiền lương và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
268,2	Không có

(\*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

#### ❖ Bà Phạm Thị Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Phạm Thị Hiền**

Giới tính: **Nữ**

Ngày sinh: **25/01/1973**

Nơi sinh: **Thanh Hóa**

Số CMND: **011763565, ngày cấp 16/10/2007, nơi cấp: Hà Nội**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Địa chỉ thường trú: **P0612A Tòa nhà R2 Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kinh tế Ngân hàng và Tài chính  
Cử nhân tín dụng**

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 11/1993 – 1/2006 **Cán bộ phòng Thanh toán xuất khẩu và Tổng hợp thanh toán – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam**

- ✓ Từ 01/2006 - 09/2007      Kiểm soát viên - Công ty tài chính Việt Nam tại Hong Kong
- ✓ Từ 10/2007 - 10/2009      Trưởng nhóm PTKD - Ngân hàng HSBC Việt Nam chi nhánh Hà Nội
- ✓ Từ 10/2009 – 03/2011      Trưởng phòng TT TTQT và tài trợ chuỗi cung ứng – Ngân hàng HSBC Việt Nam chi nhánh HN
- ✓ Từ 03/2011 – nay          Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP An Bình

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:      Phó Tổng Giám Đốc
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:      Không

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021):      0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện sở hữu      Không
- ✓ Cá nhân sở hữu:      0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của bà Phạm Thị Hiền đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	Số CMND, Ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ	Chức vụ tại ABBANK / Mối quan hệ với ABBANK	Sở hữu cổ phiếu của người có liên quan đến 30/9/2021	
					Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Nguyễn Mai Lan	001196003087, cấp ngày: 22/01/2015, tại: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Con ruột	Cổ đông	18.258	0,003%

Những khoản nợ đối với ABBANK:      Không có



Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Tiền lương và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
268,2	Không có

(\*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Bà Nguyễn Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Thị Hương
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	03/08/1973
Nơi sinh :	Hải Dương
Số CMND:	030173000002, ngày cấp 29/03/2013, nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 12A, tổ 10B, Phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế Phát triển Cử nhân Kinh doanh Thương mại
Quá trình công tác:	
✓ Từ 9/1994 - 7/1997	Chuyên viên - Hội đồng thanh toán Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước
✓ Từ 7/1997 - 5/2001	Chuyên viên - Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước
✓ Từ 5/2001 - 10/2007	Phó trưởng Phòng - Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước
✓ Từ 07/2007 - 03/2011	Phó Giám đốc Khối KĐTT & Ngoại hối tại ABBANK

- |                        |   |
|------------------------|---|
| ✓ Từ 03/2011 – 01/2016 | Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư tại ABBANK                          |
| ✓ Từ 01/2016 – 07/2019 | Phó Tổng Giám đốc (kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư) tại ABBANK |
| ✓ Từ 07/2019 – nay     | Phó Tổng Giám đốc (kiêm nhiệm Giám đốc Khối Tổng hợp) tại ABBANK      |

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:

Phó Tổng Giám đốc

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- ✓ Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình: Công ty là công ty con của ABBANK, bà Nguyễn Thị Hương là đại diện phần vốn góp và tham gia thành viên HĐQT;
- ✓ Công ty cổ phần EVN Quốc tế: Bà Nguyễn Thị Hương được cử là người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại công ty và tham gia thành viên Hội đồng quản trị của công ty;
- ✓ Công ty cổ phần đầu tư điện lực 3: Bà Nguyễn Thị Hương được cử là người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại công ty và tham gia thành viên Hội đồng quản trị của công ty;
- ✓ Công ty cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam: Bà Nguyễn Thị Hương được cử là người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại công ty và tham gia thành viên Ban kiểm soát của công ty.

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021):

24.336 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu

Không

✓ Cá nhân sở hữu:

24.336 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ

Những người liên quan của bà Nguyễn Thị Hương đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:

Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Tiền lương và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
268,2	Không có

(\*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Đỗ Lam Điền – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Đỗ Lam Điền**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 10/04/1973  
 Nơi sinh: Kiên Giang  
 Số CMND: 091073000085, ngày cấp 21/11/2019, nơi cấp: Phòng cảnh sát QLHC về TTXH – Công an TP. Hồ Chí Minh  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 25 đường 12A, khu đô thị Lakeview, phường An Phú, quận 2, TP HCM  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Tài chính  
 Cử nhân Tài chính Tín dụng  
 Cử nhân Ngữ Văn Anh  
 Quá trình công tác:  
 ✓ Từ 1/1996 - 1/2001 Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng Techcombank HCM  
 ✓ Từ 1/1996 - 1/2001 Trưởng phòng Tín dụng - Kế hoạch - Ngân hàng Ngoại thương HCM  
 ✓ Từ 1/2006 - 1/2010 Giám đốc chi nhánh - Ngân hàng TMCP Á Châu  
 ✓ Từ 1/2010 - 1/2012 Phó TGD Ngân hàng DN - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

- ✓ Từ 1/2012 - 5/2015 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực - Ngân hàng Phát triển Mekong (MDB)
- ✓ Từ 5/2015 - 4/2016 Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
- ✓ Từ 4/2016 - 3/2017 Giám đốc khối Ngân hàng DN – Ngân hàng TMCP SHB
- ✓ Từ 08/2017 - nay Phó Tổng Giám đốc – ABBANK

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Phó Tổng Giám đốc
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện sở hữu: Không
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Đỗ Lam Điền đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Tiền lương và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
268,2	Không có

(\*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Lại Tất Hà – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lại Tất Hà  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 21/11/1978  
Nơi sinh: Hạ Long – Quảng Ninh

Số CMND: 022078001546, ngày cấp 20/7/2017, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: R112A25 Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 01/2011 - 01/2015 Giám đốc Trung tâm Ngoại hối và hàng hóa – Ngân hàng Techcombank
- ✓ Từ 01/2015 - 01/2017 Giám đốc Trung tâm kinh doanh và sản phẩm cấu trúc – Ngân hàng Techcombank
- ✓ Từ 01/2017 - 07/2019 Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính - Ngân hàng SeABank
- ✓ Từ 07/2019 - 10/2019 Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ - Hội Sở Hà Nội
- ✓ Từ 10/2019 – nay Phó Tổng Giám đốc - ABBANK

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK: Phó Tổng Giám đốc
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/6/2021): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- ✓ Đại diện sở hữu: Không
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Lại Tất Hà đồng thời là cổ đông, người nội bộ của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020 thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Tiền lương và lợi ích khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (\*)

Lợi ích khác

(triệu đồng)

268,2

Không có

(\*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

❖ Ông Bùi Quốc Việt - Kế toán trưởng

Họ và tên:	Bùi Quốc Việt
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	13/06/1975
Nơi sinh :	TP. Hồ Chí Minh
Số CMND:	079075009199, ngày cấp 18/10/2018, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	04C đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
Quá trình công tác:	
✓ Từ 11/1997 – 3/1998	Kế toán tổng hợp Công ty Điện lực miền Nam
✓ 4/1998 – 10/2002	Kế toán tổng hợp Điện lực Bình Phú – Công ty điện lực TP. Hồ Chí Minh
✓ 10/2002 – 8/2007	Tổ trưởng tổ kiểm tra – phòng Tài chính kế toán Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh
✓ 01/9/2007 - 31/12/2010	Trưởng Phòng kế toán - Khối Tài chính Kế toán ABBANK
✓ 01/01/2011 - 21/11/2012	Giám đốc Khối Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng ABBANK
✓ 22/11/2012 - 30/9/2015	Giám đốc Khối Dịch vụ hỗ trợ kiêm Kế toán trưởng ABBANK
✓ 01/10/2015 - 28/6/2020	Giám đốc khối Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng ABBANK

✓ 29/6/2020 đến nay Giám đốc Kế toán kiêm Kế toán trưởng  
ABBANK

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại  
ABBANK: Kế toán trưởng

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ  
chức khác: Không có

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm  
30/6/2021): 40.268 cổ phiếu, chiếm 0,007% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu Không

✓ Cá nhân sở hữu: 40.268 cổ phiếu, chiếm 0,007% vốn điều lệ

Những người liên quan của ông Bùi Quốc Việt đồng thời là cổ đông, người nội bộ của  
ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại ABBANK: Các khoản tiền lương và lợi ích khác  
trong năm 2019 và 2020 Kế toán trưởng được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết  
của ĐHCĐ/HĐQT và các quy định nội bộ khác của ABBANK. Tiền lương và lợi ích  
khác tại ABBANK trong 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác
268,2	Không có

(\*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, Kế toán trưởng có thể được  
hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của  
Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của ABBANK trong từng thời kỳ.

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

### 3.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

3.4.1. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ  
chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành  
nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám  
đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ

ABBANK, công ty con của ABBANK và thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc,  
Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chỉ phát sinh các hợp đồng, giao dịch liên quan  
đến các nghiệp vụ như: gửi tiết kiệm, rút tiết kiệm, nhận lãi tiền gửi và cấp hạn mức  
thẻ tín dụng (nếu có),... tuân thủ theo quy định của pháp luật – Chi tiết theo Báo cáo  
tài chính các năm 2019, 2020 và Báo cáo Quý 3 năm 2021 của ABBANK đính kèm.

\* Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ABBANK, Công ty con của ABBANK với người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó TGĐ, Kế toán trưởng của ABBANK	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch
1	Công ty CP Chứng khoán An Bình (ABS)	Ông Vũ Văn Tiền – Phó Chủ tịch HĐQT của ABBANK là Chủ tịch HĐQT của ABS	Cấp tín dụng cho Công ty CP Chứng khoán An Bình	- Hạn mức 400 tỷ đồng	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK40-2021
2	Công ty CP Chứng khoán An Bình		Hợp đồng dịch vụ hỗ trợ công tác lưu ký cổ phiếu ABBANK	- Giá trị hợp đồng: 15 triệu đồng/1 tháng	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK40-2021
3	Công ty CP Chứng khoán An Bình		Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Giá trị hợp đồng: 200 triệu đồng;	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK48-2021
4	Công ty CP Chứng khoán An Bình		Hợp đồng cung cấp dịch vụ Tư vấn phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	- Giá trị hợp đồng: 100 triệu đồng.	Hội đồng Quản trị tại Phiếu trình số ABBANK48-2021

Ngoài ra, ABBANK và Công ty con của ABBANK với người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng còn phát sinh các hợp đồng, giao dịch liên quan đến các nghiệp vụ như: gửi tiết kiệm, rút tiết kiệm, nhận lãi tiền gửi, cấp hạn mức thế tín dụng (nếu có),... tuân thủ theo quy định của pháp luật – Chi tiết theo Báo cáo tài chính các năm 2019, 2020 và Quy 3 năm 2021 của ABBANK đính kèm.



- 3.4.2. Lợi ích liên quan của thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó TGD, Kế toán trưởng tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành**
- Ông Vũ Văn Tiền – Phó Chủ tịch HĐQT của ABBANK đồng thời là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Tập đoàn Geleximco – Công ty CP, Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Chứng khoán An Bình – là các cổ đông, khách hàng, đối tác của ABBANK: Do đó, Ông Vũ Văn Tiền được hưởng lương, thù lao và các lợi ích khác tại Geleximco và ABS theo quy định của từng công ty.
  - Ông Soon Su Long và Ông Jason Lim Tsu Yang là Thành viên HĐQT của ABBANK đồng thời là cán bộ của Maybank – là cổ đông, khách hàng, đối tác của ABBANK: Do đó, Ông Soon Su Long và Ông Jason Lim Tsu Yang được hưởng lương, thù lao và các lợi ích khác tại Maybank theo quy định của Maybank.
  - Ngoài ra, các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó TGD, Kế toán trưởng khác không có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với ABBANK hoặc là đối tác lớn của ABBANK.

## **VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông

### **2. Mệnh giá cổ phiếu**

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu

### **3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu**

Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu: 114.262.271 cổ phiếu

### **4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu tính theo mệnh giá**

Tổng giá trị chào bán dự kiến (theo mệnh giá): 1.142.622.710.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn một trăm bốn mươi hai tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

### **5. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu**

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

### **6. Phương pháp tính giá**

#### **↓ Nguyên tắc xác định giá:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của ABBANK đã thông qua giá phát hành tối thiểu là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT.21 ngày 26 tháng 5 năm 2021 về Phương án tăng vốn điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình đã thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

#### **↓ Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu sau phát hành:**

Theo phương án phát hành thì số cổ phiếu dự kiến phát hành là 114.262.271 cổ phiếu. Sau khi hoàn tất đợt chào bán thì số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Ngân hàng dự kiến

sẽ tăng 20% so với số cổ phiếu hiện hành. Việc tăng thêm số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ ảnh hưởng đến chỉ số EPS (thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu), giá trị sổ sách. Theo đó giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh, cụ thể như sau:

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Cụ thể, EPS trong năm 2020 đang ở mức 1.117.657.000.000 VND/571.311.355 cổ phiếu = 1.956 VND/cổ phiếu. Giả sử việc chào bán thêm 114.262.271 cổ phiếu thành công vào Quý IV/2021 và các chỉ tiêu tài chính khác không thay đổi thì EPS năm 2021 sẽ bị pha loãng còn  $1.117.657.000.000 \text{ VND} / [(571.311.355 \text{ cổ phiếu} \times 09 \text{ tháng} + (571.311.355 + 114.262.271) \text{ cổ phiếu} \times 3 \text{ tháng}) / 12 \text{ tháng}] = 1.863 \text{ VND/cổ phiếu}$ .

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn vốn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

Cụ thể, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 đang ở mức 8.100.130.000.000 VND/571.311.355 cổ phiếu = 14.178 VND/cổ phiếu, giả sử với việc phát hành thêm 114.262.271 cổ phiếu thành công vào quý 4/2021 và các chỉ tiêu tài chính khác năm 2021 không thay đổi thì giá trị sổ sách cuối năm 2021 sẽ bị pha loãng còn  $(8.100.130.000.000 \text{ VND} + 114.262.271 \text{ cổ phiếu} \times 10.000 \text{ VND/cổ phiếu}) / (571.311.355 \text{ cổ phiếu} + 114.262.271 \text{ cổ phiếu}) = 13.481 \text{ VND/cổ phiếu}$

Ngoài ra, giá cổ phiếu của Ngân hàng tại ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi được UBCKNN chấp thuận chào bán sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1+I}$$

P là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P<sub>t-1</sub> là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I là tỷ lệ vốn tăng

PR là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành

Cụ thể, giả sử giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng là 21.200 VND/cổ phiếu (đây là giá đóng cửa của cổ phiếu ABB ngày 05/08/2021) thì sau khi phát hành giá thị

trường của cổ phiếu sẽ bị pha loãng còn  $[21.200 \text{ VND/cổ phiếu} + 0,2 \times 10.000 \text{ VND/cổ phiếu}]/(1 + 0,2) = 19.333 \text{ VND/cổ phiếu}$ .

## **7. Phương thức phân phối**

- Việc phân phối cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, trong đó có quy định về giới hạn sở hữu và hạn chế sở hữu chéo theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp.

- Phương thức phân phối: theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu. Việc phân bổ quyền mua, thực hiện quyền mua, chuyển nhượng quyền mua, đăng ký nộp tiền mua theo Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau:

### **7.1. Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm**

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu ABB sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ mỗi 05 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu ABB phát hành thêm (tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với mức vốn điều lệ thực tế tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng).

- Đối với số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền không hết hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không nộp tiền mua/không nộp tiền mua hết số quyền mua (nếu có) sẽ được HĐQT tiếp tục phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện, tiêu chí do HĐQT quyết định tại thời điểm phân phối và với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

- ABBANK phối hợp với VSD phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Thành viên lưu ký của VSD.

- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, ABBANK sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

### **7.2. Phương thức thực hiện quyền**

- Đối tượng: toàn bộ cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.

- Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1 (Mỗi 05 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu)

- Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được ABBANK công bố chính thức sau khi ABBANK nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

- Các điều kiện khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua:

+ Cổ đông có quyền chuyển quyền mua của mình cho người khác. Người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba. Thời gian và thủ tục cho việc chuyển quyền này sẽ được ABBANK thông báo chính thức đến cổ đông sau khi ABBANK nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

+ Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và Tổ

chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc thực hiện quyền của cổ đông.

+ Tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật.

### 7.3. Chuyển nhượng quyền mua

- Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 lần cho các đối tượng khác trong thời gian chuyển quyền mua. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng lại cho bên thứ ba.

- *Tuân thủ quy định giới hạn sở hữu:*

+ Do tổng sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đã đạt mức tối đa (30%) theo Nghị định số 01/2014/NĐ-CP nên nhà đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông khác, trừ trường hợp các nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng quyền mua cho nhau. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa là cổ đông nhận chuyển nhượng quyền mua để trở thành cổ đông ABBANK và trường hợp cổ đông nước ngoài thực hiện quyền mua phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Việc nhận chuyển nhượng quyền mua của cổ đông, nhà đầu tư phải bảo đảm tuân thủ giới hạn sở hữu theo quy định tại Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

- Cổ đông là cá nhân không sở hữu quá 5% vốn điều lệ ABBANK;
- Cổ đông là tổ chức không sở hữu quá 15% vốn điều lệ ABBANK;
- Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó sở hữu không quá 20% vốn điều lệ ABBANK.

+ Cổ đông, nhà đầu tư và người có liên quan của họ đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác không được nhận chuyển nhượng quyền mua để mua thêm dẫn đến việc đồng thời sở hữu từ 5% vốn điều lệ của ABBANK (tuân thủ Điều 55.3 Luật Các tổ chức tín dụng).

+ Cổ đông, nhà đầu tư dự kiến nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của ABBANK và cổ đông lớn nhận chuyển nhượng quyền mua, thực hiện quyền mua phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện (Tuân thủ Điều 29.1(d) Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số 50/2018/TT-NHNN).

+ Quyền mua không được phép chuyển nhượng cho công ty con của ABBANK hoặc tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác mà ABBANK đang sở hữu cổ phần, phần vốn góp (tuân thủ Điều 129.5 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 195.2 Luật Doanh nghiệp).

- *Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán:*

+ Cổ đông chuyển nhượng quyền mua và thực hiện tại Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch. Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một Công ty chứng khoán là Thành viên lưu ký.

+ Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông đã lưu ký chứng khoán ABBANK do VSD thực hiện theo quy định.

- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán:

+ Cổ đông chuyển nhượng quyền mua làm thủ tục tại: Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình địa chỉ: Tầng 16, Toà nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Tp Hà Nội và các Chi nhánh của Công ty (đơn vị được uỷ thác tiếp nhận, rà soát hồ sơ);

+ Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông ABBANK chưa lưu ký chứng khoán do Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình thực hiện theo quy định.

## **8. Nộp tiền mua cổ phiếu**

### **8.1. Thời hạn nộp tiền mua cổ phiếu**

Thời hạn nộp tiền thực hiện quyền mua: tối thiểu là 20 ngày theo quy định. Ngân hàng sẽ công bố chính thức thời hạn nộp tiền mua sau khi Ngân hàng được UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

### **8.2. Số lượng cổ phiếu được mua**

Số lượng cổ phiếu được mua là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ và/hoặc số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua và/hoặc số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

### **8.3. Phương thức thanh toán**

- Cổ đông mở tài khoản và lưu ký tại Thành viên lưu ký nào sẽ thực hiện quyền mua, nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hướng dẫn tại Thành viên lưu ký đó.

- Cổ đông chưa lưu ký sẽ nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo thông báo của Tổ chức phát hành (chi tiết về tài khoản phong tỏa theo Mục 12 dưới đây).

- Bằng việc nộp tiền mua cổ phiếu, cổ đông/nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua mặc định cam kết và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn sử dụng để đặt mua cổ phiếu và/hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phiếu; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để đặt mua cổ phiếu và/hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua để mua cổ phiếu; không mua cổ phiếu đứng tên hộ cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác dưới mọi hình thức; bảo đảm tuân thủ quy định về giới hạn sở hữu và hạn chế quy định tại mục 1 nêu trên của văn bản thông báo này.

### **8.4. Chuyển giao cổ phiếu**

- Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung tại SGDCK.

- Sau khi đã được VSD chấp thuận đăng ký bổ sung, cổ phiếu chào bán được phân bổ như sau:

+ Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: cổ phiếu sẽ được phân bổ vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư tại công ty chứng khoán theo Thông báo xác nhận ký gửi chứng khoán phát hành kèm Danh sách nhà đầu tư được phân bổ chứng khoán phát hành thêm do đặt mua của VSD;

+ Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: ABBANK chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông sở hữu cổ phiếu chưa lưu ký.

## 8.5. Quyền lợi của người mua cổ phiếu

- Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông phổ thông khác của ABBANK kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông.
- Cổ đông hiện hữu được quyền nhận cổ phiếu và quyền mua theo tỷ lệ chào bán và có quyền từ chối quyền mua và chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định.
- Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do cổ đông hiện hữu/nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua nhưng không mua hoặc không mua hết được HĐQT quyết định tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

## 8.6. Số lượng cổ phiếu mua tối thiểu

Không hạn chế số lượng cổ phiếu mua tối thiểu. Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua được quyền đặt mua từ 01 cổ phiếu đến số lượng cổ phiếu tối đa được mua căn cứ số quyền mua sở hữu.

## 8.7. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số tiền đặt mua nhiều hơn số cổ phiếu đăng ký mua

ABBANK sẽ chuyển trả lại cho người đặt mua trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả chào bán ra công chúng của ABBANK.

## 9. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh

### 9.1. Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ

Việc xử lý quyền mua lẻ và chào bán số cổ phiếu hình thành từ cổ phiếu lẻ trong cùng đợt phát hành do HĐQT chào bán cho cổ đông khác hoặc cho nhà đầu tư mới do HĐQT quyết định bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện thủ tục và giới hạn sở hữu cổ phần trong Ngân hàng TMCP. Giá chào bán cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư mới đối với số cổ phiếu này không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

### 9.2. Phương án xử lý số cổ phiếu không bán hết

- Số cổ phiếu không bán hết bao gồm:
  - (i) Cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn đến hàng đơn vị số cổ phiếu được đăng ký mua;
  - (ii) Cổ phiếu không bán hết do hết thời hạn đăng ký và nộp tiền mua mà cổ đông hiện hữu/nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua không đăng ký, nộp tiền mua.
- Số cổ phiếu không bán hết sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu và sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.
- Số cổ phiếu không bán hết được phân phối cho tổ chức cá nhân có văn bản đăng ký mua theo mẫu quy định ABBANK trong thời hạn do HĐQT quy định cụ thể và đảm bảo các điều kiện sau:

+ Việc phân phối số cổ phiếu còn lại không dẫn tới việc vi phạm giới hạn sở hữu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (tuân thủ Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng), cụ thể:

- Cổ đông là cá nhân không sở hữu quá 5% vốn điều lệ ABBANK;
- Cổ đông là tổ chức không sở hữu quá 15% vốn điều lệ ABBANK;
- Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu không quá 20% vốn điều lệ ABBANK.

+ Không phân phối số cổ phiếu còn lại cho cổ đông lớn của tổ chức tín dụng khác và người có liên quan của cổ đông đó nếu việc phân phối này dẫn đến việc họ đồng thời sở hữu từ 5% vốn điều lệ ABBANK (tuân thủ Điều 55.3 Luật Các tổ chức tín dụng).

+ Không phân phối cổ phiếu còn lại cho công ty con của ABBANK hoặc tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác mà ABBANK đang sở hữu cổ phần, phần vốn góp (tuân thủ Điều 195.2 Luật Doanh nghiệp; Điều 129.5 Luật Các tổ chức tín dụng).

+ Tiêu chí/điều kiện khác (nếu có) do HĐQT quyết định khi thực hiện việc phân phối số cổ phiếu còn lại.

+ Đảm bảo tuân thủ các điều kiện khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung, sửa đổi, hướng dẫn thi hành.

(Đối với đối tượng cổ đông lớn hoặc đối tượng cổ đông, nhà đầu tư đăng ký mua thêm dẫn đến việc trở thành cổ đông lớn của ABBANK phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận trước bằng văn bản trước (Điều 29.1(đ) Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số 50/2018/TT-NHNN)).

## 10. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến: trong vòng 90 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng. Trong trường hợp kéo dài hơn thời gian trên, Ngân hàng sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

- Thời gian tiến hành dự kiến: Trong Quý III - Quý IV/2021 và sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

**Bảng 43: Lịch trình dự kiến của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng**

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng	T
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và Thông báo chốt danh sách cổ đông với VSD và SGDCK	T đến T + 2
3	Công bố thông tin về việc chào bán theo quy định	T đến T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 10

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày làm việc)
5	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền	T + 12
6	Nhận danh sách cổ đông từ VSD và gửi xác nhận danh sách cổ đông cho VSD. VSD thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu lý. Thành viên lưu ký và ABBANK thông báo quyền mua cho cổ đông	T+14 đến T+20
7	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	T+22 đến T+42
8	VSD gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	T+42 đến T+49
9	Thông báo xác nhận danh sách người sở hữu đặt mua cổ phiếu cho VSD	T+49 đến T54
10	HOQT phân bổ số cổ phiếu không đăng ký mua hết (nếu có)	T+49 đến T+52
11	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN; NHNN	T+53
12	Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán thành công	T+53 đến T+63
13	Thực hiện đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các tài liệu khác tương đương); sửa đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ, tổng số cổ phần)	T+53 đến T+63
14	Chuyển giao giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký	T+53 đến T+90
15	Cổ phiếu được chào bán thêm chính thức được giao dịch	T+90

Thời gian phân phối cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

#### 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu chào bán không thành công, đối với số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết và cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn đến hàng đơn vị số cổ phiếu được đăng ký mua, HOQT sẽ cộng dồn và phân phối cho các đối tượng khác và số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

#### 12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền đặt mua cổ phiếu



Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu chào bán ra công chứng cho cổ đông hiện hữu của ABBANK với thông tin như sau:

- Tên Chủ tài khoản : Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
- Số tài khoản : 12211000689686
- Mở tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hà Thành
- Loại tiền tài khoản: VND

### **13. Ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đợt tăng vốn điều lệ ABBANK**

Tại Công văn số 4963/NHNN-TTGSNH ngày 08 tháng 7 năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có ý kiến như sau: “Chấp thuận việc ABBANK tăng vốn điều lệ thêm tối đa 3.696.384.460.000 đồng (Ba nghìn sáu trăm chín mươi sáu tỷ ba trăm tám mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) dưới hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (chương trình ESOP) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của ABBANK thông qua tại Nghị quyết ngày 29/4/2021.”

### **14. Hủy bỏ đợt chào bán**

- Đợt chào bán cổ phiếu ra công chứng cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng có thể bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chứng theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chứng bị hủy bỏ, Ngân hàng sẽ công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chứng trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã chào bán, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

### **15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài<sup>4</sup>**

ABBANK cam kết sử dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để giữ tỷ lệ sở hữu nước ngoài đảm bảo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Do tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK hiện đã đạt giới hạn tối đa, các biện pháp hạn chế và kiểm soát dưới đây được áp dụng:

- Việc phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài bảo đảm tuân thủ theo đúng tỷ lệ phân bổ quyền tại Phương án chào bán, phát hành đã được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị thông qua và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

<sup>4</sup> Nhà đầu tư nước ngoài được hiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2014 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

- Nhà đầu tư nước ngoài không được nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông khác, trừ trường hợp các nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng quyền mua cho nhau.
- Không phân phối số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết (nếu có) cho đối tượng cổ đông, nhà đầu tư nước ngoài nếu việc này dẫn tới vượt quá giới hạn tổng mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (30%).
- Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi thực hiện (theo Điều 29.1(d) Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định 01/2014/NĐ-CP và Thông tư 38/2014/TT-NHNN).

## **16. Các loại thuế có liên quan**

### **16.1. Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp**

#### **✚ Thuế giá trị gia tăng**

- Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014 và 2016) và các văn bản hướng dẫn thi hành, các dịch vụ tài chính, ngân hàng mà ABBANK cung cấp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT trong đó các dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật; bán nợ; kinh doanh ngoại tệ; dịch vụ tài chính phái sinh (hoán đổi lãi suất; hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; quyền chọn mua, bán ngoại tệ; dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật)...

#### **✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp**

ABBANK nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và 2014) và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, mức thuế thu nhập áp dụng đối với ABBANK là 20% (giảm từ 22% xuống 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016).

#### **✚ Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác (nếu có), ABBANK thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

### **16.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư**

#### **✚ Đối với nhà đầu tư cá nhân**

##### *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm cả quyền mua cổ phiếu được xác định là giá chuyển nhượng từng lần. Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán đối với cá nhân là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

##### *Thu nhập từ cổ tức, cổ phiếu thưởng:*

- + Thu nhập từ cổ tức, cổ phiếu thưởng là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất là 5%.

+ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt thì thuế thu nhập cá nhân là 5% sẽ được khấu trừ từ nguồn trước khi chi trả. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi chuyển nhượng số cổ phiếu cùng loại thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế.

➤ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

+ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2013 và 2014), thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

+ Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam: không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**17. Thông tin về các cam kết**

Đối với số cổ phiếu tăng thêm sau đợt chào bán thành công, Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cam kết sẽ thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung tại SGDCK theo quy định tại khoản 2, Điều 29 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

**18. Lộ trình tăng vốn điều lệ trong năm 2021**

Lộ trình tổng thể tăng vốn điều lệ của ABBANK đã được NHNN chấp thuận với số vốn dự kiến tăng thêm 3.696.384.460.000 đồng thông qua chào bán, phát hành thêm tổng số 369.638.446 cổ phần theo các đợt phát hành cụ thể như sau:

Đợt 1: + Phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (114.262.271 cổ phần) Quý III, Quý IV/2021

+ Phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (11.426.227 cổ phần). Dự kiến Quý III, Quý IV/2021 (ngay sau khi có chấp thuận chào bán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Đợt 2: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) (243.949.948 cổ phần), dự kiến Quý IV/2021 đến Quý I/2022.

**VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Mục tiêu của chào bán, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ là nhằm tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng bên cạnh phần tăng từ lợi nhuận giữ lại. Việc tăng vốn điều lệ giúp Ngân hàng:

- Tạo cơ sở cho việc phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả: đảm bảo đáp ứng tốt nhất các chỉ tiêu an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN cũng như các tổ chức đánh giá xếp hạng tín nhiệm độc lập, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, trong hoạt động ngân hàng trước bối cảnh kinh tế nhiều thách thức

- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động, và khả năng cạnh tranh qua việc bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu cho hoạt động kinh doanh;
- Đảm bảo nền tảng cho việc triển khai thành công chiến lược kinh doanh trung hạn 2021-2025 theo phê duyệt của Hội đồng quản trị (HĐQT) trên cơ sở đầu tư phát triển hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tập trung vào chuyển đổi số, nâng cấp cơ sở vật chất mạng lưới hoạt động của ngân hàng.
- ABBANK chào bán không vì mục đích thực hiện dự án.
- Trên phương diện tổng thể, vốn thu được từ chào bán phát hành được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu về vốn theo thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN về Hệ thống kiểm soát nội bộ (Thông tư 13) cũng như đảm bảo mức xếp hạng tín nhiệm của cơ quan xếp hạng tín nhiệm độc lập.

Từ góc độ cơ quan quản lý, từ năm 2021, ABBANK cần thực hiện ICAAP (quy trình đánh giá mức độ an toàn vốn nội bộ). Theo khung khổ ICAAP, Ngân hàng cần bảo đảm có đủ vốn để thực hiện được kế hoạch kinh doanh trung hạn, nếu không, Ngân hàng cần có kế hoạch vốn để bù đắp phần thiếu hụt. Theo phương án kinh doanh của ABBANK, Ngân hàng cần thêm 940 tỷ đồng để mức độ đủ vốn của Ngân hàng.

Từ góc độ của cơ quan xếp hạng tín nhiệm độc lập, để ABBANK có thể cải thiện mức xếp hạng hiện tại, với kế hoạch kinh doanh dự kiến, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 phải đạt tối thiểu là 10,4%, tương đương mức vốn tự có cấp 1 tối thiểu cần là 11.117 tỷ đồng, khoảng thiếu hụt là 1.197 tỷ đồng.

Như vậy, với số vốn cấp 1 được bổ sung thêm từ đợt chào bán, phát hành cổ phiếu, ưu tiên hàng đầu sẽ để đảm bảo yêu cầu về vốn để đáp ứng các mục tiêu kinh doanh của ABBANK. Bảng dưới đây cho thấy hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) của ABBANK trước và sau khi có thêm 1.256 tỷ đồng vốn điều lệ được huy động thêm vào năm 2021:

*Dvt: Tỷ đồng*

Chỉ số	Chưa bổ sung vốn cổ phần	Được bổ sung vốn từ chào bán phát hành CP	Mục tiêu cần đạt (đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13)	Mục tiêu cần đạt (đáp ứng yêu cầu của TCXHTN)
Vốn tự có cấp 1	9.920	11.176	Không yêu cầu cụ thể	11.117
Vốn tự có mục tiêu (Theo quy định Thông tư 13)	10.366	11.622	11.306	Không yêu cầu cụ thể
CAR cấp 1	9,28%	10,4%	Không yêu cầu cụ thể	10,4%

### **Dự kiến một số chỉ tiêu chính sau khi tăng vốn điều lệ**

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán, phát hành được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng, ngoài việc nâng cao năng lực tài chính, mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ ngân hàng, bảo đảm mức độ đủ vốn, quản trị rủi ro, còn góp phần tối ưu hoá cơ cấu nguồn vốn kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng. Dự kiến một số chỉ tiêu chính sau khi tăng vốn điều lệ:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tổng tài sản (tỷ đồng)	120.217	138.250
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.973	2.565
RoaE	16,9%	19,2%
CIR	45,6%	42%

Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến thì HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác trong đợt phát hành theo nội dung đã trình bày ở trên. Trường hợp kết thúc đợt phát hành, số vốn thu được thấp hơn dự kiến, HĐQT sẽ quyết định tìm kiếm các nguồn bổ sung khác để tăng quy mô vốn hoạt động, đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh.

## IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được ưu tiên sử dụng cho hoạt động cấp tín dụng và đầu tư trái phiếu chính phủ (có hệ số rủi ro bằng 0): 1.142 tỷ đồng.

**X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN****1. Tổ Chức Tư Vấn****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH (ABS)**

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3562 4626

Fax: (84-24) 3562 4628

Website: <http://www.abs.vn/>

**2. Tổ chức kiểm toán****CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Tầng 20, Bitexco Financial Tower, Số 2 Phố Bà Triệu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 5252

Fax: (84-28) 3824 5250

Website: <http://ey.com>

## XI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 22 tháng 7 năm 2019;
- Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP An Bình;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình;
- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2019;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019;
- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2020;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020;
- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét;
- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét;
- Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2021;
- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số ngày 08/04/2021 V/v Phương án tăng vốn điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT.21 ngày 26/05/2021 V/v thông qua phương án tăng vốn điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình;
- Phương án tăng vốn điều lệ ban hành kèm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT.21 ngày 26/05/2021;
- Quyết định của Hội đồng quản trị số 172/QĐ-HĐQT.21 ngày 09/8/2021 V/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2021;
- Quyết định của Hội đồng quản trị số 206/QĐ-HĐQT.21 ngày 22/9/2021 V/v phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, và bảo đảm tuân thủ các giới hạn sở hữu trong chào bán, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP An Bình;
- Văn bản cam kết số 256/CV-HĐQT.21 ngày 09/8/2021 V/v đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
- Văn bản Thông báo tài khoản ngày 03/8/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành xác nhận về việc mở tài khoản phong tỏa;
- Văn bản chấp thuận số 4963/NHNN-TTGSNH ngày 08/7/2021 của Ngân hàng Nhà Nước về việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP An Bình;
- Văn bản cam kết số 266/CV-HĐQT.21 ngày 22/9/2021 về việc đăng ký lưu ký bổ sung, đăng ký giao dịch bổ sung đối với cổ phiếu chào bán, phát hành thêm;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0907.01/2021/HĐTV/ABS-ABB ngày 09/7/2021 ký kết với CTCP Chứng khoán An Bình.

**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,  
TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**

Đào Mạnh Khánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Quốc Việt

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Hải

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

Trương Ngọc Lân

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Trang 150

